

Số: 20 /QĐ - BVCTCH

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 15 tháng 01 năm 2021

QUYẾT ĐỊNH
Về việc phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu
Gói thầu thuốc Generic
Thuộc dự toán: Mua sắm thuốc năm 2020-2021
Chủ đầu tư: Bệnh viện Chấn thương Chính hình

GIÁM ĐỐC BỆNH VIỆN CHẤN THƯƠNG CHÍNH HÌNH

Căn cứ Quyết định số 06/QĐ-SYT ngày 06 tháng 01 năm 2021 của Sở Y tế Thành phố HCM về việc ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của Bệnh viện Chấn thương Chính hình trực thuộc Sở Y tế Thành phố HCM;

Căn cứ Luật Đấu thầu ngày 26 tháng 11 năm 2013;

Căn cứ Nghị định số 63/2014/NĐ-CP ngày 26 tháng 6 năm 2014 của Chính phủ Quy định chi tiết hướng dẫn thi hành một số điều của Luật đấu thầu về lựa chọn nhà thầu;

Căn cứ Thông tư 15/2019/TT-BYT ngày 11 tháng 7 năm 2019 của Bộ Y tế Quy định việc đấu thầu thuốc tại các cơ sở y tế công lập;

Căn cứ Quyết định số 5694/QĐ-SYT ngày 27 tháng 8 năm 2020 của Giám đốc Sở Y tế Thành phố Hồ Chí Minh về việc phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu; Gói thầu mua sắm thuốc năm 2020-2021 của Bệnh viện Chấn thương Chính hình;

Căn cứ Quyết định số 677/QĐ-BVCTCH ngày 06 tháng 8 năm 2020 của Bệnh viện Chấn thương Chính hình về việc phê duyệt dự toán gói thầu: Mua thuốc năm 2020 – 2021 của Bệnh viện Chấn thương Chính hình;

Căn cứ Quyết định số 717/QĐ-BVCTCH ngày 01 tháng 9 năm 2020 của Giám đốc Bệnh viện Chấn thương Chính hình về việc thành lập Bên mời thầu Gói thầu mua thuốc năm 2020 – 2021 của Bệnh viện Chấn thương Chính hình;

Căn cứ Quyết định số 716/QĐ-BVCTCH ngày 01 tháng 9 năm 2020 của Giám đốc Bệnh viện Chấn thương Chính hình về việc thành lập Tổ thẩm định Gói thầu mua thuốc năm 2020 – 2021 của Bệnh viện Chấn thương Chính hình;

Căn cứ Quyết định số 718/QĐ-BVCTCH ngày 01 tháng 9 năm 2020 của Giám đốc Bệnh viện Chấn thương Chính hình về việc thành lập Tổ Chuyên gia Gói thầu mua thuốc năm 2020 – 2021 của Bệnh viện Chấn thương Chính hình;

Căn cứ Quyết định số 802/QĐ-BVCTCH ngày 29 tháng 9 năm 2020 của Giám đốc Bệnh viện Chấn thương Chính hình về việc phê duyệt hồ sơ mời thầu Gói thầu thuốc Generic thuộc dự toán các gói thầu mua sắm thuốc năm 2020-2021;

Căn cứ quyết định số 1031/QĐ-BVCTCH ngày 24 tháng 12 năm 2020 của Giám đốc Bệnh viện Chấn thương Chỉnh hình Về việc phê duyệt danh sách nhà thầu đáp ứng yêu cầu kỹ thuật, Gói thầu thuốc Generic thuộc dự toán các gói thầu mua sắm thuốc năm 2020-2021 của Bệnh viện Chấn thương Chỉnh hình;

Căn cứ quyết định số 1042/QĐ-BVCTCH ngày 28 tháng 12 năm 2020 của Giám đốc Bệnh viện Chấn thương Chỉnh hình Về việc phê duyệt bổ sung danh sách nhà thầu đáp ứng yêu cầu kỹ thuật, Gói thầu thuốc Generic thuộc dự toán các gói thầu mua sắm thuốc năm 2020-2021 của Bệnh viện Chấn thương Chỉnh hình;

Xét Tờ trình về việc đề nghị phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu ngày 14 tháng 01 năm 2021 của Bên mời thầu và Báo cáo thẩm định kết quả lựa chọn nhà thầu ngày 14 tháng 01 năm 2021 của Tổ thẩm định Bệnh viện Chấn thương Chỉnh hình về việc đề nghị phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu, Gói thầu thuốc Generic, thuộc dự toán Gói thầu mua thuốc năm 2020-2021 của Bệnh viện Chấn thương Chỉnh hình;

Xét đề nghị của Bên mời thầu,

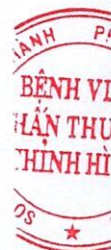
QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu Gói thầu thuốc Generic của Bệnh viện Chấn thương Chỉnh hình với các nội dung như sau:

1. Chủ đầu tư: Bệnh viện Chấn thương Chỉnh hình
2. Tên gói thầu: Gói thầu thuốc Generic
3. Nguồn vốn: Nguồn từ dịch vụ khám bệnh, chữa bệnh và nguồn thu do cơ quan BHXH thanh toán, nguồn thu hợp pháp khác
4. Hình thức đấu thầu: Đấu thầu rộng rãi trong nước
5. Phương thức lựa chọn nhà thầu: Một giai đoạn, hai túi hồ sơ
6. Tổng số nhà thầu trúng thầu: 47 nhà thầu
7. Tổng số mặt hàng trúng thầu: 220 mặt hàng
8. Tổng giá trị gói thầu trúng thầu: **40.026.885.198 đồng**
(Số tiền bằng chữ: Bốn mươi tỷ hai mươi sáu triệu tám trăm tám mươi lăm nghìn một trăm chín mươi tám đồng)
9. Tên nhà thầu, tên hàng hóa và giá trúng thầu: theo danh sách đính kèm
10. Hình thức hợp đồng: Hợp đồng trọn gói
11. Thời gian thực hiện hợp đồng: 12 tháng kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực.

Điều 2. Bên mời thầu, Tổ chuyên gia, Tổ Thẩm định Bệnh viện Chấn thương Chỉnh hình tự chịu trách nhiệm về kết quả đánh giá Hồ sơ dự thầu và đề xuất thứ tự xếp hạng nhà thầu theo quy định.

Điều 3. Bên mời thầu Bệnh viện Chấn thương Chỉnh hình có trách nhiệm: đề xuất kết quả lựa chọn nhà thầu; đăng tải thông tin về kết quả lựa chọn nhà thầu lên hệ thống mạng đấu thầu quốc gia hoặc Báo đấu thầu; gửi văn bản thông báo kết quả lựa chọn nhà thầu cho các nhà thầu tham dự thầu và chuẩn bị nội dung chặt chẽ để hoàn thiện hợp đồng, hợp đồng phải đảm bảo chất lượng và



phải chú ý đến các điều khoản chế tài trong thực hiện hợp đồng. Tham vấn cho Chủ đầu tư ký hợp đồng chính thức với các nhà thầu trúng thầu, tổ chức thực hiện hợp đồng mua sắm hàng hóa theo đúng quy định hiện hành.

Điều 4. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký. Bên mời thầu, Tổ chuyên gia, Tổ thẩm định và các phòng ban liên quan khác của Bệnh viện Chấn thương Chỉnh hình chịu trách nhiệm thi hành quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 4;
- P.TCKT bệnh viện;
- Kho bạc Nhà nước Quận 5;
- Lưu: VT, KD (PC/10b).



GIÁM ĐỐC

Châu Văn Đính



SỞ Y TẾ THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
BỆNH VIỆN CHẨN THƯƠNG CHÍNH HÌNH

DANH MỤC NHÀ THẦU TRÚNG THẦU

GÓI THẦU THUỐC GENERIC

(kèm Quyết định số 20/QĐ-BVCTCH ngày 15/01/2021 của BV Chẩn thương Chính hình)

STT	Mã số	Tên nhà thầu	Số mặt hàng trúng thầu	Giá trị trúng thầu (VNĐ)	Địa chỉ	Số điện thoại
1	1	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC - THIẾT BỊ Y TẾ ĐÀ NẴNG	1	1.597.535.100	02 Phan Đình Phùng, Phường Hải Châu 1, Q. Hải Châu, TP. Đà Nẵng	0962 936 459
2	3	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC DANAPHA	2	700.934.110	253 Dũng Sĩ Thanh Khê, P. Thanh Khê Tây, Q. Thanh Khê, TP. Đà Nẵng	02363 760 130
3	4	CÔNG TY TNHH MTV THƯƠNG MẠI DƯỢC PHẨM KHANG HUY	2	573.183.600	42/13 Tôn Thất Hiệp, Phường 13, Q. 11, TP. HCM	02838 624 889
4	5	CÔNG TY TNHH DƯỢC PHẨM VÀ TRANG THIẾT BỊ Y TẾ HOÀNG ĐỨC	2	22.278.040	12 Nguyễn Hiền, Phường 4, Q. 3, TP. HCM	0912 445 001
5	6	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM DƯỢC LIỆU PHARMEDIC	1	545.471.640	367 Nguyễn Trãi, Phường Nguyễn Cư Trinh, Q. 1, TP. HCM	0903 194 018
6	7	CÔNG TY TNHH DƯỢC PHẨM ĐỨC ANH	1	1.093.865.850	197/4 Nguyễn Lâm, Phường 6, Q. 10, TP. HCM	0903 037 183
7	9	CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU Y TẾ DOMESCO	2	29.755.400	66 Quốc lộ 30, Phường Mỹ Phú, TP. Cao Lãnh, Tỉnh Đồng Tháp	02854 257 689
8	12	CÔNG TY CỔ PHẦN HÓA - DƯỢC PHẨM MEKOPHAR	4	416.848.900	297/5 Lý Thường Kiệt, Phường 15, Q. 11, TP. HCM	02838 686 074
9	13	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM TRUNG ƯƠNG CPC1	10	997.309.500	87 Nguyễn Văn Trỗi, Phường Phương Liệt, Q. Thanh Xuân, TP. Hà Nội	0938 381 592

Mua

STT	Mã số	Tên nhà thầu	Số mặt hàng trúng thầu	Giá trị trúng thầu (VNĐ)	Địa chỉ	Số điện thoại
10	16	CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU Y TẾ THÁI AN	1	248.897.880	Số nhà 11 (bt3-vt17) Khu nhà ở Xa La, Phường Phúc La, Quận Hà Đông, TP. Hà Nội	0943 703 289
11	19	CÔNG TY TNHH DƯỢC PHẨM QUANG ANH	2	187.471.200	83A Hòa Hưng, Phường 12, Q. 10, TP. HCM	02838 633 862
12	20	CÔNG TY TNHH TM DƯỢC PHẨM VẠN XUÂN	3	283.610.800	38 Lam Sơn, Phường Lam Sơn, Q. Lê Chân, TP. Hải Phòng	0974 238 121
13	21	CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI DƯỢC PHẨM THIÊN KIM	1	185.120.000	54 Hưng Thái 1, Phường Tân Phong, Q. 7, TP. HCM	02854 100 908
14	22	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM VIỆT HÀ	3	64.206.000	4 Lô A, Trường Sơn, P. 15, Q. 10, TP. HCM	02839 703 696
15	23	CÔNG TY TNHH DƯỢC PHẨM CHÂU Á - THÁI BÌNH DƯƠNG	2	2.142.954.000	113 Y Ngông, Phường Tân Thành, TP. Buôn Ma Thuột, Tỉnh Đắk Lắk	02623 814 083
16	24	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM TENAMYD	3	2.145.528.672	Lô Y.01 - 02A Đường Tân Thuận, KCN,KCX Tân Thuận, Phường Tân Thuận Đông, Q. 7, TP. HCM	02837 700 707
17	25	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC - TRANG THIẾT BỊ Y TẾ BÌNH ĐỊNH (BIDIPHAR)	12	1.394.040.372	498 Nguyễn Thái Học, Phường Quang Trung, TP. Quy Nhơn, Tỉnh Bình Định	02838 623 115
18	26	CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI DƯỢC PHẨM PHƯƠNG LINH	2	88.806.000	Số 3, Ngõ 24 Phan Văn Trường, Phường Dịch Vọng Hậu, Q. Cầu Giấy, TP. Hà Nội	0912 012 927
19	27	CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN TÂY ÂU	1	3.866.320.000	2/67 Thiên Phước, Phường 9, Q. Tân Bình, TP. HCM	02838 660 561
20	28	CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI DƯỢC PHẨM PVN	1	5.000.000	162L/10 Trường Chinh, Phường 12, Q. Tân Bình, TP. HCM	0942 745 093
21	32	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM THIÊN THẢO SÀI GÒN	1	30.300.000	40/2 Huỳnh Đình Hai, Phường 14, Q. Bình Thạnh, TP. HCM	0904 698 795

Mlu

STT	Mã số	Tên nhà thầu	Số mặt hàng trúng thầu	Giá trị trúng thầu (VNĐ)	Địa chỉ	Số điện thoại
22	33	CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN DƯỢC SÀI GÒN	3	474.488.700	18 - 20 Nguyễn Trường Tộ, Phường 12, Quận 4, TP.HCM	0348 380 816
23	34	CÔNG TY TNHH DƯỢC PHẨM TUỆ HẢI	6	1.320.480.720	23 Đường số 17 KDC Him Lam, Xã Bình Hưng, Huyện Bình Chánh, TP. HCM	02837 580 071
24	35	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM CỬU LONG	3	619.018.725	150 Đường 14/9, Phường 5, TP. Vĩnh Long, Tỉnh Vĩnh Long	02703 820 981
25	37	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM MINH DÂN	7	244.996.034	Lô E2, Đường N4, KCN Hòa Xá, Phường Lộc Hòa, TP. Nam Định, Tỉnh Nam Định	0901 338 586
26	38	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC LIỆU TRUNG ƯƠNG 2	21	6.578.324.140	24 Nguyễn Thị Nghĩa, Phường Bến Thành, Q. 1, TP. HCM	0932 798 069
27	40	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM AN THIÊN	5	155.028.850	314 Bông Sao, Phường 5, Quận 8, TP. HCM	0901 114 454
28	41	CÔNG TY TNHH DƯỢC PHẨM NGUYỄN ANH KHOA	2	99.951.600	113 Dương Bá Trạc, Phường 1, Q. 8, TP. HCM	02839 830 040
29	42	CÔNG TY CỔ PHẦN GONSA	21	4.052.817.200	88 Phạm Thị Tánh, Phường 4, Q. 8, TP. HCM	0913 637 404
30	44	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC HẬU GIANG	3	134.507.900	288 Bis Nguyễn Văn Cừ, Phường An Hòa, Q. Ninh Kiều, TP. Cần Thơ	0965 016 252
31	46	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM AGIMEXPHARM	8	274.594.950	27 Nguyễn Thái Học, Phường Mỹ Bình, TP. Long Xuyên, Tỉnh An Giang	02963 856 966
32	47	CÔNG TY TNHH DƯỢC PHẨM SONG VIỆT	1	71.118.000	355/2C Sư Vạn Hạnh, Phường 12, Q. 10, TP. HCM	0982 112 257
33	49	CÔNG TY CỔ PHẦN PYMEPHARCO	7	322.527.310	166 - 170 Nguyễn Huệ, TP. Tuy Hòa, Tỉnh Phú Yên	02839 708 789
34	50	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM SAVI	4	613.568.995	Lô Z.01-02-03A KCN trong KCX Tân Thuận, Phường Tân Thuận Đông, Quận 7, Tp. HCM	0919 936 126

Mu

STT	Mã số	Tên nhà thầu	Số mặt hàng trúng thầu	Giá trị trúng thầu (VNĐ)	Địa chỉ	Số điện thoại
35	52	CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN VIMEDIMEX BÌNH DƯƠNG	26	4.311.654.081	18L1-2, VSIP II, Đường số 3, KCN VSIP 2, Phường Hòa Phú, TP. Thủ Dầu Một, Tỉnh Bình Dương, Việt Nam	02743 815 062
36	53	CÔNG TY TNHH DƯỢC PHẨM TPVN	2	67.854.500	299/17B Lý Thường Kiệt, Phường 15, Q. 11, TP. HCM	02838 638 355
37	54	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM VĨNH PHÚC	10	107.466.989	777 Mê Linh, Phường Khai Quang, TP. Vĩnh Phúc, Tỉnh Vĩnh Phúc	02862 647 527
38	55	CÔNG TY TNHH DƯỢC TÂM ĐAN	2	13.842.360	A4.4 KDC Everich 3, Đường Phú Thuận, Phường Tân Phú, Q. 7, TP. HCM	02822 531 469
39	56	CÔNG TY TNHH DƯỢC PHẨM B.H.C	1	424.008.000	145 Đào Duy Anh, Phường 9, Q. Phú Nhuận, TP. HCM	0938 100 081
40	58	CÔNG TY TNHH DƯỢC PHẨM VẠN CƯỜNG PHÁT	3	138.952.000	299/28C Lý Thường Kiệt, Phường 15, Q. 11, TP. HCM	0907 449 299
41	59	CÔNG TY TNHH DƯỢC PHẨM VẮCXIN THUẬN ĐỨC	1	298.608.660	3H Nguyễn Kiệm, Phường 3, Q. Gò Vấp, TP. HCM	02838 946 557
42	60	CÔNG TY TNHH DƯỢC PHẨM VÀ TTBYT USS PHARMA	1	47.550.400	894 Tạ Quang Bửu, Phường 5, Q. 8, TP. HCM	02838 859 933
43	61	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM THIẾT BỊ Y TẾ HÀ NỘI	3	135.384.000	Số 02 Phố Hàng Bài, Phường Trảng Tiên, Q. Hoàn Kiếm, TP. Hà Nội	0907 636 579
44	62	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM TRUNG ƯƠNG CODUPHA	13	661.514.720	Lầu 2, 3, 4, 5 Tòa nhà 509 - 515 Tô Hiến Thành, Phường 14, Q. 10, TP. HCM	0918 532 142
45	63	CÔNG TY TNHH DƯỢC KIM ĐÔ	1	586.440.000	31/3 - 31/5 Phạm Phú Thứ, Phường 11, Q. Tân Bình, TP. HCM	02839 718 448
46	64	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM GOLDENLIFE	7	860.671.300	39 Nguyễn Quý Đức, Phường An Phú, Q. 2, TP. HCM	0914 998 833

STT	Mã số	Tên nhà thầu	Số mặt hàng trúng thầu	Giá trị trúng thầu (VNĐ)	Địa chỉ	Số điện thoại
47	65	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM 3/2	2	792.078.000	601 Cách Mạng Tháng 8, Phường 15, Q. 10, TP. HCM	02839 770 965
		Tổng cộng:	220	40.026.885.198		



GIÁM ĐỐC

Châu Văn Đỉnh



BẢNG TỔNG HỢP KẾT QUẢ THUỐC TRÚNG THẦU

GÓI THẦU THUỐC GENERIC

(ĐÍNH KÈM QUYẾT ĐỊNH SỐ 20/QĐ-BVCTCH NGÀY 15/01/2021)

STT	STT trong Hồ sơ mời thầu	Hoạt chất	Tên hàng hóa dự thầu	Tên hàng hóa dự thầu sau điều chỉnh	SDK hoặc số GPNK	Hàm lượng	Dạng bào chế	Dạng trình bày	Đường dùng	Đơn vị tính	Hãng sản xuất	Nước sản xuất	Quy cách đóng gói	Công ty dự thầu	Giá trúng thầu	Số lượng trúng thầu	Thành tiền
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)	(16)	(17)	(18)
NHÓM 1																	
1	4	Isoleucine; Leucine; Lysine (dưới dạng lysine HCl); Methionine; Phenylalanine; Threonine; Tryptophan; Valine; Arginine; Histidine; Alanine; Glycine; Aspartic acid; Glutamic acid; Proline; Serine; Tyrosine; Sodium acetate trihydrate; Sodium hydroxide; Potassium acetate; Magnesium chloride hexahydrate; Disodium phosphate dodecahydrate	Aminoplasmal B.Braun 10% E		VN-18160-14	Mỗi 250ml chứa: 1,25g; 2,225g; 1,7125g; 1,10g; 1,175g; 1,05g; 0,40g; 1,55g; 2,875g; 0,75g; 2,625g; 3,00g; 1,4g; 1,8g; 1,375g; 0,575g; 0,10g; 0,7145g; 0,09g; 0,61325g; 0,127g; 0,89525g	Dung dịch truyền tĩnh mạch	Chai/lọ/túi i/ống 500ml	Tiêm truyền	Chai	B.Braun Melsungen AG	Germany	Hộp 10 chai 500ml	CÔNG TY TNHH DƯỢC PHẨM TUỆ HẢI	150.700,00	290	43.703.000,00

SỞ Y TẾ THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
BỆNH VIỆN CHẤN THƯƠNG CHỈNH HÌNH

KQ-5A2

STT	STT trong Hồ sơ mời thầu	Hoạt chất	Tên hàng hóa dự thầu	Tên hàng hóa dự thầu sau điều chỉnh	SDK hoặc số GPNK	Hàm lượng	Dạng bào chế	Dạng trình bày	Đường dùng	Đơn vị tính	Hãng sản xuất	Nước sản xuất	Quy cách đóng gói	Công ty dự thầu	Giá trúng thầu	Số lượng trúng thầu	Thành tiền
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)	(16)	(17)	(18)
2	6	Isoleucine; Leucine; Lysine (dưới dạng lysine HCl); Methionine; Phenylalanine; Threonine; Tryptophan; Valine; Arginine; Histidine; Alanine; Glycine; Aspartic acid; Glutamic acid; Proline; Serine; Tyrosine; Sodium acetate trihydrate; Sodium hydroxide; Potassium acetate; Sodium chloride; Magnesium chloride hexahydrate; Disodium phosphate dodecahydrate	Aminoplasmal B.Braun 5% E		VN-18161-14	Mỗi 250ml chứa: 0,625g; 1,1125g; 0,8575g; 0,55g; 0,5875g; 0,525g; 0,20g; 0,775g; 1,4375g; 0,375g; 1,3125g; 1,50g; 0,70g; 0,90g; 0,6875g; 0,2875g; 0,10g; 0,34025g; 0,035g; 0,61325g; 0,241g; 0,127g; 0,89525g	Dung dịch truyền tĩnh mạch	Chai/lọ/túi i/ống 250ml	Tiêm truyền	Chai	B.Braun Melsungen AG	Đức	Hộp 10 chai 250ml	CÔNG TY TNHH DƯỢC PHẨM TUỆ HẢI	67.723,00	390	26.411.970,00
3	7	Isoleucine; Leucine; Lysine (dưới dạng lysine HCl); Methionine; Phenylalanine; Threonine; Tryptophan; Valine; Arginine; Histidine; Alanine; Glycine; Aspartic acid; Glutamic acid; Proline; Serine; Tyrosine; Sodium acetate trihydrate; Sodium hydroxide; Potassium acetate; Sodium chloride; Magnesium chloride hexahydrate; Disodium phosphate dodecahydrate	Aminoplasmal B.Braun 5% E		VN-18161-14	Mỗi 250ml chứa: 0,625g; 1,1125g; 0,8575g; 0,55g; 0,5875g; 0,525g; 0,20g; 0,775g; 1,4375g; 0,375g; 1,3125g; 1,50g; 0,70g; 0,90g; 0,6875g; 0,2875g; 0,10g; 0,34025g; 0,035g; 0,61325g; 0,241g; 0,127g; 0,89525g	Dung dịch truyền tĩnh mạch	Chai/lọ/túi i/ống 500ml	Tiêm truyền	Chai	B.Braun Melsungen AG	Đức	Hộp 10 chai 500ml	CÔNG TY TNHH DƯỢC PHẨM TUỆ HẢI	117.000,00	2.200	257.400.000,00

SỞ Y TẾ THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
BỆNH VIỆN CHÂN THƯƠNG CHINH HÌNH

KQ-5A2

STT	STT trong Hồ sơ một thầu	Hoạt chất	Tên hàng hóa dự thầu	Tên hàng hóa dự thầu sau điều chỉnh	SDK hoặc số GPNK	Hàm lượng	Dạng bào chế	Dạng trình bày	Đường dùng	Đơn vị tính	Hãng sản xuất	Nước sản xuất	Quy cách đóng gói	Công ty dự thầu	Giá trúng thầu	Số lượng trúng thầu	Thành tiền
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)	(16)	(17)	(18)
4	10	Isoleucine, Leucine, Lysine Hydrochloride, Methionine, Phenylalanine, threonine, Tryptophan, Valine, Arginine glutamate, Histidine hydrochloride monohydrate, Alanine, Aspartic Acid, Glutamic Acid, Glycine, Proline, Serine, Magnesium acetate tetrahydrate, Sodium acetate trihydrate, Sodium chloride, Sodium hydroxide, Potassium hydroxide, Potassium Dihydrogen Phosphate, Glucose monohydrate, Calcium Chloride Dihydrate	Nutriflex Peri		VN-18157-14	40g; 80g	Dung dịch truyền tĩnh mạch	Túi 2 ngăn 1000ml	Tiêm truyền	Túi	B.Braun Medical AG	Switzerland	Hộp 5 túi 1000ml	CÔNG TY TNHH DƯỢC PHẨM TUỆ HẢI	404.000,00	2.240	904.960.000,00
5	12	L-Isoleucine + L-Leucine + L-Lysine acetat + L-Methionine + L-Phenylalanine + L-Threonine + L-Tryptophan + L-Valine + L-Alanine + L-Arginine + L-Aspartic acid + L-Glutamic acid + L-Histidine + L-Proline ...	Neoamiyu		VN-16106-13	6,1%	Dung dịch truyền tĩnh mạch	Túi/chai 200ml	Truyền tĩnh mạch	Túi	Ay Pharmaceuticals Co., Ltd	Nhật	Túi 200ml	CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN VIMEDIMEX BÌNH DƯƠNG	116.258,00	90	10.463.220,00
6	17	Albumin	ALBUMINAR 25		VN-13414-11	25%	Dung dịch truyền tĩnh mạch	Chai/10/túi i/ống 50ml	Tiêm truyền	Chai	CSL Behring LLC	USA	Hộp 1 chai 50 ml	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM THIẾT BỊ Y TẾ HÀ NỘI	865.000,00	150	129.750.000,00



SỞ Y TẾ THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
BỆNH VIỆN CHẨN THƯƠNG CHÍNH HÌNH

KQ-5A2

STT	STT trong Hồ sơ mời thầu	Hoạt chất	Tên hàng hóa dự thầu	Tên hàng hóa dự thầu sau điều chỉnh	SDK hoặc số GPNK	Hàm lượng	Dạng bào chế	Dạng trình bày	Đường dùng	Đơn vị tính	Hãng sản xuất	Nước sản xuất	Quy cách đóng gói	Công ty dự thầu	Giá trúng thầu	Số lượng trúng thầu	Thành tiền
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)	(16)	(17)	(18)
7	22	Amoxicilin (dưới dạng Amoxicilin natri)+ Acid clavulanic (dưới dạng kali clavulanat)	Axuka		VN-20700-17	1000mg; 200mg	Bột pha tiêm		Tiêm	Chai/lọ/túi/ống	S.C.Antibiotice S.A	Romani	Hộp 50 lọ	CÔNG TY TNHH DƯỢC PHẨM ĐỨC ANH	38.997,00	28.050	1.093.865.850,00
8	28	Ampicilin (dưới dạng ampicilin natri); Sulbactam (dưới dạng sulbactam natri)	Ama Power		VN-19857-16	1000mg; 500mg	Bột pha tiêm		Tiêm	Lọ	S.C.Antibiotice S.A.	Romani	Hộp 50 lọ	CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN TÂY ÂU	62.000,00	62.360	3.866.320.000,00
9	39	Betahistin hydroclorid	BETAHISTINE BLUEPHARMA	BETAHISTINE BLUEPHARMA (CS đóng gói: Bluepharma-Industria Farmaceutica, S.A (Fab. Coimbra). Địa chỉ: São Martinho do Bispo 3045-016 Coimbra Bồ Đào Nha)	VN-19442-15	16mg	Viên nén		Uống	viên	Catalent Germany Schorndorf GmbH (FAB.Schorndorf)	Germany	hộp 6 vỉ x 10 viên nén	CÔNG TY TNHH DƯỢC PHẨM QUANG ANH	1.960,00	300	588.000,00
10	40	Betamethasone (Betamethasone dipropionate); Betamethasone (dưới dạng Betamethasone disodium phosphate)	Diprospan		VN-22026-19	5mg/ml; 2mg/ml	Hỗn dịch để tiêm	Lọ/ống/chai/túi 1ml	Tiêm	Ống	Schering - Plough Labo N.V.	Bi	Hộp 1 ống 1ml	CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN VIMEDIMEX BÌNH DƯƠNG	63.738,00	50	3.186.900,00
11	41	Bisoprolol fumarate	DIOPLOL 2.5		VN-19499-15	2,5mg	Viên nén		Uống	Viên	Chanelle Medical	Ireland	Hộp 2 vỉ x 14 viên	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM THIẾT BỊ Y TẾ HÀ NỘI	1.350,00	2.400	3.240.000,00
12	42	Bisoprolol fumarat	Zentobiso 5.0mg		VN-17389-13	5mg	Viên nén		Uống	Viên	Niche Generics Ltd.	Ireland	Hộp 2 vỉ x 14 viên	CÔNG TY TNHH DƯỢC PHẨM VẠN CƯỜNG PHÁT	3.600,00	860	3.096.000,00
13	43	Budesonid	Pulmicort Respules 500mcg/2ml 20's	Pulmicort Respules	VN-19559-16	500mcg/2ml	Hỗn dịch khí dung dùng để hít	Chai/lọ/ống/nang 2ml	Hít	Ống	AstraZeneca AB	Thụy Điển	Hộp 4 gói x 5 ống đơn liều 2ml	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC LIỆU TRUNG ƯƠNG 2	13.834,00	1.320	18.260.880,00

SỞ Y TẾ THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
BỆNH VIỆN CHẨN THƯƠNG CHÍNH HÌNH

KQ-5A2

STT	STT trong Hồ sơ mời thầu	Hoạt chất	Tên hàng hóa dự thầu	Tên hàng hóa dự thầu sau điều chỉnh	SDK hoặc số GPNK	Hàm lượng	Dạng bào chế	Dạng trình bày	Đường dùng	Đơn vị tính	Hãng sản xuất	Nước sản xuất	Quy cách đóng gói	Công ty dự thầu	Giá trúng thầu	Số lượng trúng thầu	Thành tiền
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)	(16)	(17)	(18)
14	48	Calci carbonat + vitamin D3	BRIOZCAL		VN-22339-19	Calci (dưới dạng Calci carbonat 1,25g) 500mg; Vitamin D3 125IU	Viên nén bao phim		Uống	Viên	Lipa Pharmaceuticals Ltd	Úc	Hộp 3 vỉ x 10 viên	CÔNG TY TNHH DƯỢC PHẨM B.H.C	2.700,00	157.040	424.008.000,00
15	52	Magnesium gluconat; Calcium glycerophosphat	Fatig		VN-20359-17	Mỗi 10ml chứa: Magnesium gluconat 0,426g; Calcium glycerophosphat 0,456g	Dung dịch uống		Uống	Ống	Pharmatis	Pháp	Hộp 2 vỉ x 10 ống	CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN VIMEDIMEX BÌNH DƯƠNG	5.318,00	93.550	497.498.900,00
16	55	Calcitonin salmon	Rocalcic 50		VN-20345-17	50IU/ml	Dung dịch tiêm và pha tiêm truyền		Tiêm, tiêm truyền	Ống	Rotexmedica GmbH Arzneimittelwerk	Đức	Hộp 5 ống 1ml	CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI DƯỢC PHẨM PHƯƠNG LINH	69.000,00	420	28.980.000,00
17	58	Cao Ginkgo biloba; Troxerutin; Heptaminol hydrochloride	Ginkor Fort		VN-16802-13	14mg; 300mg; 300mg	Viên nang cứng		Uống	Viên	Beaufour Ipsen Industrie	Pháp	Hộp 3 vỉ x 10 viên	CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN VIMEDIMEX BÌNH DƯƠNG	3.238,00	270	874.260,00
18	59	Cefaclor	CECLOR		VN-17626-14	250mg	Viên nang cứng		Uống	Viên	ACS Dobfar S.P.A.	Italy	Hộp 1 vỉ x 12 viên	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM VIỆT HÀ	13.892,00	3.000	41.676.000,00
19	63	Cefepim (dưới dạng Cefepim dihydrochloride)	Cefeme 1g		VN-19241-15	1g	Bột pha tiêm		Tiêm	Lọ	Medochemie Ltd. - Factory C	Cyprus	Hộp 1 lọ	CÔNG TY TNHH TM DƯỢC PHẨM VẠN XUÂN	61.600,00	286	17.617.600,00
20	64	Cefoperazon (dưới dạng cefoperazon natri)	Medocef 1g		VN-22168-19	Mỗi lọ chứa: Cefoperazon (dưới dạng cefoperazon natri) 1g	Bột pha tiêm		Tiêm	Lọ	Medochemie Ltd. - Factory C	Cyprus	Hộp 50 lọ	CÔNG TY TNHH DƯỢC KIM ĐỎ	54.000,00	10.860	586.440.000,00



Handwritten signature

SỞ Y TẾ THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
BỆNH VIỆN CHẨN THƯƠNG CHÍNH HÌNH

KQ-5A2

STT	STT trong Hồ sơ mời thầu	Hoạt chất	Tên hàng hóa dự thầu	Tên hàng hóa dự thầu sau điều chỉnh	SDK hoặc số GPNK	Hàm lượng	Dạng bào chế	Dạng trình bày	Đường dùng	Đơn vị tính	Hãng sản xuất	Nước sản xuất	Quy cách đóng gói	Công ty dự thầu	Giá trúng thầu	Số lượng trúng thầu	Thành tiền
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)	(16)	(17)	(18)
21	73	Ceftriaxon (dưới dạng Ceftriaxon natri)	Daytrix		VN-17223-13	1g	Bột pha tiêm		Tiêm	Lọ	Laboratorio Farmaceutico C.T.s.r.l.	Italy	Hộp 1 lọ + 1 ống dung môi 3,5ml, Hộp 1 lọ bột, hộp 20 lọ bột, hộp 50 lọ bột	CÔNG TY TNHH TM DƯỢC PHẨM VẠN XUÂN	15.900,00	9.498	151.018.200,00
22	76	Cefuroxim (dưới dạng Cefuroxim natri)	Biofumoksym 750mg	Biofumoksym	VN-19304-15	750mg	Bột pha dung dịch hoặc hỗn dịch tiêm		Tiêm	Lọ	Pharmaceutical Works Polpharma S.A	Ba Lan	Hộp 1 lọ	CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN VIMEDIMEX BÌNH DƯƠNG	17.199,00	8.129	139.810.671,00
23	79	Cefuroxime natri	Danaroxime		VN-15270-12	1,5g Cefuroxime	Bột pha dung dịch truyền		Truyền tĩnh mạch	Lọ	Panpharma	France	Hộp 10 lọ	CÔNG TY TNHH TM DƯỢC PHẨM VẠN XUÂN	35.000,00	3.285	114.975.000,00
24	84	Cefuroxim (dưới dạng Cefuroxim axetil)	Xorimax 500mg Tab 10's	Xorimax 500mg	VN-20624-17	500mg	Viên nén bao phim		Uống	Viên	Sandoz GmbH	Áo	Hộp 1 vỉ x 10 viên	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC LIỆU TRUNG ƯƠNG 2	8.506,00	31.382	266.935.292,00
25	88	Celecoxib	Celebrex Cap 200mg 30's	Celebrex (đóng gói: R-Pharm Germany GmbH; địa chỉ: Heinrich-Mack -Str.35, 89257 Illertissen, Đức)	VN-20332-17	200mg	Viên nang cứng		Uống	Viên	Pfizer Pharmaceuticals LLC; đóng gói: R-Pharm Germany GmbH	Mỹ; đóng gói: Đức	Hộp 3 vỉ x 10 viên	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC LIỆU TRUNG ƯƠNG 2	11.913,00	99.270	1.182.603.510,00
26	91	Mỗi 1ml dung dịch chứa Ciprofloxacin (dưới dạng ciprofloxacin lactat) 2mg	Nafloxin solution for infusion 200mg/100ml		VN-20713-17	200mg/100ml	Dung dịch tiêm truyền tĩnh mạch	Chai/lọ/túi/ống 100ml	Tiêm truyền tĩnh mạch	Chai/lọ/túi/ống	Cooper S.A. Pharmaceuticals	Hy Lạp	Chai 100ml, hộp 1 chai 100ml	CÔNG TY TNHH DƯỢC PHẨM TPVN	47.000,00	323	15.181.000,00
27	94	Cisplatin	Cisplatin "Ebewe" 10mg/20ml 1's	Cisplatin "Ebewe"	VN-17424-13	0,5mg/ml	Dung dịch đậm đặc để pha dung dịch tiêm truyền		Tiêm truyền	Lọ	Ebewe Pharma Ges.m.b.H. Nfg.KG	Áo	Hộp 1 lọ 20ml	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC LIỆU TRUNG ƯƠNG 2	100.530,00	3.287	330.442.110,00
28	98	Cyclophosphamide	Endoxan 500mg	Endoxan	VN-16582-13	500mg/lọ	Bột pha tiêm		Tiêm	Lọ	Baxter Oncology GmbH	Đức	Hộp 1 lọ	CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN VIMEDIMEX BÌNH DƯƠNG	124.376,00	200	24.875.200,00
29	102	Desflurane	Suprane		VN-17261-13	100%	Thuốc mê bay hơi (chất lỏng dùng để hít)	Chai/lọ 240ml	Dạng hít	Chai	Baxter Healthcare Corporation	Mỹ	Chai 240ml	CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN VIMEDIMEX BÌNH DƯƠNG	2.700.000,00	20	54.000.000,00

SỞ Y TẾ THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
BỆNH VIỆN CHÂN THƯƠNG CHÍNH HÌNH

KQ-5A2

STT	STT trong Hồ sơ mời thầu	Hoạt chất	Tên hàng hóa dự thầu	Tên hàng hóa dự thầu sau điều chỉnh	SDK hoặc số GPNK	Hàm lượng	Dạng bào chế	Dạng trình bày	Đường dùng	Đơn vị tính	Hãng sản xuất	Nước sản xuất	Quy cách đóng gói	Công ty dự thầu	Giá trúng thầu	Số lượng trúng thầu	Thành tiền
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)	(16)	(17)	(18)
30	104	Dexketoprofen (dưới dạng Dexketoprofen trometamol)	Sympal Inj 50mg 5x2ml	Sympal	VN2-404-15	50mg/2ml	Dung dịch tiêm bắp chậm, tiêm tĩnh mạch chậm, truyền tĩnh mạch sau khi pha		Tiêm	Ống	A. Menarini Manufacturing Logistics and Services S.r.l	Ý	Hộp 5 ống x 2ml	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC LIỆU TRUNG ƯƠNG 2	21.210,00	700	14.847.000,00
31	108	Diazepam	Diazepam-Hameln 5mg/ml Injection		VN-19414-15	5mg/ml	Dung dịch tiêm		Tiêm	Ống	Siegfried Hameln GmbH	Germany	Hộp 10 ống x 2ml	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM TRUNG ƯƠNG CODUPHA	7.720,00	1.890	14.590.800,00
32	113	Diclofenac Natri	Elaria		VN-16829-13	75mg	Dung dịch tiêm		Tiêm	Ống	Medochemie Ltd - Ampoule Injectable Facility	Cyprus	Hộp 2 vi x 5 ống	CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI DƯỢC PHẨM THIÊN KIM	8.900,00	20.800	185.120.000,00
33	115	Natri diclofenac	Voltaren		VN-11972-11	75mg	Viên nén phóng thích chậm		Uống	Viên	Novartis Farma S.p.A	Ý	Hộp 10 vi x 10 viên	CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN VIMEDIMEX BÌNH DƯƠNG	6.185,00	133.770	827.367.450,00
34	119	Purified, micronized flavonoid fraction (diosmin; Flavonoid expressed as hesperidin)	Daflon (L) Tab 500mg 60's	Daflon	VN-15519-12	Purified, micronized flavonoid fraction 500mg (450mg diosmin; 50mg Flavonoid expressed as hesperidin)	Viên nén bao phim		Uống	Viên	Les Laboratoires Servier Industrie	Pháp	Hộp 4 vi x 15 viên	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC LIỆU TRUNG ƯƠNG 2	3.258,00	8.150	26.552.700,00
35	121	Dobutamine (dưới dạng Dobutamine Hydrochloride)	Dobutamine-hameln 12,5mg/ml		VN-22334-19	12.5mg/ml	Dung dịch đậm đặc để pha tiêm truyền	Chai/1q/túi i/ống 20ml	Tiêm truyền	Ống	Siegfried Hameln GmbH	Germany	Hộp 5 ống x 20ml	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM TRUNG ƯƠNG CODUPHA	67.200,00	20	1.344.000,00
36	122	Dopamin Hydrochloride	DOPAMINE HYDROCHLORIDE 4%		VN-18479-14	200mg/5ml	Dung dịch tiêm truyền tĩnh mạch		Tiêm truyền	Ống	Warsaw Pharmaceutical Works Polfa S.A.	Poland	Hộp 10 ống x 5ml	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM THIẾT BỊ Y TẾ HÀ NỘI	19.950,00	120	2.394.000,00

SỞ Y TẾ THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
BỆNH VIỆN CHẨN THƯƠNG CHÍNH HÌNH

KQ-5A2

STT	STT trong Hồ sơ mời thầu	Hoạt chất	Tên hàng hóa dự thầu	Tên hàng hóa dự thầu sau điều chỉnh	SDK hoặc số GPNK	Hàm lượng	Dạng bào chế	Dạng trình bày	Đường dùng	Đơn vị tính	Hãng sản xuất	Nước sản xuất	Quy cách đóng gói	Công ty dự thầu	Giá trúng thầu	Số lượng trúng thầu	Thành tiền
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)	(16)	(17)	(18)
37	123	Enoxaparin natri	Gemapaxane		VN-16312-13	4000IU/0,4ml	Dung dịch tiêm	Bơm tiêm 0,4ml	Tiêm	Bơm tiêm	Italfarmaco, S.p.A.	Ý	Hộp 6 bơm tiêm	CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN VIMEDIMEX BÌNH DƯƠNG	70.000,00	3.500	245.000.000,00
38	124	Enoxaparin natri	Gemapaxane		VN-16313-13	6000IU/0,6ml	Dung dịch tiêm	Bơm tiêm 0,6ml	Tiêm	Bơm tiêm	Italfarmaco, S.p.A.	Ý	Hộp 6 bơm tiêm	CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN VIMEDIMEX BÌNH DƯƠNG	95.000,00	3.800	361.000.000,00
39	127	Ephedrin hydroclorid	Ephedrine Aguettant 30mg/ml		VN-19221-15	30mg/ml	Dung dịch tiêm truyền tĩnh mạch	Lọ/ống/chai/túi 1ml	Tiêm	Ống	Laboratoire Aguettant	France	Hộp 10 ống 1ml	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM TRUNG ƯƠNG CPCI	57.750,00	1.830	105.682.500,00
40	141	Fentanil (dưới dạng fentanil citrate)	FENTANYL - HAMELN 50MCG/ML		VN-17326-13	50mcg/ml	Dung dịch tiêm	Lọ/ống/chai/túi 2ml	Tiêm	Ống	Siegfried Hameln GmbH	Đức	Hộp 10 ống x 2 ml	CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN DƯỢC SÀI GÒN	12.600,00	15.080	190.008.000,00
41	142	Fosfomycin sodium	Fosmicin for I.V.Use 1g		VN-13784-11	1g	Bột pha tiêm		Tiêm	Lọ	Meiji Seika Pharma, Co, Ltd	Nhật Bản	Hộp 10 lọ	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM THIÊN THẢO SÀI GÒN	101.000,00	300	30.300.000,00
42	143	Gabapentin	Neurontin Cap 300mg 100's	Neurontin (Nhà đóng gói và xuất xưởng: Pfizer Manufacturing Deutschland GmbH, địa chỉ: Betriebsstatte Freiburg, Mooswaldallee 1, 79090 Freiburg, Federal Republic of Germany)	VN-16857-13	300mg	Viên nang cứng		Uống	Viên	Pfizer Pharmaceuticals LLC; địa chỉ: Pfizer Manufacturing Deutschland GmbH	CSSX: Mỹ, đóng gói và xuất xưởng: Đức	Hộp 10 vỉ x 10 viên	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC LIỆU TRUNG ƯƠNG 2	11.316,00	137.160	1.552.102.560,00

SỞ Y TẾ THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
BỆNH VIỆN CHẨN THƯƠNG CHÍNH HÌNH

KQ-5A2

STT	STT trong Hồ sơ mời thầu	Hoạt chất	Tên hàng hóa dự thầu	Tên hàng hóa dự thầu sau điều chỉnh	SDK hoặc số GPNK	Hàm lượng	Dạng bào chế	Dạng trình bày	Đường dùng	Đơn vị tính	Hãng sản xuất	Nước sản xuất	Quy cách đóng gói	Công ty dự thầu	Giá trúng thầu	Số lượng trúng thầu	Thành tiền
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)	(16)	(17)	(18)
43	147	Gelatin khan (dưới dạng gelatin biến tính); NaCl; Magnesi clorid hexahydrat; KCl; Natri lactat (dưới dạng dung dịch Natri (S)-lactat)	Geloplasma Inj 500ml Bag 20's	Geloplasma	VN-19838-16	Mỗi túi 500ml chứa: Gelatin khan (dưới dạng gelatin biến tính) 15g; NaCl 2,691g; Magnesi clorid hexahydrat 0,1525g; KCl 0,1865g; Natri lactat (dưới dạng dung dịch Natri (S)-lactat) 1,6800g	Dung dịch tiêm truyền	Túi/chai 500ml	Tiêm truyền	Túi	Fresenius Kabi France	Pháp	Thùng 20 túi Polyolefine (freeflex) 500ml	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC LIỆU TRUNG ƯƠNG 2	110.000,00	370	40.700.000,00
44	150	Glucosamin sulfat (dưới dạng Glucosamin sulfat natri clorid)	Arthroloc		VN-20443-17	Mỗi gói chứa: Glucosamin sulfat (dưới dạng Glucosamin sulfat natri clorid tương đương với glucosamin base 1177,8mg) 1500mg	Bột pha dung dịch uống		Uống	Gói	Rafarm S.A.	Greece	Hộp 30 gói	CÔNG TY TNHH MTV THƯƠNG MẠI DƯỢC PHẨM KHANG HUY	13.800,00	15.622	215.583.600,00
45	158	Ifosfamide	Holoxan		VN-9945-10	1g	Bột pha tiêm		Tiêm	Lọ	Baxter Oncology GmbH	Đức	Hộp 1 lọ	CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN VIMEDIMEX BÌNH DƯƠNG	401.000,00	2.000	802.000.000,00
46	159	Insulin người rDNA (30% insulin hòa tan và 70% insulin isophane)	Mixtard 30 FlexPen		QLSP-1056-17	300IU/3ml	Hỗn dịch tiêm	Bút tiêm 3ml	Tiêm	Bút tiêm	Novo Nordisk Production S.A.S	Pháp	Hộp chứa 5 bút tiêm bơm sẵn thuốc x 3ml	CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN VIMEDIMEX BÌNH DƯƠNG	103.000,00	545	56.135.000,00

SỞ Y TẾ THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
BỆNH VIỆN CHẨN THƯƠNG CHÍNH HÌNH

KQ-5A2

STT	STT trong Hồ sơ mời thầu	Hoạt chất	Tên hàng hóa dự thầu	Tên hàng hóa dự thầu sau điều chỉnh	SDK hoặc số GPNK	Hàm lượng	Dạng bào chế	Dạng trình bày	Đường dùng	Đơn vị tính	Hãng sản xuất	Nước sản xuất	Quy cách đóng gói	Công ty dự thầu	Giá trúng thầu	Số lượng trúng thầu	Thành tiền
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)	(16)	(17)	(18)
47	160	Insulin glargine	Lantus Solostar		QLSP-857-15	300IU/3ml	Dung dịch tiêm trong bút tiêm nạp sẵn	Bút tiêm 3ml	Tiêm dưới da	Bút tiêm	Sanofi-Aventis Deutschland GmbH	Đức	Hộp 5 bút tiêm x 3ml dung dịch tiêm	CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN VIMEDIMEX BÌNH DƯƠNG	277.000,00	200	55.400.000,00
48	161	Insulin Human	Actrapid		QLSP-1029-17	1000IU/10ml	Dung dịch tiêm	Chai/lọ/túi i/ống 10ml	Tiêm	Lọ	Novo Nordisk Production S.A.S	Pháp	Hộp chứa 1 lọ x 10ml	CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN VIMEDIMEX BÌNH DƯƠNG	72.000,00	76	5.472.000,00
49	162	Isoflurane	Aerrane 250ml	Aerrane	VN-19793-16	100%	Chất lỏng dễ bay hơi dùng gây mê đường hô hấp	Chai/lọ 250ml	Dạng hít	Chai	Baxter Healthcare Corporation	Mỹ	Hộp 6 chai 250ml	CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN VIMEDIMEX BÌNH DƯƠNG	530.000,00	180	95.400.000,00
50	168	Ketamin (dưới dạng Ketamine HCl)	Ketamine Hydrochloride injection		VN-20611-17	500mg/10ml	Dung dịch tiêm	Lọ/ống/chai/túi 10ml	Tiêm	Lọ	Rotexmedica GmbH Arzneimittelwerk	Germany	Hộp 25 lọ 10ml	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM TRUNG ƯƠNG CPC1	52.500,00	800	42.000.000,00
51	172	Ketorolac trometamol	Algesin-N		VN-21533-18	30mg	Dung dịch tiêm		Tiêm	Ống	S.C. Rompharm Company S.r.l	Rumani	Hộp 10 ống 1ml	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM TRUNG ƯƠNG CPC1	35.000,00	8.460	296.100.000,00
52	173	Mỗi 15 ml chứa: Lactulose 10g	Laevolac		VN-19613-16	10g/15ml	Dung dịch uống		Uống	gói	Fresenius Kabi Austria GmbH.	Austria	Hộp 20 gói 15ml	CÔNG TY TNHH DƯỢC TÂM ĐẠN	2.688,00	2.220	5.967.360,00
53	174	Leflunomide	Osbinif 20mg	Osbinif 20mg (Cơ sở xuất xưởng: Delorbis Pharmaceuticals Ltd.; địa chỉ: 17 Athinon Street, Ergates Industrial Area, 2643 Ergates, P.O Box 28629, 2081 Lefkosia, Cyprus)	VN-19078-15	20mg	Viên nén bao phim		Uống	Viên	CSSX: Haupt Pharma Munster GmbH, CSXX: Delorbis Pharmaceuticals Ltd	Germany	Hộp 1 lọ 30 viên	CÔNG TY TNHH DƯỢC TÂM ĐẠN	22.500,00	350	7.875.000,00
54	175	Mỗi 1ml dung dịch chứa: Levofloxacin (dưới dạng Levofloxacin hemihydrat) 5mg	Levofloxacin/cooper solution for infusion 500mg/100ml		VN-21230-18	500mg	Dung dịch tiêm truyền tĩnh mạch		Tiêm truyền tĩnh mạch	Chai/lọ/ống/gói	Cooper S.A. Pharmaceuticals	Hy Lạp	Chai 100ml, hộp 1 chai 100ml	CÔNG TY TNHH DƯỢC PHẨM TPVN	78.500,00	671	52.673.500,00

SỞ Y TẾ THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
BỆNH VIỆN CHẤN THƯƠNG CHỈNH HÌNH

KQ-5A2

STT	STT trong Hồ sơ mời thầu	Hoạt chất	Tên hàng hóa dự thầu	Tên hàng hóa dự thầu sau điều chỉnh	SDK hoặc số GPNK	Hàm lượng	Dạng bào chế	Dạng trình bày	Đường dùng	Đơn vị tính	Hãng sản xuất	Nước sản xuất	Quy cách đóng gói	Công ty dự thầu	Giá trúng thầu	Số lượng trúng thầu	Thành tiền
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)	(16)	(17)	(18)
55	176	Lidocain hydroclorid khan (dưới dạng Lidocain hydroclorid monohydrat)	Xylocaine Jelly Oin 2% 30g 10's	Xylocaine Jelly	VN-19788-16	2%	Gel	Tuýp 30g	Dùng ngoài	Tuýp	Recipharm Karlskoga AB	Thụy Điển	Hộp 10 tuýp x 30g	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC LIỆU TRUNG ƯƠNG 2	55.600,00	1.020	56.712.000,00
56	189	Meropenem (dưới dạng Meropenem trihydrate)	Tiepanem 1g		VN-18440-14	1 g	Bột pha dung dịch tiêm truyền		Tiêm, tiêm truyền	Lọ	ACS Dobfar S.p.A	Italy	Lọ 1g, Hộp 10 lọ	CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI DƯỢC PHẨM PHƯƠNG LINH	169.000,00	354	59.826.000,00
57	190	Mesna	Uromitexan		VN-20658-17	400mg/4ml	Dung dịch tiêm truyền		Tiêm	Ống	Baxter Oncology GmbH	Đức	Hộp 15 ống x 4ml	CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN VIMEDIMEX BÌNH DƯƠNG	36.243,00	3.000	108.729.000,00
58	193	Methylprednisolon e hemisuccinat	Solu-Medrol Inj 125mg 25's	Solu-Medrol	VN-15107-12	125mg Methylprednisolon	Bột vô khuẩn pha tiêm		Tiêm tĩnh mạch, tiêm bắp (IV, IM)	Lọ	Pharmacia & Upjohn Company	Mỹ	Hộp 25 lọ Act-O-vial 2ml	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC LIỆU TRUNG ƯƠNG 2	75.710,00	420	31.798.200,00
59	196	Midazolam (dưới dạng Midazolam HCl)	MIDAZOLAM - HAMELN 5MG/ML		VN-16993-13	5mg/ml	Dung dịch tiêm		Tiêm	Ống	Siegfried Hameln GmbH	Đức	Hộp 10 ống x 1 ml	CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN DƯỢC SÀI GÒN	18.900,00	11.483	217.028.700,00
60	197	Monobasic natri phosphat, Dibasic natri phosphat	Fleet Enema		VN-21175-18	Mỗi 118ml chứa: Monobasic natri phosphat 19g; Dibasic natri phosphat 7g	Dung dịch thực trực tràng	Chai/lọ 133ml	Thực trực tràng	Chai	C.B Fleet Company Inc.	Mỹ	Hộp 1 chai 133ml.	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM TRUNG ƯƠNG CODUPHA	57.500,00	1.000	57.500.000,00
61	203	Naloxon HCl (dưới dạng Naloxone hydroclorid dihydrat)	Naloxone-hameln 0.4mg/ml Injection		VN-17327-13	0,4mg/ml	Dung dịch tiêm		Tiêm	Ống	Siegfried Hameln GmbH	Germany	Hộp 10 ống 1ml	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM TRUNG ƯƠNG CODUPHA	43.995,00	50	2.199.750,00

HỒ SƠ MỜI THẦU
BỆNH VIỆN CHẤN THƯƠNG CHỈNH HÌNH

(Handwritten signature)

SỞ Y TẾ THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
BỆNH VIỆN CHẨN THƯƠNG CHÍNH HÌNH

KQ-5A2

STT	STT trong Hồ sơ mời thầu	Hoạt chất	Tên hàng hóa dự thầu	Tên hàng hóa dự thầu sau điều chỉnh	SDK hoặc số GPNK	Hàm lượng	Dạng bào chế	Dạng trình bày	Đường dùng	Đơn vị tính	Hãng sản xuất	Nước sản xuất	Quy cách đóng gói	Công ty dự thầu	Giá trúng thầu	Số lượng trúng thầu	Thành tiền
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)	(16)	(17)	(18)
62	212	Natri chloride + Kali chloride + Calci clorid dihydrate + Natri acetate trihydrate +Magnesi chloride hexahydrate + L-Malic acid	Ringerfundin		VN-18747-15	(3,4g + 0,15g + 0,19g + 1,64g + 0,1g + 0,34g)/500 ml	Dung dịch tiêm truyền	Chai/lọ/túi i/ống 500ml	Tiêm truyền	Chai	B.Braun Melsungen AG	Germany	Hộp 10 chai 500ml	CÔNG TY TNHH DƯỢC PHẨM TUỆ HẢI	19.950,00	2.000	39.900.000,00
63	215	Natri hyaluronat	Go-On		VN-20762-17	25mg/2,5 ml	Dung dịch tiêm		Tiêm	Bơm tiêm	Croma Pharma GmbH	Austria	Hộp 1 bơm tiêm	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM TRUNG ƯƠNG CPC1	669.000,00	300	200.700.000,00
64	217	Nefopam hydroclorid	Acupan	Acupan (Xuất xưởng: Biocodex, địa chỉ: 1, Avenue Blaise Pascal-60000 Beauvais-France)	VN-18589-15	20mg	Dung dịch tiêm		Tiêm	Ống	Delpharm Tours; xuất xưởng: Biocodex	Pháp	Hộp 5 ống 2ml	CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN VIMEDIMEX BÌNH DƯƠNG	33.000,00	8.440	278.520.000,00
65	218	Neostigmin methylsulfat	Neostigmine-hamelin		VN-22085-19	0,5mg/ml	Dung dịch tiêm	Lọ/ống/chai/túi 1ml	Tiêm	Ống	Siegfried Hameln GmbH	Germany	Hộp 10 ống 1ml	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM TRUNG ƯƠNG CODUPHA	9.345,00	30	280.350,00
66	220	Dầu đậu nành tinh chế; Triglycerid mạch trung bình; Dầu Oliu tinh chế; Dầu cá tinh chế	Smoflipid 20% Inf 100ml 10's	Smoflipid 20%	VN-19955-16	100ml nhũ tương chứa: dầu đậu nành tinh chế 6g; triglycerid mạch trung bình 6g; dầu oliu tinh chế 5g; dầu cá tinh chế 3g	Nhũ tương truyền tĩnh mạch	Chai/lọ/túi i/ống 100ml	Truyền tĩnh mạch ngoại vi hoặc tĩnh mạch trung tâm	Chai	Fresenius Kabi Austria GmbH	Áo	Thùng 10 chai 100 ml	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC LIỆU TRUNG ƯƠNG 2	98.000,00	200	19.600.000,00

[Handwritten signature]

SỞ Y TẾ THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
BỆNH VIỆN CHẤN THƯƠNG CHỈNH HÌNH

KQ-5A2

STT	STT trong Hồ sơ mời thầu	Hoạt chất	Tên hàng hóa dự thầu	Tên hàng hóa dự thầu sau điều chỉnh	SDK hoặc số GPNK	Hàm lượng	Dạng bào chế	Dạng trình bày	Đường dùng	Đơn vị tính	Hãng sản xuất	Nước sản xuất	Quy cách đóng gói	Công ty dự thầu	Giá trúng thầu	Số lượng trúng thầu	Thành tiền
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)	(16)	(17)	(18)
67	221	Dầu đậu nành tinh chế; Triglycerid mạch trung bình; Dầu Oliu tinh chế; Dầu cá tinh chế	Smoflipid 20% inf 250ml 10's	Smoflipid 20%	VN-19955-16	100ml nhũ tương chứa: dầu đậu nành tinh chế 6g; triglycerid mạch trung bình 6g; dầu oliu tinh chế 5g; dầu cá tinh chế 3g	Nhũ tương truyền tĩnh mạch	Chai/lọ/túi i/ống 250ml	Truyền tĩnh mạch ngoại vi hoặc tĩnh mạch trung tâm	Chai	Fresenius Kabi Austria GmbH	Áo	Thùng 10 chai 250 ml	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC LIỆU TRUNG ƯƠNG 2	155.000,00	1.900	294.500.000,00
68	222	Nicardipin hydrochlorid	Nicardipine Aguetant 10mg/10ml		VN-19999-16	10mg/10ml	Dung dịch tiêm truyền tĩnh mạch		Tiêm truyền	Ống	Laboratoire Aguetant	Pháp	Hộp 10 ống x 10ml	CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN VIMEDIMEX BÌNH DƯƠNG	124.999,00	130	16.249.870,00
69	223	Noradrenalin (dưới dạng Noradrenalin tartrat)	Levonor		VN-20116-16	1mg/1ml	Dung dịch tiêm truyền	Lọ/ống/chai/túi 1ml	Tiêm	Ống	Warsaw Pharmaceutical Works Polfa S.A.	Poland	Hộp 10 ống x 1ml	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM TRUNG ƯƠNG CPCI	35.000,00	380	13.300.000,00
70	232	Paracetamol	Paracetamol G.E.S 10mg/ml		VN-22309-19	10mg/ml	Dung dịch tiêm truyền	Chai/lọ/túi i/gói 100ml	Tiêm truyền	Túi	Altan Pharmaceuticals, S.A.	Tây Ban Nha	Túi 100ml	CÔNG TY TNHH DƯỢC PHẨM CHÂU Á - THÁI BÌNH DƯƠNG	37.000,00	46.926	1.736.262.000,00
71	242	Paracetamol + Tramadol hydrochlorid	Ramlepsa		VN-22238-19	325mg; 37,5mg	Viên nén bao phim		Uống	Viên	KRKA, D.D., Novo Mesto	Slovenia	Hộp 3 vỉ x 10 viên	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM TENAMYD	6.300,00	281.719	1.774.829.700,00
72	245	Perindopril Arginine	Coversyl Tab 5mg 30's	Coversyl 5mg	VN-17087-13	5mg	Viên nén bao phim		Uống	Viên	Les Laboratoires Servier Industrie	Pháp	Hộp 1 lọ 30 viên	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC LIỆU TRUNG ƯƠNG 2	5.650,00	1.320	7.458.000,00
73	246	Phenylephrin (dưới dạng phenylephrin hydrochlorid)	Phenylephrine Aguetant 50 Microgrammes/ml		VN-21311-18	Mỗi 1ml dung dịch chứa: Phenylephrin (dưới dạng phenylephrin hydrochlorid) 50 mcg	Dung dịch tiêm trong bơm tiêm đóng sẵn	Bơm tiêm/lọ/ống 10ml	Tiêm	Bơm tiêm	Laboratoire Aguetant	Pháp	Hộp 10 bơm tiêm đóng sẵn x 10ml	CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN VIMEDIMEX BÌNH DƯƠNG	194.500,00	50	9.725.000,00

SỞ Y TẾ THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
BỆNH VIỆN CHÂN THƯƠNG CHÍNH HÌNH

KQ-5A2

STT	STT trong Hồ sơ mời thầu	Hoạt chất	Tên hàng hóa dự thầu	Tên hàng hóa dự thầu sau điều chỉnh	SDK hoặc số GPNK	Hàm lượng	Dạng bào chế	Dạng trình bày	Đường dùng	Đơn vị tính	Hãng sản xuất	Nước sản xuất	Quy cách đóng gói	Công ty dự thầu	Giá trúng thầu	Số lượng trúng thầu	Thành tiền
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)	(16)	(17)	(18)
74	249	Piperacillin + Tazobactam	PIPERACILLIN/TAZOBACTAM KABI 4G/0,5G		VN-13544-11	4g + 0,5g	Bột đông khô pha tiêm hoặc tiêm truyền		Tiêm hoặc truyền tĩnh mạch	Lọ	Labesfal - Laboratorios Almiro, S.A	Portugal	Hộp 10 lọ	CÔNG TY CỔ PHẦN GONSA	76.650,00	500	38.325.000,00
75	253	Pregabalin	Brieka 75mg		VN-21655-19	75mg	Viên nang cứng		Uống	Viên	Balkanpharma Dupnitsa AD	Bulgaria	Hộp 3 vỉ x 10 viên	CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN VIMEDIMEX BÌNH DƯƠNG	5.519,00	8.360	46.138.840,00
76	256	Promethazine hydrochloride	PIPOLPHEN		VN-19640-16	50mg/2ml	Dung dịch thuốc tiêm		Tiêm	Ống	Egis Pharmaceuticals Private Limited company	Hungary	Hộp 100 ống 2ml	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM VIỆT HÀ	15.000,00	110	1.650.000,00
77	257	Propofol	Propofol-Lipuro 0.5% (5mg/ml)		VN-22232-19	5mg/ml	Nhũ tương tiêm hoặc tiêm truyền	Lọ/ống/chai/túi 20ml	Tiêm truyền	Ống	B.Braun Melsungen AG	Đức	Hộp 5 ống thủy tinh 20ml	CÔNG TY TNHH DƯỢC PHẨM TUỆ HAI	98.175,00	490	48.105.750,00
78	258	Propofol	Fresofol 1% Mct/Lct Inj 20ml 5's	Fresofol 1% MCT/LCT	VN-17438-13	1% (10mg/ml)	Nhũ tương để tiêm hoặc tiêm truyền tĩnh mạch	Lọ/ống/chai/túi 20ml	Tiêm hoặc truyền tĩnh mạch (IV)	Ống	Fresenius Kabi Austria GmbH	Áo	Hộp 5 ống 20ml	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC LIỆU TRUNG ƯƠNG 2	27.000,00	4.950	133.650.000,00
79	268	Rocuronium bromide	Rocuronium Kabi 10mg/ml Inj 10x5ml	Rocuronium Kabi 10mg/ml	VN-18303-14	10mg/ml	Dung dịch tiêm, truyền tĩnh mạch	Lọ/ống/chai/túi 5ml	Truyền tĩnh mạch	Lọ	Fresenius Kabi Austria GmbH	Áo	Hộp 10 lọ 5ml	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC LIỆU TRUNG ƯƠNG 2	47.500,00	1.170	55.575.000,00
80	270	Salbutamol (dưới dạng Salbutamol sulfat)	Ventolin Nebules 2.5mg/ 2.5ml 6x5's	Ventolin Nebules	VN-20765-17	Mỗi 2,5ml chứa: Salbutamol (dưới dạng Salbutamol sulfat) 2,5mg	Dung dịch khí dung	Chai/lọ/ống 2,5ml	Dùng cho máy khí dung	Ống	GlaxoSmith Kline Australia Pty., Ltd.	Úc	Hộp 6 vỉ x 5 ống 2,5ml	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC LIỆU TRUNG ƯƠNG 2	4.575,00	1.575	7.205.625,00
81	272	Secukinumab	Fraizeron 150mg	Fraizeron	QLSP-H02-983-16	150mg	Bột pha dung dịch tiêm		Tiêm	Lọ	Novartis Pharma Stein AG	Thụy Sĩ	Hộp 01 lọ	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC LIỆU TRUNG ƯƠNG 2	7.820.000,00	30	234.600.000,00
82	275	Sufentanil (dưới dạng Sufentanil citrate)	Sufentanil-hameln 50mcg/ml		VN-20250-17	50mcg/ml	Dung dịch tiêm	Lọ/ống/chai/túi 1ml	Tiêm	Ống	Siegfried Hameln GmbH	Germany	Hộp 10 ống 1ml	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM TRUNG ƯƠNG CODUPHA	44.940,00	1.211	54.422.340,00

SỞ Y TẾ THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
BỆNH VIỆN CHÂN THƯƠNG CHÍNH HÌNH

KQ-5A2

STT	STT trong Hồ sơ mời thầu	Hoạt chất	Tên hàng hóa dự thầu	Tên hàng hóa dự thầu sau điều chỉnh	SDK hoặc số GPNK	Hàm lượng	Dạng bào chế	Dạng trình bày	Đường dùng	Đơn vị tính	Hãng sản xuất	Nước sản xuất	Quy cách đóng gói	Công ty dự thầu	Giá trúng thầu	Số lượng trúng thầu	Thành tiền	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)	(16)	(17)	(18)	
83	277	Sultamicillin Tosilat	Unasyn Tab 375mg 8's	Unasyn	VN-14306-11	375mg Sultamicillin	Viên nén bao phim		Uống	Viên	Haupt Pharma Latina S.r.l	Ý	Hộp 2 vỉ x 4 viên	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC LIỆU TRUNG ƯƠNG 2	14.790,00	63.100	933.249.000,00	
84	280	Tenoxicam	Bart		VN-21793-19	20mg	Viên nén bao phim		Uống	Viên	Special Products line S.P.A	Italia	Hộp 3 vỉ x 10 viên	CÔNG TY TNHH DƯỢC PHẨM VẠN CƯỜNG PHÁT	7.840,00	8.400	65.856.000,00	
85	285	Poly(O-2 hydroxyethyl) starch (HES); Natri clorid; Kali clorid; Calci clorid dihydrat; Magnesi clorid hexahydrat; Natri acetat trihydrat; Acid L-malic	Tetraspan 6% solution for infusion		VN-18497-14	Mỗi 250ml chứa: Poly (O-2 hydroxyethyl) starch (HES) 15g; Natri clorid 1,5625g; Kali clorid 0,075g; Calci clorid dihydrat 0,0925g; Magnesi clorid hexahydrat 0,05g; Natri acetat trihydrat 0,8175g; Acid L-malic 0,1675g	Dung dịch tiêm truyền tĩnh mạch	Chai/lọ/túi i/ống 500ml	Tiêm truyền	Chai	B.Braun Medical AG	Thụy Sĩ	Hộp 10 chai 500ml	CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN VIMEDIMEX BÌNH DƯƠNG	85.400,00	160	13.664.000,00	
86	288	Tocilizumab	Actemra 200mg 10ml Vial B/1	Actemra (Đóng gói: F. Hoffmann La Roche Ltd., địa chỉ: Kaiseraugst, Switzerland)	VN-16257-13	200mg	Dung dịch đậm đặc để pha dung dịch tiêm truyền	Chai/lọ/túi i/ống 10ml		Tiêm truyền	Lọ	Chugai Pharma Manufacturing Co., Ltd; đóng gói: F. Hoffmann La Roche Ltd.	Nhật; đóng gói: Thụy Sĩ	Hộp 1 lọ 10ml	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC LIỆU TRUNG ƯƠNG 2	6.748.140,00	152	1.025.717.280,00
87	289	Tramadol HCl	Tramadol-hameln 50mg/ml		VN-19416-15	50mg/ml	Dung dịch tiêm	Lọ/ống/chai/túi 2ml		Tiêm	Óng	Siegfried Hameln GmbH	Germany	Hộp 10 ống 2ml	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM TRUNG ƯƠNG CODUPHA	13.965,00	27.830	388.645.950,00



SỞ Y TẾ THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
BỆNH VIỆN CHẤN THƯƠNG CHỈNH HÌNH

KQ-5A2

STT	STT trong Hồ sơ mời thầu	Hoạt chất	Tên hàng hóa dự thầu	Tên hàng hóa dự thầu sau điều chỉnh	SDK hoặc số GPNK	Hàm lượng	Dạng bào chế	Dạng trình bày	Đường dùng	Đơn vị tính	Hãng sản xuất	Nước sản xuất	Quy cách đóng gói	Công ty dự thầu	Giá trúng thầu	Số lượng trúng thầu	Thành tiền
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)	(16)	(17)	(18)
88	294	Trolamine	BIAFINE		VN-9416-09	6,7mg/g	Nhũ tương bôi da	Tuýp 93g	Dùng ngoài	Tuýp	Janssen-Cilag	France	Hộp 1 ống 93g	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM VIỆT HÀ	90.000,00	232	20.880.000,00
89	296	Vancomycin (dưới dạng Vancomycin hydrochlorid)	Voxin		VN-20141-16	500mg	Bột đông khô pha tiêm		Tiêm	Lọ	Vianex S.A_Nhà máy C	Greece	Hộp 1 lọ	CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU Y TẾ THÁI AN	61.992,00	4.015	248.897.880,00
90	304	Acid Zoledronic khan (tương ứng 5,33 acid zoledronic monohydrate)	Aclasta 5mg/100ml Inf 100ml l's	Aclasta (CSDG thứ cấp và xuất xứ: Novartis Pharma Stein AG, địa chỉ: Schaffhauserstrasse, 4332 Stein, Thụy Sĩ)	VN-21917-19	Mỗi 100ml chứa: Acid Zoledronic khan (tương ứng 5,33 acid zoledronic monohydrate) 5mg	Dung dịch truyền tĩnh mạch	Chai/lọ/túi i/ống 100ml	Tiêm truyền	Chai	CSSX và đồng gói sơ cấp: Fresenius Kabi Austria GmbH; CSDG thứ cấp và xuất xứ: Novartis Pharma Stein AG	CSSX và đồng gói sơ cấp: Áo; CSDG thứ cấp và xuất xứ: Thụy Sĩ	Hộp 1 chai 100ml	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC LIỆU TRUNG ƯƠNG 2	6.761.489,00	47	317.789.983,00
TỔNG CỘNG																90	24.029.288.251
NHÓM 2																	
91	29	Ampicilin (dưới dạng Ampicilin natri); Sulbactam (dưới dạng Sulbactam natri)	Auropennz 1.5		VN-17643-14	1g; 0,5g	Bột pha tiêm		Tiêm	Lọ	Aurobindo Pharma Ltd	India	Hộp 1 lọ + 1 ống nước pha tiêm 5ml	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC - THIẾT BỊ Y TẾ ĐÀ NẴNG	38.430,00	41.570	1.597.535.100,00
92	45	Calci (dưới dạng Calci lactat gluconat; Calci carbonat)	CALCIUM STELLA 500MG		VD-27518-17	2.940mg; 300mg	Viên nén sủi bọt		Uống	Viên	Công ty TNHH Liên doanh Stellapharm - Chi nhánh 1	Việt Nam	Hộp 1 tuýp x 20 viên	CÔNG TY CỔ PHẦN GONSA	3.500,00	228.430	799.505.000,00
93	60	Cefaclor (dưới dạng Cefaclor monohydrat)	SCD Cefaclor 250mg		VD-26433-17	250mg	Viên nang cứng		Uống	Viên	Công ty cổ phần Pymepharc o	Việt Nam	Hộp 2 vỉ x 10 viên	CÔNG TY CỔ PHẦN PYMEPHARCO	3.440,00	1.200	4.128.000,00
94	61	Cephalothin (dưới dạng Cephalothin natri)	Tenafathin 1000		VD-23661-15	1000mg	Thuốc bột pha tiêm		Tiêm	Lọ	Công ty Cổ phần Dược phẩm Tenamyl	Việt Nam	Hộp 10 lọ + 10 ống nước cất pha tiêm 10ml	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM TENAMYD	76.020,00	4.000	304.080.000,00

SỞ Y TẾ THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
BỆNH VIỆN CHÂN THƯƠNG CHÍNH HÌNH

KQ-5A2

STT	STT trong Hồ sơ mời thầu	Hoạt chất	Tên hàng hóa dự thầu	Tên hàng hóa dự thầu sau điều chỉnh	SDK hoặc số GPNK	Hàm lượng	Dạng bào chế	Dạng trình bày	Đường dùng	Đơn vị tính	Hãng sản xuất	Nước sản xuất	Quy cách đóng gói	Công ty dự thầu	Giá trúng thầu	Số lượng trúng thầu	Thành tiền
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)	(16)	(17)	(18)
95	69	Ceftazidim (dưới dạng Ceftazidim pentahydrat)	Ceftazidime EG 1g	Ceftazidime EG 1g (CSNQ: EG LABO-Laboratoires EuroGenerics, địa chỉ: "Le Quintet" Bat A, 12 rue Danjou 92517 Boulegne Billancourt cedex France)	VD-25383-16	1g	Thuốc bột pha tiêm		Tiêm	Lọ	Công ty Cổ phần Pymepharc o	Việt Nam	Hộp 1 lọ	CÔNG TY CỔ PHẦN PYMEPHARCO	15.400,00	2.455	37.807.000,00
96	72	Ceftizoxim (dưới dạng Ceftizoxim natri)	ZOXIMCEF 1 G		VD-29359-18	1g	Thuốc bột pha tiêm		Tiêm	Lọ	Công ty Cổ phần Pymepharc o	Việt Nam	Hộp 1 lọ	CÔNG TY CỔ PHẦN PHẨM GOLDENLIFE	65.000,00	600	39.000.000,00
97	74	Ceftriaxon (dưới dạng Ceftriaxon natri)	Triaxobiotic 1000	Triaxobiotic 1000 (CSNQ: Labesfal Laboratorios Almiro S.A-đ/c: 3465-157 Santiago de Besteiros, Portugal)	VD-19010-13	1g	Thuốc bột pha tiêm		Tiêm	Lọ	Công ty Cổ phần Dược phẩm Tenamyd	Việt Nam	Hộp 10 lọ thuốc tiêm bột	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM TENAMYD	10.521,00	6.332	66.618.972,00
98	77	Cefuroxim (dưới dạng Cefuroxim natri)	Negacef 750mg		VD-20039-13	750mg	Thuốc bột pha tiêm		Tiêm	Lọ	Công ty Cổ phần Pymepharc o	Việt Nam	Hộp 10 lọ	CÔNG TY CỔ PHẦN PYMEPHARCO	11.550,00	5.419	62.589.450,00
99	82	Cefuroxim (dưới dạng Cefuroxim axetil)	Negacef 250		VD-24965-16	250mg	Viên nén bao phim		Uống	Viên	Công ty Cổ phần Pymepharc o	Việt Nam	Hộp 2 vỉ x 5 viên	CÔNG TY CỔ PHẦN PYMEPHARCO	3.400,00	14.196	48.266.400,00
100	85	Cefuroxim (dưới dạng Cefuroxim axetil)	Negacef 500		VD-24966-16	500mg	Viên nén bao phim		Uống	Viên	Công ty Cổ phần Pymepharc o	Việt Nam	Hộp 2 vỉ x 5 viên	CÔNG TY CỔ PHẦN PYMEPHARCO	7.690,00	20.922	160.890.180,00
101	125	Eperison hydroclorid	Savi Eperisone 50		VD-21351-14	50mg	viên nén bao phim		Uống	viên	Công ty Cổ phần dược phẩm SaVi	Việt Nam	Hộp 5 vỉ x 10 viên	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM SAVI	910,00	179.250	163.117.500,00
102	240	Paracetamol + Codein phosphat	Partamol Codein eff		VD-14577-11	500mg + 30mg	Viên nén sủi bột		Uống	Viên	Công ty TNHH Liên Doanh Stellapharm - chi nhánh 1	Việt Nam	Hộp 4 vỉ x 04 viên	CÔNG TY TNHH DƯỢC PHẨM VÀ TTBYT USS PHARMA	2.630,00	18.080	47.550.400,00

PHỐ
BỆNH VIỆN
CHÂN THƯƠNG
CHÍNH HÌNH

SỞ Y TẾ THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
BỆNH VIỆN CHẨN THƯƠNG CHÍNH HÌNH

KQ-5A2

STT	STT trong Hồ sơ mời thầu	Họat chất	Tên hàng hóa dự thầu	Tên hàng hóa dự thầu sau điều chỉnh	SDK hoặc số GPNK	Hàm lượng	Dạng bào chế	Dạng trình bày	Đường dùng	Đơn vị tính	Hãng sản xuất	Nước sản xuất	Quy cách đóng gói	Công ty dự thầu	Giá trúng thầu	Số lượng trúng thầu	Thành tiền
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)	(16)	(17)	(18)
103	243	Paracetamol + Tramadol HCl	SaViPamol Plus		VD-21894-14	325mg; 37,5mg	viên nén bao phim		Uống	viên	Công ty Cổ phần dược phẩm SaVi	Việt Nam	Hộp 3 vi x 10 viên	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM SAVA	2.645,00	169.031	447.086.995,00
104	248	Hỗn hợp Piperacilin natri và Tazobactam natri tương đương: Piperacilin; Tazobactam	ZOBACTA 2,25G		VD-26853-17	2g; 0,25g	Thuốc bột pha tiêm		Tiêm	Lọ	Chi nhánh 3 - Công ty Cổ phần Dược phẩm Imexpharm tại Bình Dương	Việt Nam	Hộp 10 lọ	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM GOLDENLIFE	74.200,00	1.920	142.464.000,00
105	267	Risedronat natri (dưới dạng Risedronat natri hemi-pentahydrat)	SaViRisone 5		VD-23013-15	5mg	viên nén bao phim		Uống	viên	Công ty Cổ phần dược phẩm SaVi	Việt Nam	Hộp 3 vi x 10 viên	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM SAVA	6.300,00	500	3.150.000,00
106	269	Rocuronium Bromide	Rocuronium Kabi 10mg/ml Inj 10x5ml	Rocuronium Kabi 10mg/ml	VN-18303-14	10mg/ml	Dung dịch tiêm, truyền tĩnh mạch	Lọ/bng/cha/túi 5ml	Truyền tĩnh mạch	Lọ	Fresenius Kabi Austria GmbH	Áo	Hộp 10 lọ 5ml	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC LIỆU TRUNG ƯƠNG 2	47.500,00	590	28.025.000,00
107	284	Hỗn hợp bột Ticarcilin dinatri và Clavulanat kali tương đương với: Ticarcilin; Acid clavulanic	TICARLINAT 3,2G		VD-28959-18	3g; 0,2g	Thuốc bột pha tiêm truyền		Truyền tĩnh mạch ngắt quãng, tiêm tĩnh mạch chậm	Lọ	Chi nhánh 3 - Công ty Cổ phần Dược phẩm Imexpharm tại Bình Dương	Việt Nam	Hộp 10 lọ	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM GOLDENLIFE	165.000,00	630	103.950.000,00

Handwritten signature

SỞ Y TẾ THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
BỆNH VIỆN CHẨN THƯƠNG CHÍNH HÌNH

KQ-5A2

STT	STT trong Hồ sơ mời thầu	Hoạt chất	Tên hàng hóa dự thầu	Tên hàng hóa dự thầu sau điều chỉnh	SDK hoặc số GPNK	Hàm lượng	Dạng bào chế	Dạng trình bày	Đường dùng	Đơn vị tính	Hãng sản xuất	Nước sản xuất	Quy cách đóng gói	Công ty dự thầu	Giá trúng thầu	Số lượng trúng thầu	Thành tiền
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)	(16)	(17)	(18)
108	286	Poly(O-2 hydroxyethyl) starch (HES); Natri clorid; Kali clorid; Calci clorid dihydrat; Magnesi clorid hexahydrat; Natri acetat trihydrat; Acid L-malic	Tetraspan 6% solution for infusion		VN-18497-14	Mỗi 250ml chứa: Poly (O-2 hydroxyethyl) starch (HES) 15g; Natri clorid 1,5625g; Kali clorid 0,075g; Calci clorid dihydrat 0,0925g; Magnesi clorid hexahydrat 0,05g; Natri acetat trihydrat 0,8175g; Acid L-malic 0,1675g	Dung dịch tiêm truyền tĩnh mạch	Chai/lo/túi i/ống 500ml	Tiêm truyền	Chai	B.Braun Medical AG	Thụy Sĩ	Hộp 10 chai 500ml	CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN VIMEDIMEX BÌNH DƯƠNG	85.400,00	60	5.124.000,00
109	291	Acid tranexamic	Haemostop 250mg/5ml	Haemostop	VN-21943-19	250mg/5ml	Dung dịch tiêm		Tiêm	Ống	PT. Novell Pharmaceutical Laboratories	Indonesia	Hộp 5 ống x 5ml	CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN VIMEDIMEX BÌNH DƯƠNG	7.200,00	9.400	67.680.000,00
110	295	Acid Ursodeoxycholic	SAVI URSO 300		VD-23009-15	300mg	Viên nén bao phim		Uống	Viên	Công ty Cổ phần Dược phẩm Savi	Việt Nam	Hộp 3 vỉ x 10 viên	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM GOLDENLIFE	8.350,00	1.270	10.604.500,00
111	299	Vitamin B1 (Thiamin mononitrat); Vitamin B6 (Pyridoxin hydroclorid); Vitamin B12 (dưới dạng Vitamin B12 0,1% SD)	SAVI 3B		VD-30494-18	100mg; 100mg; 150mcg	Viên nén bao phim		Uống	Viên	Công ty Cổ phần Dược phẩm Savi	Việt Nam	Hộp 10 vỉ x 10 viên	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM GOLDENLIFE	1.540,00	293.920	452.636.800,00



[Handwritten signature]

SỞ Y TẾ THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
BỆNH VIỆN CHẤN THƯƠNG CHỈNH HÌNH

KQ-5A2

STT	STT trong Hồ sơ mời thầu	Hoạt chất	Tên hàng hóa dự thầu	Tên hàng hóa dự thầu sau điều chỉnh	SDK hoặc số GPNK	Hàm lượng	Dạng bào chế	Dạng trình bày	Đường dùng	Đơn vị tính	Hãng sản xuất	Nước sản xuất	Quy cách đóng gói	Công ty dự thầu	Giá trúng thầu	Số lượng trúng thầu	Thành tiền
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)	(16)	(17)	(18)
112	301	Vitamin C	VITAMIN C STADA 1G	Vitamin C Stella 1g	VD-25486-16	1g	Viên nén sủi bọt		Uống	Viên	Công ty TNHH Liên doanh Stellapharm - Chi nhánh 1	Việt Nam	Hộp 4 vỉ x 4 viên	CÔNG TY CỔ PHẦN GONSA	1.900,00	2.000	3.800.000,00
TỔNG CỘNG																22	4.595.609.297
NHÓM 3																	
113	26	Amoxicilin (dưới dạng Amoxicillin trihydrat); Acid clavulanic (dưới dạng Clavulanat kali)	Klamenti 875/125		VD-24618-16	875mg; 125mg	Viên nén bao phim		Uống	viên	CTCP Dược Hậu Giang - CN nhà máy dược phẩm DHG tại Hậu Giang	Việt Nam	Hộp 2 vỉ x 7 viên	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC HẬU GIANG	3.800,00	12.183	46.295.400,00
114	107	Diacerein	GLASXINE		VD-17702-12	50mg	Viên nang cứng		Uống	Viên	Công ty Cổ phần SPM	Việt Nam	Hộp 3 vỉ x 10 viên	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM GOLDENLIFE	2.500,00	13.700	34.250.000,00
115	191	Metformin HCl	Mefomid 850		VD-27263-17	850 mg	Viên nén bao phim		Uống	Viên	Công ty CP Dược-TIBYT Bình Định (Bidiphar)	Việt Nam	Hộp 3 vỉ x 10 viên	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC - TRANG THIẾT BỊ Y TẾ BÌNH ĐỊNH (BIDIPHAR)	231,00	560	129.360,00
116	293	Trimetazidin HCl	Vaspycar MR		VD-24455-16	35mg	Viên nén bao phim phóng thích có kiểm soát		Uống	Viên	Công ty Cổ phần Pymepharc o	Việt Nam	Hộp 2 vỉ x 30 viên	CÔNG TY CỔ PHẦN PYMEPHARCO	356,00	130	46.280,00
TỔNG CỘNG																4	80.721.040
NHÓM 4																	
117	2	Acid acetylsalicylic	ASPIRIN 81		VD-29659-18	81mg	Viên nén bao phim tan trong ruột		Uống	Viên	CN Cty CPDP Agimexpharm - Nhà máy SX DP Agimexpharm	Việt Nam	Hộp 20 vỉ x 10 viên	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM AGIMEXPHARM	73,00	5.520	402.960,00
118	5	Các axit amin	Amiparen - 10	Amiparen - 10	VD-15932-11	Các axit amin	Dung dịch tiêm truyền tĩnh mạch	Chai/lọ/túi i/ống 500ml	Tiêm truyền	Chai	Công ty cổ phần dược phẩm Otsuka Việt Nam	Việt Nam	Chai 500ml	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM TRUNG ƯƠNG CODUPHA	79.000,00	115	9.085.000,00

SỞ Y TẾ THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
BỆNH VIỆN CHÂN THƯƠNG CHÍNH HÌNH

KQ-5A2

STT	STT trong Hồ sơ mời thầu	Hoạt chất	Tên hàng hóa dự thầu	Tên hàng hóa dự thầu sau điều chỉnh	SDK hoặc số GPNK	Hàm lượng	Dạng bào chế	Dạng trình bày	Đường dùng	Đơn vị tính	Hãng sản xuất	Nước sản xuất	Quy cách đóng gói	Công ty dự thầu	Giá trúng thầu	Số lượng trúng thầu	Thành tiền
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)	(16)	(17)	(18)
119	9	Mỗi 250 ml chứa: L-Isoleucin 0,6375g; L-Leucin 1,1125g; L-Lysin.HCl 0,875g; L-Methionin 0,475g; L-Phenylalanin 0,6375g; L-Theonin 0,5125g; L-Tryptophan 0,225g; L-Valin 0,6g; L-Arginin HCl 1,15g; L-Histidin HCl 0,65g; Glycin 0,9875g; L-Alanin 1,7125g; L-Prolin 1,1125g; L-Aspartic acid 0,1625g; L-Asparagin.H2O 0,465g; L-Glutamic acid 0,575g; L-Omithin HCl 0,4g; L-Serin 0,3g; L-Tyrosin 0,075g	AMINOACID KABI 5%		VD-25361-16	0,6375g; 1,1125g; 0,875g; 0,475g; 0,6375g; 0,5125g; 0,225g; 0,6g; 1,15g; 0,65g; 0,9875g; 1,7125g; 1,1125g; 0,1625g; 0,465g; 0,575g; 0,4g; 0,3g; 0,075g	Dung dịch tiêm truyền	Chai/lọ/túi i/ống 500ml	Tiêm truyền tĩnh mạch	Chai	Công ty Cổ phần Fresenius Kabi Việt Nam	Việt Nam	Hộp 1 chai x 500ml	CÔNG TY CỔ PHẦN GONSA	65.100,00	1.460	95.046.000,00
120	11	Mỗi 200ml chứa: L-Arginin HCl; L-Histidin.HCl.H2O; L-Methionin; L-Phenylalanin; L-Threonin; L-Valin; Glycin; L-Lysin HCl; L-Tryptophan; L-Leucine; L-Isoleucin; L-Prolin; L-Serin; L-Alanin; L-Cystein.HCl.H2O	Aminoleban		VD-27298-17	1,46g, 0,64g, 0,2g, 0,2g, 0,9g, 1,68g, 1,8g, 1,52g, 0,14g, 2,2g, 1,8g, 1,6g, 1g, 1,5g, 0,08g	Dung dịch tiêm truyền tĩnh mạch	Chai/lọ/túi i/ống 500ml	Tiêm truyền	Chai	Công ty cổ phần dược phẩm Otsuka Việt Nam	Việt Nam	Chai 500ml	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM TRUNG ƯƠNG CODUPHA	154.000,00	260	40.040.000,00
121	13	Acid tiaprofenic	Sunigam 100		VD-28968-18	100mg	Viên nén		Uống	Viên	Công ty cổ phần dược phẩm Imexpharm	Việt Nam	Hộp 3 vỉ x 10 viên	CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI DƯỢC PHẨM PVN	5.000,00	1.000	5.000.000,00



Handwritten signature

SỞ Y TẾ THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
BỆNH VIỆN CHẤN THƯƠNG CHỈNH HÌNH

KQ-5A2

STT	STT trong Hồ sơ mời thầu	Hoạt chất	Tên hàng hóa dự thầu	Tên hàng hóa dự thầu sau điều chỉnh	SDK hoặc số GPNK	Hàm lượng	Dạng bào chế	Dạng trình bày	Đường dùng	Đơn vị tính	Hãng sản xuất	Nước sản xuất	Quy cách đóng gói	Công ty dự thầu	Giá trúng thầu	Số lượng trúng thầu	Thành tiền
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)	(16)	(17)	(18)
122	15	Escin	Aescin 20mg		VD-23473-15	20mg	Viên nén bao phim		Uống	Viên	Công ty cổ phần Dược Minh Hải	Việt Nam	Hộp 3 vi x 30 viên	CÔNG TY TNHH MTV THƯƠNG MẠI DƯỢC PHẨM KHANG HUY	2.980,00	120.000	357.600.000,00
123	18	Acid Alendronic (dưới dạng Alendronat natri trihydrat); Cholecalciferol (dưới dạng dung dịch Cholecalciferol 1M.IU/g)	OSTAGI - D3		VD-28831-18	70mg + 2800IU	Viên nén		Uống	Viên	CN Cty CPDP Agimexpharm - Nhà máy SX DP Agimexpharm	Việt Nam	Hộp 1 vi x 4 viên	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM AGIMEXPHARM	9.890,00	1.500	14.835.000,00
124	21	Alpha chymotrypsin	α - Chymotrypsin		VD-22580-15 (CV 10886/QLĐ-ĐK ngày 17/07/2020)	4200 IU	Viên nén		Uống	Viên	Công ty cổ phần Dược -TTBYT Bình Định (Bidiphar)	Việt Nam	Hộp 3 vi x 10 viên	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC - TRANG THIẾT BỊ Y TẾ BÌNH ĐỊNH (BIDIPHAR)	210,00	263.776	55.392.960,00
125	23	Mỗi lọ chứa: Amoxicilin (dưới dạng Amoxicilin natri) 1g; Acid clavulanic (dưới dạng Kali clavulanat) 200mg	Augbactam 1g/200mg		VD-29319-18	1g, 200mg	Thuốc bột pha tiêm		Tiêm	Lọ	Công ty Cổ phần Hóa-Dược phẩm Mekophar	Việt Nam	Hộp 10 lọ	CÔNG TY CỔ PHẦN HÓA-DƯỢC PHẨM MEKOPHAR	29.925,00	11.220	335.758.500,00
126	27	Amoxicilin (dưới dạng Amoxicilin natri) + sulbactam (dưới dạng sulbactam natri)	Viciamox 0,75g		VD-23728-15	0,5g; 0,25g	Thuốc bột pha tiêm		Tiêm bắp, tiêm tĩnh mạch, truyền tĩnh mạch	Lọ	Công ty cổ phần dược phẩm VCP	Việt Nam	Hộp 10 lọ	CÔNG TY TNHH DƯỢC PHẨM VẠN CƯỜNG PHÁT	35.000,00	2.000	70.000.000,00
127	30	Ampicillin (dưới dạng Ampicillin natri); Sulbactam (dưới dạng Sulbactam natri)	Bipisyn		VD-23775-15	1g + 500mg	Thuốc bột pha tiêm		Tiêm	Lọ	Công ty cổ phần Dược -TTBYT Bình Định (Bidiphar)	Việt Nam	Hộp 1 lọ	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC - TRANG THIẾT BỊ Y TẾ BÌNH ĐỊNH (BIDIPHAR)	27.629,00	41.570	1.148.537.530,00
128	31	Hỗn hợp Ampicillin natri và Sulbactam natri tương đương: Ampicillin 2g; Sulbactam 1g	Visulin 2g/1g		VD-27150-17	Ampicillin 2g; Sulbactam 1g	Thuốc bột pha tiêm		Tiêm	Lọ	Công ty cổ phần dược phẩm VCP	Việt Nam	Hộp 10 lọ	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM TRUNG ƯƠNG CPC1	55.000,00	5.000	275.000.000,00

[Handwritten signature]

SỞ Y TẾ THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
BỆNH VIỆN CHẤN THƯƠNG CHỈNH HÌNH

KQ-5A2

STT	STT trong Hồ sơ mời thầu	Hoạt chất	Tên hàng hóa dự thầu	Tên hàng hóa dự thầu sau điều chỉnh	SDK hoặc số GPNK	Hàm lượng	Dạng bào chế	Dạng trình bày	Đường dùng	Đơn vị tính	Hãng sản xuất	Nước sản xuất	Quy cách đóng gói	Công ty dự thầu	Giá trúng thầu	Số lượng trúng thầu	Thành tiền
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)	(16)	(17)	(18)
129	33	Atropin sulfat	Atropin Sulfat		VD-24897-16	0,25mg/1 ml	Dung dịch tiêm	Lọ/ống/chai/túi 1ml	Tiêm	Ống	Công ty cổ phần dược phẩm Vĩnh Phúc	Việt Nam	Hộp 100 ống x 1ml	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM VĨNH PHÚC	525,00	2.600	1.365.000,00
130	37	Bacillus subtilis	BIOSUBTYL-II		QLSP-856-15	10 ⁷ -10 ⁸ CFU/250mg	Viên nang cứng		Uống	Viên	Công ty Cổ phần Vắc xin và sinh phẩm Nha Trang	Việt Nam	Vi 10 viên, hộp 10 vi	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM TRUNG ƯƠNG CPC1	1.500,00	1.000	1.500.000,00
131	44	Calci carbonat + Calci gluconolactat	GONCAL		VD-20946-14	0,15g + 1,47g	Viên nén		Uống	Viên	Công ty cổ phần dược phẩm Đạt Vi Phú	Việt Nam	Hộp/6 vi x 10 viên	CÔNG TY CỔ PHẦN GONSA	1.950,00	130.630	254.728.500,00
132	46	Mỗi viên chứa 500mg calci dưới dạng: Calci carbonat + Calci lactat gluconat	Calcium VPC 500		VD-26778-17	300mg; 2.940mg	Viên nén sủi bột		Uống	Viên	Công Ty Cổ Phần Dược Phẩm Cửu Long	Việt Nam	Hộp 1 tuýp 20 viên	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM CỬU LONG	2.335,00	228.430	533.384.050,00
133	47	Calci (dưới dạng Calci carbonat); Vitamin D3 (dưới dạng Dry Vitamin D3 100 GFP)	Davita bone sugar free		VD-21556-14	600mg; 400IU	Viên nén sủi bột		Uống	viên	CTCP Dược Hậu Giang - CN nhà máy dược phẩm DHG tại Hậu Giang	Việt Nam	Hộp 1 tuýp 10 viên	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC HẬU GIANG	1.750,00	40.000	70.000.000,00
134	50	Calci carbonat + Cholecalciferol	Calsid 1250		VD-9759-09	750mg + 100IU	Viên nang mềm		Uống	Viên	Công ty liên doanh dược phẩm Mebiphar - Austrapharm	Việt Nam	Hộp 20 vi x 5 viên	CÔNG TY TNHH DƯỢC PHẨM SONG VIỆT	900,00	79.020	71.118.000,00
135	51	Calci clorid dihydrat	Calci clorid 500mg/5ml		VD-22935-15	500mg/5ml	Dung dịch tiêm	Lọ/ống/chai/túi 5ml	Tiêm	Ống	Công ty CPDP Minh Dân	Việt Nam	Hộp 50 ống x 5ml	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM MINH DÂN	897,00	4.220	3.785.340,00
136	53	Calci glycerophosphat; Magnesi gluconat	A.T Calmax		VD-26104-17	Mỗi 10ml chứa: Calci glycerophosphat 456mg; Magnesi gluconat 426mg	Dung dịch uống		Uống	Ống	Công ty Cổ phần Dược phẩm An Thiên	Việt Nam	Hộp 30 ống x 10 ml	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM AN THIÊN	1.281,00	93.550	119.837.550,00
137	54	Calci lactat (dưới dạng Calci lactat pentahydrat)	A.T CALCIUM 300		VD-29682-18	300mg	Viên nén		Uống	Viên	Công ty cổ phần dược phẩm An Thiên	Việt Nam	Hộp 10 vi x 10 viên	CÔNG TY CỔ PHẦN GONSA	1.100,00	258.720	284.592.000,00

PHỐ
VIỆN
CHẤN THƯƠNG
CHỈNH HÌNH
HỒ CHÍ MINH

SỞ Y TẾ THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
BỆNH VIỆN CHẤN THƯƠNG CHỈNH HÌNH

KQ-5A2

STT	STT trong Hồ sơ mời thầu	Hoạt chất	Tên hàng hóa dự thầu	Tên hàng hóa dự thầu sau điều chỉnh	SDK hoặc số GPNK	Hàm lượng	Dạng bào chế	Dạng trình bày	Đường dùng	Đơn vị tính	Hãng sản xuất	Nước sản xuất	Quy cách đóng gói	Công ty dự thầu	Giá trúng thầu	Số lượng trúng thầu	Thành tiền
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)	(16)	(17)	(18)
138	62	Cefdinir	Midaxin 150		VD-12308-10	150mg	Viên nang		Uống	Viên	Công ty CPDP Minh Dân	Việt Nam	Hộp 1 túi x 2 vỉ x 10 viên	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM MINH DÂN	7.200,00	12.000	86.400.000,00
139	65	Cefoperazon (dưới dạng Cefoperazon natri)	Bifopezon 1g		VD-28227-17	1g	Thuốc bột pha tiêm		Tiêm	Lọ	Công ty CP Dược-TTBYT Bình Định (Bidiphar)	Việt Nam	Hộp 10 lọ	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC - TRANG THIẾT BỊ Y TẾ BÌNH ĐỊNH (BIDIPHAR)	9.093,00	4.340	39.463.620,00
140	66	Cefoperazon (dưới dạng Cefoperazon natri); Sulbactam (dưới dạng Sulbactam natri)	Midapezon		VD-25725-16	0,5g; 0,5g	Thuốc bột pha tiêm		Uống	Lọ	Công ty CPDP Minh Dân	Việt Nam	Hộp 10 lọ loại dung tích 15ml	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM MINH DÂN	8.841,00	3.966	35.063.406,00
141	70	Ceftazidim (dưới dạng Ceftazidim pentahydrat phối hợp với natri carbonat)	Bicefzidim 1g		VD-28222-17	1g	Thuốc bột pha tiêm		Tiêm	Lọ	Công ty CP Dược-TTBYT Bình Định (Bidiphar)	Việt Nam	Hộp 10 lọ	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC - TRANG THIẾT BỊ Y TẾ BÌNH ĐỊNH (BIDIPHAR)	9.975,00	2.455	24.488.625,00
142	80	Cefuroxim (dưới dạng Cefuroxim natri)	Cefuroxim 1,5g		VD-23727-15	1,5g	Thuốc bột pha tiêm		Tiêm	Lọ	Công ty cổ phần dược phẩm VCP	Việt Nam	Hộp 10 lọ	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM TRUNG ƯƠNG CPC1	13.200,00	3.285	43.362.000,00
143	87	Celecoxib	AGILECOX 100		VD-29651-18	100mg	Viên nang cứng		Uống	Viên	Chi nhánh công ty CPDP Agimexpharm - Nhà máy SX DP Agimexpharm	Việt Nam	Hộp 2 vỉ x 10 viên	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM AGIMEXPHARM	1.850,00	75.725	140.091.250,00
144	90	Celecoxib	Vicoxib 200		VD-19336-13	200mg	Viên nang cứng		Uống	Viên	Công Ty Cổ Phần Dược Phẩm Cửu Long	Việt Nam	Hộp 3 vỉ x 10 viên	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM CỬU LONG	400,00	66.185	26.474.000,00
145	93	Ciprofloxacin (dưới dạng ciprofloxacin lactat)	CIPROFLOXACIN KABI		VD-20943-14	200mg/100ml	Dung dịch tiêm truyền	Chai/lọ/túi i/ống 100ml	Tiêm truyền tĩnh mạch	Chai	Công ty Cổ phần Fresenius Kabi Việt Nam	Việt Nam	Chai 100ml, hộp 48 chai 100ml	CÔNG TY CỔ PHẦN GONSA	17.575,00	215	3.778.625,00

SỞ Y TẾ THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
BỆNH VIỆN CHẤN THƯƠNG CHỈNH HÌNH

KQ-5A2

STT	STT trong Hồ sơ mời thầu	Hoạt chất	Tên hàng hóa dự thầu	Tên hàng hóa dự thầu sau điều chỉnh	SDK hoặc số GPNK	Hàm lượng	Dạng bào chế	Dạng trình bày	Đường dùng	Đơn vị tính	Hãng sản xuất	Nước sản xuất	Quy cách đóng gói	Công ty dự thầu	Giá trúng thầu	Số lượng trúng thầu	Thành tiền
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)	(16)	(17)	(18)
146	100	Cytidin-5'-disodium monophosphat + Uridin-5'-trisodium triphosphat	LEOLEN FORTE		VD-24814-16	5mg; 1,33mg	viên nang cứng		Uống	Viên	Chi nhánh Công ty Cổ phần Dược phẩm OPC tại Bình Dương - Nhà máy Dược phẩm OPC	Việt Nam	hộp 3 vỉ x 10 viên	CÔNG TY TNHH DƯỢC PHẨM QUANG ANH	4.200,00	44.496	186.883.200,00
147	103	Dexibuprofen	Meyerdefen		VD-30777-18	300mg	Viên nén bao phim		Uống	Viên	Công ty Liên doanh Meyer - BPC	Việt Nam	Hộp 10 vỉ x 10 viên	CÔNG TY TNHH DƯỢC PHẨM NGUYỄN ANH KHOA	1.806,00	53.600	96.801.600,00
148	109	Diazepam	Diazepam 10mg/2ml		VD-25308-16	Mỗi ống 2ml chứa: Diazepam 10mg	Dung dịch tiêm		Tiêm	Ống	Chi nhánh Công ty cổ phần dược phẩm Trung ương Vidipha Bình Dương	Việt Nam	Hộp 10 ống x 2ml	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM TRUNG ƯƠNG CODUPHA	4.473,00	810	3.623.130,00
149	110	Diazepam	Diazepam 5mg		VD-24311-16	5mg	Viên nén		Uống	Viên	Chi nhánh Công ty cổ phần dược phẩm trung ương Vidipha Bình Dương	Việt Nam	Hộp 10 vỉ x 10 viên	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM TRUNG ƯƠNG CODUPHA	240,00	57.960	13.910.400,00
150	114	Diclofenac Natri	Diclofenac		VD-25829-16	75mg/3ml	Dung dịch tiêm		Tiêm	Ống	Công ty cổ phần dược phẩm Vĩnh Phúc	Việt Nam	Hộp 1 vỉ x 10 ống x 3ml, Hộp 5 vỉ x 10 ống x 3ml	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM VĨNH PHÚC	980,00	8.320	8.153.600,00
151	116	Diclofenac sodium	Diclofenac 75mg		VD-17672-12	75mg	Viên bao phim tan trong ruột		Uống	Viên	Công ty Cổ phần Hóa Dược phẩm Mekophar	Việt Nam	Hộp 3 vỉ x 10 viên	CÔNG TY CỔ PHẦN HÓA - DƯỢC PHẨM MEKOPHAR	328,00	53.500	17.548.000,00
152	126	Eperison HCl	Waisan		VD-28243-17	50mg	Viên nén bao phim		Uống	Viên	Công ty CP Dược-TTBYT Bình Định (Bidiphar)	Việt Nam	Hộp 20 vỉ x 10 viên	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC - TRANG THIẾT BỊ Y TẾ BÌNH ĐỊNH (BIDIPHAR)	262,00	179.250	46.963.500,00
153	128	Mỗi 1ml chứa: Adrenalin 1mg	Adrenalin		VD-27151-17	1mg/1ml	Dung dịch tiêm	Lọ/ống/chi ai/túi 1ml	Tiêm	Ống	Công ty cổ phần dược phẩm Vĩnh Phúc	Việt Nam	Hộp 5 vỉ x 10 ống x 1ml	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM VĨNH PHÚC	1.386,00	3.260	4.518.360,00

SỞ Y TẾ THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
BỆNH VIỆN CHẨN THƯƠNG CHÌNH HÌNH

KQ-5A2

STT	STT trong Hồ sơ mời thầu	Hoạt chất	Tên hàng hóa dự thầu	Tên hàng hóa dự thầu sau điều chỉnh	SDK hoặc số GPNK	Hàm lượng	Dạng bào chế	Dạng trình bày	Đường dùng	Đơn vị tính	Hãng sản xuất	Nước sản xuất	Quy cách đóng gói	Công ty dự thầu	Giá trúng thầu	Số lượng trúng thầu	Thành tiền
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)	(16)	(17)	(18)
154	130	Esomeprazol (dưới dạngesomeprazol natri)	Vinxium		VD-22552-15	40mg	Thuốc tiêm bột đồng khô		Tiêm truyền tĩnh mạch	Lọ	Công ty cổ phần dược phẩm Vĩnh Phúc	Việt Nam	Hộp 5 lọ + 5 ống dung môi NaCl 0,9% 5ml	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM VINH PHÚC	9.420,00	80	753.600,00
155	131	Esomeprazol (dưới dạngesomeprazol magnesi trihydrat)	SaVi Esomeprazole 40		VD-28032-17	40mg	viên nén bao phim tan trong ruột		Uống	viên	Công ty Cổ phần dược phẩm SaVi	Việt Nam	Hộp 2 vỉ x 7 viên	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM SAVI	1.650,00	130	214.500,00
156	135	Etoricoxib	Atocib 120		VD-29518-18	120mg	Viên nén bao phim		Uống	viên	CTCP Dược Hậu Giang - CN nhà máy dược phẩm DHG tại Hậu Giang	Việt Nam	Hộp 3 vỉ x 10 viên	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC HẬU GIANG	1.550,00	11.750	18.212.500,00
157	137	Etoricoxib	Flexidron 60		VD-21270-14	60mg	Viên nén bao phim		Uống	Viên	Công ty TNHH Dược phẩm Glomed	Việt Nam	Hộp 3 vỉ x 10 viên	CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN VIMEDIMEX BÌNH DƯƠNG	715,00	58.678	41.954.770,00
158	139	Etoricoxib	Magrax		VD-30344-18	90mg	Viên nén bao phim		Uống	Viên	Công ty cổ phần dược phẩm Đạt Vi Phú	Việt Nam	Hộp 4 vỉ x 7 viên, Hộp 10 vỉ x 10 viên	CÔNG TY TNHH DƯỢC PHẨM VÀ TRANG THIẾT BỊ Y TẾ HOÀNG ĐỨC	778,00	10.630	8.270.140,00
159	140	Febuxostat	Friburine 80mg		QLĐB-686-18	80mg	Viên nén bao phim		Uống	Viên	Công ty Cổ phần Pymepharc o	Việt Nam	Hộp 3 vỉ x 10 viên	CÔNG TY CỔ PHẦN PYMEPHARCO	8.800,00	1.000	8.800.000,00
160	144	Gabapentin	GAPTINEW		VD-27758-17	300mg	Viên nang cứng		Uống	Viên	Chi nhánh công ty CPDP Agimexpharm - Nhà máy SX DP Agimexpharm	Việt Nam	Hộp 3 vỉ x 10 viên	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM AGIMEXPHARM	479,00	54.860	26.277.940,00
161	152	Glucose khan (dưới dạng Glucose monohydrat)	GLUCOSE 10%		VD-25876-16	Mỗi 100ml chứa 10g	Dung dịch tiêm truyền	Chai/lọ/túi i/ống 500ml	Tiêm truyền tĩnh mạch	Chai	Công ty Cổ phần Fresenius Kabi Việt Nam	Việt Nam	Thùng 20 chai 500ml	CÔNG TY CỔ PHẦN GONSA	9.345,00	40	373.800,00
162	153	Glucose khan	GLUCOSE 30%		VD-23167-15	30g/100ml	Dung dịch tiêm truyền	Chai/lọ/túi i/ống 500ml	Tiêm truyền tĩnh mạch	Chai	Công ty Cổ phần Fresenius Kabi Việt Nam	Việt Nam	Thùng 20 chai 500ml	CÔNG TY CỔ PHẦN GONSA	15.750,00	50	787.500,00

SỞ Y TẾ THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
BỆNH VIỆN CHÂN THƯƠNG CHÌNH HÌNH

KQ-5A2

STT	STT trong Hồ sơ mời thầu	Hoạt chất	Tên hàng hóa dự thầu	Tên hàng hóa dự thầu sau điều chỉnh	SDK hoặc số GPNK	Hàm lượng	Dạng bào chế	Dạng trình bày	Đường dùng	Đơn vị tính	Hãng sản xuất	Nước sản xuất	Quy cách đóng gói	Công ty dự thầu	Giá trúng thầu	Số lượng trúng thầu	Thành tiền
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)	(16)	(17)	(18)
163	155	Globulin kháng độc tố uốn ván	Huyết thanh kháng độc tố uốn ván tinh chế (SAT)		QLSP-1037-17	1500 đvqt	Dung dịch tiêm	Lọ/ống/chai/túi 1ml	Tiêm	Ống	Viện Vắc xin và sinh phẩm y tế (IVAC)	Việt Nam	Hộp 20 ống	CÔNG TY TNHH DƯỢC PHẨM VẮC XIN THUẬN ĐỨC	25.263,00	11.820	298.608.660,00
164	156	Ibuprofen	A.T Ibuprofen syrup		VD-25631-16	100mg/5ml	Hỗn dịch uống	Chai/lọ 60ml	Uống	Chai	Công ty Cổ phần Dược phẩm An Thiên	Việt Nam	Hộp 1 chai x 60 ml	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM AN THIÊN	18.354,00	1.050	19.271.700,00
165	157	Ibuprofen	AGIROFEN 200		VD-32777-19	200mg	Viên nang cứng		Uống	Viên	Chi nhánh công ty CPDP Agimexpharm - Nhà máy SX DP Agimexpharm	Việt Nam	Hộp 10 vỉ x 10 viên	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM AGIMEXPHARM	480,00	6.820	3.273.600,00
166	165	Kali clorid	KALI CLORID KABI 10%		VD-19566-13	1g/10ml	Dung dịch tiêm	Chai/lọ/túi i/ống 10ml	Tiêm tĩnh mạch	Ống	Công ty Cổ phần Fresenius Kabi Việt Nam	Việt Nam	Hộp 50 ống x 10ml	CÔNG TY CỔ PHẦN GONSA	1.449,00	1.850	2.680.650,00
167	167	Kẽm (dưới dạng Kẽm gluconat)	A.T Zinc	Atizinc	VD-24740-16	10mg	Viên nén phân tán		Uống	Viên	Công ty Cổ phần Dược phẩm An Thiên	Việt Nam	Hộp 10 vỉ x 10 viên	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM AN THIÊN	180,00	3.600	648.000,00
168	171	Ketorolac tromethamin	KOZERAL		VD-18511-13	10mg	Viên nén bao phim		Uống	Viên	Công ty cổ phần dược phẩm Đạt Vi Phú	Việt Nam	Hộp 6 vỉ x 10 viên	CÔNG TY CỔ PHẦN GONSA	1.500,00	63.800	95.700.000,00
169	177	Lidocain HCl	LIDOCAIN KABI 2%		VD-18804-13	400mg/20ml	Dung dịch tiêm	Lọ/ống/chai/túi 20ml	Tiêm bắp - tiêm tĩnh mạch - Tiêm dưới da	Lọ	Công Ty CP Dược - Trang Thiết Bị Y Tế Bình Định	Việt Nam	Hộp 10 lọ x 20ml	CÔNG TY CỔ PHẦN GONSA	13.860,00	24.250	336.105.000,00
170	178	Linezolid	IDOMAGI		VD-30280-18	600mg	Viên nén bao phim		Uống	Viên	Chi nhánh công ty CPDP Agimexpharm - Nhà máy SX DP Agimexpharm	Việt Nam	Hộp 3 vỉ x 10 viên	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM AGIMEXPHARM	10.500,00	1.830	19.215.000,00
171	179	Lisinopril (dưới dạng Lisinopril dihydrat)	Dorotril 10mg		VD-23899-15	10mg	Viên nén		Uống	Viên	Công ty cổ phần xuất nhập khẩu y tế Domesco	Việt Nam	Hộp 2 vỉ x 14 viên	CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU Y TẾ DOMESCO	420,00	1.970	827.400,00



SỞ Y TẾ THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
BỆNH VIỆN CHẤN THƯƠNG CHÍNH HÌNH

KQ-5A2

STT	STT trong Hồ sơ mời thầu	Hoạt chất	Tên hàng hóa dự thầu	Tên hàng hóa dự thầu sau điều chỉnh	SDK hoặc số GPNK	Hàm lượng	Dạng bào chế	Dạng trình bày	Đường dùng	Đơn vị tính	Hãng sản xuất	Nước sản xuất	Quy cách đóng gói	Công ty dự thầu	Giá trúng thầu	Số lượng trúng thầu	Thành tiền
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)	(16)	(17)	(18)
172	181	Loxoprofen natri	Loxoprofen 60mg		VD-30436-18	60mg	Viên nén		Uống	Viên	Công ty CPDP Minh Dân	Việt Nam	Hộp 10 vỉ x 10 viên	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM MINH DÂN	514,00	29.302	15.061.228,00
173	182	Magnesi sulfat	MAGNESI SULFAT KABI 15%		VD-19567-13	1,5g/10ml	Dung dịch tiêm	Chai/10/10ml	Tiêm hoặc truyền tĩnh mạch	Ống	Công ty Cổ phần Fresenius Kabi Việt Nam	Việt Nam	Hộp 50 ống x 10ml	CÔNG TY CỔ PHẦN GONSA	2.900,00	200	580.000,00
174	186	Mecobalamin	Galanmer		VD-28236-17	500mcg	Viên nang cứng		Uống	Viên	Công ty CP Dược-TTBYT Bình Định (Bidiphar)	Việt Nam	Hộp 10 vỉ x 10 viên	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC - TRANG THIẾT BỊ Y TẾ BÌNH ĐỊNH (BIDIPHAR)	420,00	3.900	1.638.000,00
175	194	Methylprednisolon (Dưới dạng Methylprednisolon natri succinat)	Vinsolon 125		VD-24345-16	125mg	Thuốc tiêm bột đông khô		Tiêm	Lọ	Công ty cổ phần dược phẩm Vĩnh Phúc	Việt Nam	Hộp 5 lọ + 5 ống dung môi 2ml, Hộp 10 lọ + 10 ống dung môi 2ml	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM VĨNH PHÚC	23.000,00	170	3.910.000,00
176	195	Metoclopramid HCl	Vincomid		VD-21919-14	10mg/2ml	Dung dịch tiêm		Tiêm	Ống	Công ty cổ phần dược phẩm Vĩnh Phúc	Việt Nam	Hộp 10 ống 2ml	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM VĨNH PHÚC	1.210,00	12.220	14.786.200,00
177	198	Morphin hydroclorid	Morphin (Morphin hydroclorid 10mg/ml)		VD-24315-16	10mg/ml	Dung dịch tiêm		Tiêm	Ống	Chi nhánh Công ty cổ phần dược phẩm trung ương Vidipha Bình Dương	Việt Nam	Hộp 25 ống x 1ml	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM TRUNG ƯƠNG CODUPHA	4.620,00	2.900	13.398.000,00
178	199	Nabumeton	BUTOCOX 750		VD-32779-19	750mg	Viên nén bao phim		Uống	Viên	Chi nhánh công ty CPDP Agimexpharm - Nhà máy SX DP Agimexpharm	Việt Nam	Hộp 03 vỉ x 10 viên	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM AGIMEXPHARM	5.950,00	8.600	51.170.000,00
179	200	Mỗi gói 1g chứa: Acetylcystein	Bifacold		VD-25865-16	200 mg	Thuốc cốm		Uống	Gói	Công ty CP Dược-TTBYT Bình Định (Bidiphar)	Việt Nam	Hộp 30 gói x 1g	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC - TRANG THIẾT BỊ Y TẾ BÌNH ĐỊNH (BIDIPHAR)	499,00	4.568	2.279.432,00

SỞ Y TẾ THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
BỆNH VIỆN CHÂN THƯƠNG CHÍNH HÌNH

KQ-5A2

STT	STT trong Hồ sơ mời thầu	Hoạt chất	Tên hàng hóa dự thầu	Tên hàng hóa dự thầu sau điều chỉnh	SDK hoặc số GPNK	Hàm lượng	Dạng bào chế	Dạng trình bày	Đường dùng	Đơn vị tính	Hãng sản xuất	Nước sản xuất	Quy cách đóng gói	Công ty dự thầu	Giá trúng thầu	Số lượng trúng thầu	Thành tiền
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)	(16)	(17)	(18)
180	204	Naproxen	Meyerproxen 500		VD-31368-18	500mg	Viên nén bao phim		Uống	Viên	Công ty Liên doanh Meyer BPC	Việt Nam	Hộp 10 vỉ x 10 viên	CÔNG TY TNHH DƯỢC PHẨM NGUYỄN ANH KHOA	2.100,00	1.500	3.150.000,00
181	205	Natri Clorid	NATRI CLORID 0,9%		VD-26717-17	Mỗi 100ml chứa: Natri clorid 0,9g	Dung dịch dùng ngoài	Chai/lọ 1000ml	Dùng ngoài	Chai	Công ty cổ phần dược phẩm 3/2	Việt Nam	Chai 1000ml	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM 3/2	10.080,00	20.000	201.600.000,00
182	206	Natri Clorid	NATRI CLORID 0,9%		VD-26717-17	Mỗi 100ml chứa: Natri clorid 0,9g	Dung dịch dùng ngoài	Chai/lọ 500ml	Dùng ngoài	Chai	Công ty cổ phần dược phẩm 3/2	Việt Nam	Chai 500ml	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM 3/2	7.140,00	82.700	590.478.000,00
183	207	Natri clorid	NATRI CLORID 0,9%		VD-21954-14	0,9g/100ml	Dung dịch tiêm truyền	Chai/lọ 100ml	Tiêm truyền tĩnh mạch	Chai	Công ty Cổ phần Fresenius Kabi Việt Nam	Việt Nam	Thùng 80 chai nhựa 100ml	CÔNG TY CỔ PHẦN GONSA	6.920,00	13.240	91.620.800,00
184	208	Natri clorid	Natri clorid 0.9% 1000ml	Dịch truyền tĩnh mạch Natri clorid 0,9%	VD-32723-19	Mỗi 100ml chứa: Natri clorid 0,9g	Dung dịch truyền tĩnh mạch	Chai/lọ/túi i/ống 1000ml	Tiêm truyền	Chai	Công ty TNHH B.Braun Việt Nam	Việt Nam	Chai 1000ml	CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN VIMEDIMEX BÌNH DƯƠNG	15.435,00	21.000	324.135.000,00
185	209	Natri clorid	NATRI CLORID 0,9%		VD-21954-14	0,9g/100ml	Dung dịch tiêm truyền	Chai/lọ/túi i/ống 500ml	Tiêm truyền tĩnh mạch	Chai	Công ty Cổ phần Fresenius Kabi Việt Nam	Việt Nam	Thùng 20 chai nhựa 500ml	CÔNG TY CỔ PHẦN GONSA	7.350,00	190.250	1.398.337.500,00
186	210	Natri clorid	NATRI CLORID 3%		VD-23170-15	3g/100ml	Dung dịch tiêm truyền	Chai/lọ/túi i/ống 100ml	Tiêm truyền tĩnh mạch	Chai	Công ty Cổ phần Fresenius Kabi Việt Nam	Việt Nam	Thùng 80 chai 100ml	CÔNG TY CỔ PHẦN GONSA	8.190,00	300	2.457.000,00
187	211	Natri clorid + Glucose (dưới dạng Glucose monohydrat)	Natri clorid 0.9% & G5% 500ml	Dịch truyền tĩnh mạch Natri clorid 0,9% & Glucose 5%	VD-29434-18	Mỗi 500ml dung dịch chứa: Natri clorid 4,5g; Glucose (dưới dạng Glucose monohydrat 27,5g) 25g	Dung dịch truyền tĩnh mạch	Chai/lọ/túi i/ống 500ml	Tiêm truyền	Chai	Công ty TNHH B.Braun Việt Nam	Việt Nam	Chai 500ml	CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN VIMEDIMEX BÌNH DƯƠNG	12.500,00	17.700	221.250.000,00

SỞ Y TẾ THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
BỆNH VIỆN CHẨN THƯƠNG CHÍNH HÌNH

KQ-5A2

STT	STT trong Hồ sơ mời thầu	Hoạt chất	Tên hàng hóa dự thầu	Tên hàng hóa dự thầu sau điều chỉnh	SDK hoặc số GPNK	Hàm lượng	Dạng bào chế	Dạng trình bày	Đường dùng	Đơn vị tính	Hãng sản xuất	Nước sản xuất	Quy cách đóng gói	Công ty dự thầu	Giá trúng thầu	Số lượng trúng thầu	Thành tiền
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)	(16)	(17)	(18)
188	213	Mỗi 500ml chứa: Natri clorid ; Kali clorid ; Monobasic kali phosphat ; Natri acetat.3H2O; Magne sulfat.7H2O; Kẽm sulfat.7H2O; Dextrose Anhydrous	Glucolyte -2	Glucolyte-2	VD-25376-16	1,955g; 0,375g; 0,68g; 0,68g; 0,316g; 5,76mg; 37,5g	Dung dịch tiêm truyền tĩnh mạch	Chai/lọ/túi i/ống 500ml	Tiêm truyền	Chai	Công ty cổ phần dược phẩm Otsuka Việt Nam	Việt Nam	Chai 500ml	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM TRUNG ƯƠNG CODUPHA	17.000,00	3.675	62.475.000,00
189	216	Natri bicarbonat	NATRI BICARBONAT 1,4%		VD-25877-16	Mỗi 100ml chứa: Natri bicarbonat 1,4g	Dung dịch tiêm truyền	Chai/lọ/túi i/ống 250ml	Tiêm truyền tĩnh mạch	Chai	Công ty Cổ phần Fresenius Kabi Việt Nam	Việt Nam	Thùng 20 chai 250ml	CÔNG TY CỔ PHẦN GONSA	32.000,00	30	960.000,00
190	224	Nước cất pha tiêm	NƯỚC CÁT PHA TIÊM		VD-23172-15	500ml	Dung môi pha tiêm	Chai/lọ/túi i/ống 500ml	Dung môi pha tiêm	Chai	Công ty Cổ phần Fresenius Kabi Việt Nam	Việt Nam	Thùng 20 chai 500ml	CÔNG TY CỔ PHẦN GONSA	8.820,00	1.660	14.641.200,00
191	225	Oxacilin (dưới dạng Oxacilin natri)	Oxacilin 1g		VD-31240-18	1g	Thuốc bột pha tiêm		Tiêm	Lọ	Công ty cổ phần dược phẩm VCP	Việt Nam	Hộp 10 lọ	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM TRUNG ƯƠNG CPC1	27.000,00	225	6.075.000,00
192	227	Papaverin hydroclorid	Paparin		VD-20485-14	40mg/2ml	Dung dịch tiêm		Tiêm	Ống	Công ty cổ phần dược phẩm Vĩnh Phúc	Việt Nam	Hộp 5 vi x 10 ống	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM VINH PHÚC	3.140,00	4.620	14.506.800,00
193	231	Paracetamol	Biragan 150		VD-21236-14 (CV gia hạn 10825/QLD ngày 01/07/2019)	150mg	Thuốc đạn		Đặt hậu môn	Viên	Công ty CP Dược-TTBYT Bình Định (Bidiphar)	Việt Nam	Hộp 2 vi x 5 viên	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC - TRANG THIẾT BỊ Y TẾ BÌNH ĐỊNH (BIDIPHAR)	1.638,00	1.910	3.128.580,00
194	234	Paracetamol	Paracetamol 10mg/ml		VD-33956-19	10mg/1ml	Dung dịch tiêm truyền tĩnh mạch	Chai/lọ/túi i/gói 100ml	Tiêm truyền	Túi	Công ty TNHH Dược phẩm Allomed	Việt Nam	Túi 100ml	CÔNG TY TNHH DƯỢC PHẨM CHÂU Á - THÁI BÌNH DƯƠNG	13.000,00	31.284	406.692.000,00
195	236	Paracetamol	Biragan 300		VD-23136-15	300mg	Thuốc đạn		Đặt hậu môn	Viên	Công ty CP Dược-TTBYT Bình Định (Bidiphar)	Việt Nam	Hộp 2 vi x 5 viên	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC - TRANG THIẾT BỊ Y TẾ BÌNH ĐỊNH (BIDIPHAR)	1.890,00	1.892	3.575.880,00

SỞ Y TẾ THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
BỆNH VIỆN CHÂN THƯƠNG CHÍNH HÌNH

KQ-5A2

STT	STT trong Hồ sơ mới	Hoạt chất	Tên hàng hóa dự thầu	Tên hàng hóa dự thầu sau điều chỉnh	SDK hoặc số GPNK	Hàm lượng	Dạng bào chế	Dạng trình bày	Đường dùng	Đơn vị tính	Hãng sản xuất	Nước sản xuất	Quy cách đóng gói	Công ty dự thầu	Giá trúng thầu	Số lượng trúng thầu	Thành tiền
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)	(16)	(17)	(18)
196	237	Paracetamol	Paracetamol 325mg		VD-27290-17	325mg	Viên nén bao phim		Uống	Viên	Công ty Cổ phần Hóa-Dược phẩm Mekophar	Việt Nam	Chai 180 viên	CÔNG TY CỔ PHẦN HÓA - DƯỢC PHẨM MEKOPHAR	132,00	63.200	8.342.400,00
197	241	Paracetamol; Codein phosphat hemihydrat	Dopagan- Codein Effervescent		VD-30015-18	500mg; 30mg	Viên nén sủi bọt		Uống	Viên	Công ty cổ phần xuất nhập khẩu y tế Domesco	Việt Nam	Hộp 4 vi x 4 viên	CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU Y TẾ DOMESCO	1.600,00	18.080	28.928.000,00
198	244	Paracetamol + Tramadol HCl	DinalvicVPC		VD-18713-13	325mg; 37,5mg	Viên nang cứng		Uống	Viên	Công Ty Cổ Phần Dược Phẩm Cửu Long	Việt Nam	Hộp 2 vi x 10 viên	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM CỬU LONG	525,00	112.687	59.160.675,00
199	247	Phytomenadion	Vitamin K1 10mg/1ml		VD-25217-16	10mg/1ml	Dung dịch tiêm	Lọ/ống/chai/túi 1ml	Tiêm	Ống	Công ty CPDP Minh Dân	Việt Nam	Hộp 10 ống x 1ml	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM MINH DÂN	1.587,00	3.770	5.982.990,00
200	250	Povidon Iod	PVP-Iodine 10%		VD-30239-18	Mỗi 100ml chứa: Povidon iod 10g	Dung dịch dùng ngoài	Chai/Lọ 500ml	Dùng ngoài	Lọ	Công ty Cổ phần Dược Danapha	Việt Nam	Lọ 500ml	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC DANAPHA	41.000,00	15.080	618.280.000,00
201	251	Povidone Iodine	POVIDONE		VD-17882-12	10%	Dung dịch dùng ngoài	Chai/Lọ 90ml	Dùng ngoài	Chai	Cty CPDP Agimexpharm	Việt Nam	Chai nhựa HD chứa 90ml	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM AGIMEXPHARM	7.640,00	2.530	19.329.200,00
202	252	Povidon iod	POVIDINE 4%		VD-31645-19	Mỗi 500ml dung dịch chứa: Povidon iod 20g	Dung dịch dùng ngoài	Chai/Lọ 800ml	Dùng ngoài	Chai	Công Ty Cổ Phần Dược Phẩm Dược Liệu Pharmedic	Việt Nam	Chai 800ml	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM DƯỢC LIỆU PHARMEDIC	58.527,00	9.320	545.471.640,00
203	255	Pregabalin	Antivic 75		VD-26751-17	75mg	Viên nang cứng		Uống	Viên	Công ty Cổ phần Dược phẩm An Thiên	Việt Nam	Hộp 10 vi x 10 viên	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM AN THIÊN	935,00	8.360	7.816.600,00
204	261	Ranitidin (dưới dạng Ranitidin HCL)	Vintex		VD-18782-13	50mg	Dung dịch tiêm		Tiêm	Ống	Công ty cổ phần dược phẩm Vĩnh Phúc	Việt Nam	Hộp 2 vi x 5 ống x 2ml, hộp 5 vi x 10 ống x 2ml	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM VĨNH PHÚC	2.499,00	13.671	34.163.829,00
205	263	Sodium chloride, Potassium chloride, Calcium chloride dihydrat, Sodium acetate trihydrate	Acetate Ringer		VD-15871-11	3g; 0,15g; 0,075g; 1,9g	Dung dịch tiêm truyền tĩnh mạch	Chai/lọ/túi i/ống 500ml	Tiêm truyền	Chai	Công ty Cổ phần Hóa Dược phẩm Mekophar	Việt Nam	Chai 500ml	CÔNG TY CỔ PHẦN HÓA - DƯỢC PHẨM MEKOPHAR	16.000,00	3.450	55.200.000,00

SỞ Y TẾ THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
BỆNH VIỆN CHẨN THƯƠNG CHÍNH HÌNH

KQ-5A2

STT	STT trong Hồ sơ mời thầu	Hoạt chất	Tên hàng hóa dự thầu	Tên hàng hóa dự thầu sau điều chỉnh	SDK hoặc số GPNK	Hàm lượng	Dạng bào chế	Dạng trình bày	Đường dùng	Đơn vị tính	Hãng sản xuất	Nước sản xuất	Quy cách đóng gói	Công ty dự thầu	Giá trúng thầu	Số lượng trúng thầu	Thành tiền
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)	(16)	(17)	(18)
206	264	Natri clorid; Kali clorid; Natri lactat; Calciclorid.2H2O.	RINGER LACTATE		VD-22591-15	Mỗi 500ml chứa: Natri clorid 3g; Kali clorid 0,2g; Natri lactat 1,6g; Calciclorid .2H2O 0,135g	Dung dịch tiêm truyền	Chai/lọ/túi i/ống 500ml	Tiêm truyền tĩnh mạch	Chai	Công ty Cổ phần Fresenius Kabi Việt Nam	Việt Nam	Thùng 20 chai nhựa 500ml	CÔNG TY CỔ PHẦN GONSA	8.033,00	51.120	410.646.960,00
207	265	Dextrose khan; Natri clorid; Kali clorid; Natri lactat; Calci clorid 2H2O.	LACTATED RINGER'S AND DEXTROSE		VD-21953-14	(11,365g; 1,5g; 75mg; 750mg; 50mg) 500ml	Dung dịch tiêm truyền	Chai/lọ/túi i/ống 500ml	Tiêm truyền tĩnh mạch	Chai	Công ty Cổ phần Fresenius Kabi Việt Nam	Việt Nam	Thùng 20 chai 500ml	CÔNG TY CỔ PHẦN GONSA	10.500,00	18.800	197.400.000,00
208	273	Cao khô Silybum marianum (tương đương 70mg Silymarin) 156mg	Silymarin 70mg		VD-32934-19	Silymarin 70mg	Viên nén bao phim		Uống	Viên	Công ty cổ phần dược phẩm VCP	Việt Nam	Hộp 4 vỉ x 15 viên	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM TRUNG ƯƠNG CPC1	600,00	22.650	13.590.000,00
209	276	Sulfamethoxazol + Trimethoprim	Cotrimoxazol 480mg		VD-24799-16	400mg; 80mg	Viên nén		Uống	Viên	Công ty CPDP Minh Dân	Việt Nam	Hộp 20 vỉ x 20 viên	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM MINH DÂN	219,00	1.450	317.550,00
210	278	Sultamicillin (dưới dạng Sultamicillin tosilat dihydrate)	Midactam 375		VD-26900-17	375mg	Viên nén bao phim		Uống	Viên	Công ty CPDP Minh Dân	Việt Nam	Hộp 1 túi x 1 vỉ x 10 viên	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM MINH DÂN	3.898,00	25.240	98.385.520,00
211	282	Thiocolchicosid	Aticolcide 4		VD-30301-18	4mg	Viên nén		Uống	Viên	Công ty Cổ phần Dược phẩm An Thiên	Việt Nam	Hộp 2 vỉ x 10 viên	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM AN THIÊN	1.050,00	7.100	7.455.000,00
212	283	Ticarcillin (dưới dạng Ticarcillin dinitrat) + Acid clavulanic (dưới dạng Kali clavulanat)	Bidicarin 1,6g	Bidicarin 1,6mg	VD-32999-19	1,5g + 0,1g	Bột pha tiêm		Tiêm	Lọ	Công ty CP Dược-TTBYT Bình Định (Bidiphar)	Việt Nam	Hộp 10 lọ	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC - TRANG THIẾT BỊ Y TẾ BÌNH ĐỊNH (BIDIPHAR)	100.485,00	220	22.106.700,00
213	287	Tobramycin (dưới dạng Tobramycin sulfat)	Vinbrex 80		VD-33653-19	80mg/2ml	Dung dịch tiêm	Lọ/ống/chai/túi 2ml	Tiêm	Ống	Công ty cổ phần dược phẩm Vĩnh Phúc	Việt Nam	Hộp 5 vỉ x 10 ống x 2ml	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM VĨNH PHÚC	4.780,00	1.000	4.780.000,00
214	290	Tramadol HCl	Trasolu		VD-33290-19	100mg/2ml	Dung dịch tiêm	Lọ/ống/chai/túi 2ml	Tiêm	Ống	Công ty Cổ phần Dược Danapha	Việt Nam	Hộp 10 ống x 2ml	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC DANAPHA	6.930,00	11.927	82.654.110,00

SỞ Y TẾ THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
BỆNH VIỆN CHÂN THƯƠNG CHÍNH HÌNH

KQ-5A2

STT	STT trong Hồ sơ mời thầu	Hoạt chất	Tên hàng hóa dự thầu	Tên hàng hóa dự thầu sau điều chỉnh	SDK hoặc số GPNK	Hàm lượng	Dạng bào chế	Dạng trình bày	Đường dùng	Đơn vị tính	Hãng sản xuất	Nước sản xuất	Quy cách đóng gói	Công ty dự thầu	Giá trúng thầu	Số lượng trúng thầu	Thành tiền
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)	(16)	(17)	(18)
215	292	Acid Tranexamic	Cammic		VD-28697-18	250mg/5ml	Dung dịch tiêm		Tiêm	Ống	Công ty cổ phần dược phẩm Vĩnh Phúc	Việt Nam	Hộp 10 vi x 5 ống x 5ml	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM VINH PHÚC	2.184,00	9.400	20.529.600,00
216	297	Vancomycin (dưới dạng Vancomycin HCl)	VALBIVI 0.5G	VALBIVI 0,5G	VD-18365-13	500mg	Bột pha tiêm		Tiêm	Lọ	Công ty cổ phần dược phẩm Trung Ương 1 - Pharbaco	Việt Nam	Hộp 10 lọ	CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN DƯỢC SÀI GÒN	16.800,00	4.015	67.452.000,00
217	300	Magnesi lactat dihydrat + vitamin B6	DEBOMIN		VD-22507-15	940mg; 10mg	Viên nén sùi		Uống	Viên	Công ty Cổ phần Dược phẩm Phương Đông	Việt Nam	Hộp 1 tuýp 10 viên	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM GOLDENLIFE	2.600,00	29.910	77.766.000,00
218	302	Acid ascorbic	VITAMIN C KABI 500MG/5ML		VD-32121-19	500mg/5ml	Dung dịch tiêm		Tiêm tĩnh mạch - Tiêm bắp - tiêm dưới da	Ống	Công ty Cổ phần Fresenius Kabi Việt Nam	Việt Nam	Hộp 6 ống x 5ml	CÔNG TY CỔ PHẦN GONSA	1.229,00	16.885	20.751.665,00
219	303	Acid Ascorbic	Bidicorbic 500		VD-19842-13 (CV gia hạn: 21031/QLD-ĐK ngày 17/12/2019)	500mg	Viên nang cứng		Uống	Viên	Công ty CP Dược-TTBYT Bình Định (Bidiphar)	Việt Nam	chai 100 viên	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC - TRANG THIẾT BỊ Y TẾ BÌNH ĐỊNH (BIDIPHAR)	189,00	245.165	46.336.185,00
TỔNG CỘNG																103	11.307.258.710
NHÓM 5																	
220	136	Etoricoxib	Magrax-F		VD-19172-13	120mg	Viên nén bao phim		Uống	Viên	Công ty cổ phần dược phẩm Đạt Vi Phú	Việt Nam	Hộp 3 vi x 10 viên	CÔNG TY TNHH DƯỢC PHẨM VÀ TRANG THIẾT BỊ Y TẾ HOÀNG ĐỨC	1.590,00	8.810	14.007.900,00
TỔNG CỘNG																1	14.007.900
TỔNG CỘNG																220	40.026.885.198

(Handwritten signature)

SỞ Y TẾ THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
BỆNH VIỆN CHÂN THƯƠNG CHÍNH HÌNH

KQ-5A2

STT	STT trong Hồ sơ mời thầu	Họ và tên	Tên hàng hóa dự thầu	Tên hàng hóa dự thầu sau điều chỉnh	SDK hoặc số GPNK	Hàm lượng	Dạng bao chế	Dạng trình bày	Đường dùng	Đơn vị tính	Hãng sản xuất	Nước sản xuất	Quy cách đóng gói	Công ty dự thầu	Giá trúng thầu	Số lượng trúng thầu	Thành tiền
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)	(16)	(17)	(18)

Ngày 15 Tháng 01 Năm 2021

GIÁM ĐỐC



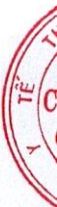
Châu Văn Đỉnh

BẢNG TỔNG HỢP KẾT QUẢ THUỐC TRÚNG THẦU

GÓI THẦU THUỐC GENERIC

(ĐÍNH KÈM QUYẾT ĐỊNH SỐ 20/QĐ-BVCTCH NGÀY 15/01/2021)

STT	STT trong Hồ sơ mời thầu	Hoạt chất	Tên hàng hóa dự thầu	Tên hàng hóa dự thầu sau điều chỉnh	SDK hoặc số GPNK	Hàm lượng	Dạng bào chế	Dạng trình bày	Đường dùng	Đơn vị tính	Hãng sản xuất	Nước sản xuất	Quy cách đóng gói	Giá trúng thầu	Số lượng trúng thầu	Thành tiền
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)	(16)	(17)
1 CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC - THIẾT BỊ Y TẾ ĐÀ NẴNG																
NHÓM 2																
1	29	Ampicilin (dưới dạng Ampicilin natri); Sulbactam (dưới dạng Sulbactam natri)	Auropennz 1.5		VN-17643-14	1g; 0,5g	Bột pha tiêm		Tiêm	Lọ	Aurobindo Pharma Ltd	India	Hộp 1 lọ + 1 ống nước pha tiêm 5ml	38.430,00	41.570	1.597.535.100,00
TỔNG CỘNG														1	1.597.535.100	
TỔNG CỘNG														1	1.597.535.100	
3 CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC DANAPHA																
NHÓM 4																
1	250	Povidon Iod	PVP-Iodine 10%		VD-30239-18	Mỗi 100ml chứa: Povidon iod 10g	Dung dịch dùng ngoài	Chai/Lọ 500ml	Dùng ngoài	Lọ	Công ty Cổ phần Dược Danapha	Việt Nam	Lọ 500ml	41.000,00	15.080	618.280.000,00
2	290	Tramadol HCl	Trasolu		VD-33290-19	100mg/2ml	Dung dịch tiêm	Lọ/ống/chai/túi 2ml	Tiêm	Ống	Công ty Cổ phần Dược Danapha	Việt Nam	Hộp 10 ống x 2ml	6.930,00	11.927	82.654.110,00
TỔNG CỘNG														2	700.934.110	
TỔNG CỘNG														2	700.934.110	
4 CÔNG TY TNHH MTV THƯƠNG MẠI DƯỢC PHẨM KHANG HUY																
NHÓM 1																



SỞ Y TẾ THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
BỆNH VIỆN CHẤN THƯƠNG CHÍNH HÌNH

KQ-5A1

STT	STT trong Hồ sơ mời thầu	Hoạt chất	Tên hàng hóa dự thầu	Tên hàng hóa dự thầu sau điều chỉnh	SDK hoặc số GPNK	Hàm lượng	Dạng bào chế	Dạng trình bày	Đường dùng	Đơn vị tính	Hãng sản xuất	Nước sản xuất	Quy cách đóng gói	Giá trúng thầu	Số lượng trúng thầu	Thành tiền
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)	(16)	(17)
1	150	Glucosamin sulfat (dưới dạng Glucosamin sulfat natri clorid)	Arthroloc		VN-20443-17	Mỗi gói chứa: Glucosamin sulfat (dưới dạng Glucosamin sulfat natri clorid tương đương với glucosamin base 1177,8mg) 1500mg	Bột pha dung dịch uống		Uống	Gói	Rafarm S.A.	Greece	Hộp 30 gói	13.800,00	15.622	215.583.600,00
TỔNG CỘNG															1	215.583.600
NHÓM 4																
2	15	Escin	Aescin 20mg		VD-23473-15	20mg	Viên nén bao phim		Uống	Viên	Công ty cổ phần Dược Minh Hải	Việt Nam	Hộp 3 vi x 30 viên	2.980,00	120.000	357.600.000,00
TỔNG CỘNG															1	357.600.000
TỔNG CỘNG															2	573.183.600
5 CÔNG TY TNHH DƯỢC PHẨM VÀ TRANG THIẾT BỊ Y TẾ HOÀNG ĐỨC																
NHÓM 4																
1	139	Etoricoxib	Magrax		VD-30344-18	90mg	Viên nén bao phim		Uống	Viên	Công ty cổ phần dược phẩm Đạt Vi Phú	Việt Nam	Hộp 4 vi x 7 viên, Hộp 10 vi x 10 viên	778,00	10.630	8.270.140,00
TỔNG CỘNG															1	8.270.140
NHÓM 5																
2	136	Etoricoxib	Magrax-F		VD-19172-13	120mg	Viên nén bao phim		Uống	Viên	Công ty cổ phần dược phẩm Đạt Vi Phú	Việt Nam	Hộp 3 vi x 10 viên	1.590,00	8.810	14.007.900,00
TỔNG CỘNG															1	14.007.900
TỔNG CỘNG															2	22.278.040
6 CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM DƯỢC LIỆU PHARMEDIC																
NHÓM 4																

SỞ Y TẾ THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
BỆNH VIỆN CHẤN THƯƠNG CHÌNH HÌNH

KQ-5A1

STT	STT trong Hồ sơ mời thầu	Hoạt chất	Tên hàng hóa dự thầu	Tên hàng hóa dự thầu sau điều chỉnh	SDK hoặc số GPNK	Hàm lượng	Dạng bào chế	Dạng trình bày	Đường dùng	Đơn vị tính	Hãng sản xuất	Nước sản xuất	Quy cách đóng gói	Giá trúng thầu	Số lượng trúng thầu	Thành tiền
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)	(16)	(17)
1	252	Povidon iod	POVIDINE 4%		VD-31645-19	Mỗi 500ml dung dịch chứa: Povidon iod 20g	Dung dịch dùng ngoài	Chai/Lọ 800ml	Dùng ngoài	Chai	Công Ty Cổ Phần Dược Phẩm Dược Liệu Pharmedic	Việt Nam	Chai 800ml	58.527,00	9.320	545.471.640,00
TỔNG CỘNG															1	545.471.640
TỔNG CỘNG															1	545.471.640
7 CÔNG TY TNHH DƯỢC PHẨM ĐỨC ANH																
NHÓM 1																
1	22	Amoxicilin (dưới dạng Amoxicilin natri)+ Acid clavulanic (dưới dạng kali clavulanat)	Axuka		VN-20700-17	1000mg; 200mg	Bột pha tiêm		Tiêm	Chai/lọ/túi/ống	S.C.Antibiotice S.A	Romani	Hộp 50 lọ	38.997,00	28.050	1.093.865.850,00
TỔNG CỘNG															1	1.093.865.850
TỔNG CỘNG															1	1.093.865.850
9 CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU Y TẾ DOMESCO																
NHÓM 4																
1	179	Lisinopril (dưới dạng Lisinopril dihydrat)	Dorotril 10mg		VD-23899-15	10mg	Viên nén		Uống	Viên	Công ty cổ phần xuất nhập khẩu y tế Domesco	Việt Nam	Hộp 2 vỉ x 14 viên	420,00	1.970	827.400,00
2	241	Paracetamol; Codein phosphat hemihydrat	Dopagan- Codein Effervescent		VD-30015-18	500mg; 30mg	Viên nén sủi bọt		Uống	Viên	Công ty cổ phần xuất nhập khẩu y tế Domesco	Việt Nam	Hộp 4 vỉ x 4 viên	1.600,00	18.080	28.928.000,00
TỔNG CỘNG															2	29.755.400
TỔNG CỘNG															2	29.755.400
12 CÔNG TY CỔ PHẦN HÓA - DƯỢC PHẨM MEKOPHAR																
NHÓM 4																
1	23	Mỗi lọ chứa: Amoxicilin (dưới dạng Amoxicilin natri) 1g; Acid clavulanic (dưới dạng Kali clavulanat) 200mg	Augbactam 1g/200mg		VD-29319-18	1g, 200mg	Thuốc bột pha tiêm		Tiêm	Lọ	Công ty Cổ Phần Hóa Dược phẩm Mekophar	Việt Nam	Hộp 10 lọ	29.925,00	11.220	335.758.500,00
2	116	Diclofenac sodium	Diclofenac 75mg		VD-17672-12	75mg	Viên bao phim tan trong ruột		Uống	Viên	Công ty Cổ Phần Hóa Dược phẩm Mekophar	Việt Nam	Hộp 3 vỉ x 10 viên	328,00	53.500	17.548.000,00



MW
3/37

SỞ Y TẾ THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
BỆNH VIỆN CHÂN THƯƠNG CHÍNH HÌNH

KQ-5A1

STT	STT trong Hồ sơ mời thầu	Họat chất	Tên hàng hóa dự thầu	Tên hàng hóa dự thầu sau điều chỉnh	SDK hoặc số GPNK	Hàm lượng	Dạng bao chế	Dạng trình bày	Đường dùng	Đơn vị tính	Hãng sản xuất	Nước sản xuất	Quy cách đóng gói	Giá trúng thầu	Số lượng trúng thầu	Thành tiền
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)	(16)	(17)
3	237	Paracetamol	Paracetamol 325mg		VD-27290-17	325mg	Viên nén bao phim		Uống	Viên	Công ty Cổ phần Hóa-Dược phẩm Mekophar	Việt Nam	Chai 180 viên	132,00	63.200	8.342.400,00
4	263	Sodium chloride, Potassium chloride, Calcium chloride dihydrat, Sodium acetate trihydrate	Acetate Ringer		VD-15871-11	3g; 0,15g; 0,075g; 1,9g	Dung dịch tiêm truyền tĩnh mạch	Chai/lọ/túi i/ống 500ml	Tiêm truyền	Chai	Công ty Cổ phần Hóa-Dược phẩm Mekophar	Việt Nam	Chai 500ml	16.000,00	3.450	55.200.000,00
TỔNG CỘNG															4	416.848.900
TỔNG CỘNG															4	416.848.900
13 CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM TRUNG ƯƠNG CPC1																
NHÓM 1																
1	127	Ephedrin hydroclorid	Ephedrine Aguettant 30mg/ml		VN-19221-15	30mg/ml	Dung dịch tiêm truyền tĩnh mạch	Lọ/ống/chiếc/túi 1ml	Tiêm	Ống	Laboratoire Aguettant	France	Hộp 10 ống 1ml	57.750,00	1.830	105.682.500,00
2	168	Ketamin (dưới dạng Ketamine HCl)	Ketamine Hydrochloride injection		VN-20611-17	500mg/10ml	Dung dịch tiêm	Lọ/ống/chiếc/túi 10ml	Tiêm	Lọ	Rotexmedica GmbH Arzneimittelwerk	Germany	Hộp 25 lọ 10ml	52.500,00	800	42.000.000,00
3	172	Ketorolac trometamol	Algesin-N		VN-21533-18	30mg	Dung dịch tiêm		Tiêm	Ống	S.C. Rompharm Company S.r.l	Rumani	Hộp 10 ống 1ml	35.000,00	8.460	296.100.000,00
4	215	Natri hyaluronat	Go-On		VN-20762-17	25mg/2,5ml	Dung dịch tiêm		Tiêm	Bơm tiêm	Croma Pharma GmbH	Austria	Hộp 1 bơm tiêm	669.000,00	300	200.700.000,00
5	223	Noradrenalin (dưới dạng Noradrenalin tartrat)	Levonor		VN-20116-16	1mg/1ml	Dung dịch tiêm truyền	Lọ/ống/chiếc/túi 1ml	Tiêm	Ống	Warsaw Pharmaceutical Works Polfa S.A.	Poland	Hộp 10 ống x 1ml	35.000,00	380	13.300.000,00
TỔNG CỘNG															5	657.782.500
NHÓM 4																
6	31	Hỗn hợp Ampicilin natri và Sulbactam natri tương đương: Ampicilin 2g; Sulbactam 1g	Visulin 2g/1g		VD-27150-17	Ampicilin 2g; Sulbactam 1g	Thuốc bột pha tiêm		Tiêm	Lọ	Công ty cổ phần dược phẩm VCP	Việt Nam	Hộp 10 lọ	55.000,00	5.000	275.000.000,00
7	37	Bacillus subtilis	BIOSUBTYL-II		QLSP-856-15	10 ⁷ -10 ⁸ CFU/250mg	Viên nang cứng		Uống	Viên	Công ty Cổ phần Vắc xin và sinh phẩm Nha Trang	Việt Nam	Vi 10 viên, hộp 10 vi	1.500,00	1.000	1.500.000,00

SỞ Y TẾ THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
BỆNH VIỆN CHẤN THƯƠNG CHÍNH HÌNH

KQ-5A1

STT	STT trong Hồ sơ mời thầu	Hoạt chất	Tên hàng hóa dự thầu	Tên hàng hóa dự thầu sau điều chỉnh	SDK hoặc số GPNK	Hàm lượng	Dạng bào chế	Dạng trình bày	Đường dùng	Đơn vị tính	Hãng sản xuất	Nước sản xuất	Quy cách đóng gói	Giá trúng thầu	Số lượng trúng thầu	Thành tiền
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)	(16)	(17)
8	80	Cefuroxim (dưới dạng Cefuroxim natri)	Cefuroxim 1,5g		VD-23727-15	1,5g	Thuốc bột pha tiêm		Tiêm	Lọ	Công ty cổ phần dược phẩm VCP	Việt Nam	Hộp 10 lọ	13.200,00	3.285	43.362.000,00
9	225	Oxacilin (dưới dạng Oxacilin natri)	Oxacilin 1g		VD-31240-18	1g	Thuốc bột pha tiêm		Tiêm	Lọ	Công ty cổ phần dược phẩm VCP	Việt Nam	Hộp 10 lọ	27.000,00	225	6.075.000,00
10	273	Cao khô Silybum marianum (tương đương 70mg Silymarin) 156mg	Silymarin 70mg		VD-32934-19	Silymarin 70mg	Viên nén bao phim		Uống	Viên	Công ty cổ phần dược phẩm VCP	Việt Nam	Hộp 4 vi x 15 viên	600,00	22.650	13.590.000,00
TỔNG CỘNG															5	339.527.000
TỔNG CỘNG															10	997.309.500
16 CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU Y TẾ THÁI AN																
NHÓM 1																
1	296	Vancomycin (dưới dạng Vancomycin hydrochlorid)	Voxin		VN-20141-16	500mg	Bột đông khô pha tiêm		Tiêm	Lọ	Vianex S.A. Nhà máy C	Greece	Hộp 1 lọ	61.992,00	4.015	248.897.880,00
TỔNG CỘNG															1	248.897.880
TỔNG CỘNG															1	248.897.880
19 CÔNG TY TNHH DƯỢC PHẨM QUANG ANH																
NHÓM 1																
1	39	Betahistin hydroclorid	BETAHISTINE BLUEPHARMA	BETAHISTINE BLUEPHARMA (CS đóng gói: Bluepharma-Industria Farmacêutica, S.A (Fab. Coimbra). Địa chỉ: São Martinho do Bispo 3045-016 Coimbra Bồ Đào Nha)	VN-19442-15	16mg	Viên nén		Uống	viên	Catalent Germany Schorndorf GmbH (FAB.Schorndorf)	Germany	hộp 6 vi x 10 viên nén	1.960,00	300	588.000,00
TỔNG CỘNG															1	588.000
NHÓM 4																

PHỐ
VIỆN
LƯƠNG
HÌNH

SỞ Y TẾ THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
BỆNH VIỆN CHẤN THƯƠNG CHÍNH HÌNH

KQ-5A1

STT	STT trong Hồ sơ mời thầu	Hoạt chất	Tên hàng hóa dự thầu	Tên hàng hóa dự thầu sau điều chỉnh	SDK hoặc số GPNK	Hàm lượng	Dạng bào chế	Dạng trình bày	Đường dùng	Đơn vị tính	Hãng sản xuất	Nước sản xuất	Quy cách đóng gói	Giá trúng thầu	Số lượng trúng thầu	Thành tiền
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)	(16)	(17)
2	100	Cytidin-5'-disodium monophosphat + Uridin-5'-trisodium triphosphat	LEOLEN FORTE		VD-24814-16	5mg; 1,33mg	viên nang cứng		Uống	Viên	Chi nhánh Công ty Cổ phần Dược phẩm OPC tại Bình Dương - Nhà máy Dược phẩm OPC	Việt Nam	hộp 3 vỉ x 10 viên	4.200,00	44.496	186.883.200,00
TỔNG CỘNG															1	186.883.200
TỔNG CỘNG															2	187.471.200
20 CÔNG TY TNHH TM DƯỢC PHẨM VẠN XUÂN																
NHÓM 1																
1	63	Cefepim (dưới dạng Cefepim dihydrochloride)	Cefeme 1g		VN-19241-15	1g	Bột pha tiêm		Tiêm	Lọ	Medochemie Ltd. - Factory C	Cyprus	Hộp 1 lọ	61.600,00	286	17.617.600,00
2	73	Ceftriaxon (dưới dạng Ceftriaxon natri)	Daytrix		VN-17223-13	1g	Bột pha tiêm		Tiêm	Lọ	Laboratorio Farmaceutico C.T.s.r.l.	Italy	Hộp 1 lọ + 1 ống dung môi 3,5ml, Hộp 1 lọ bột, hộp 20 lọ bột, hộp 50 lọ bột	15.900,00	9.498	151.018.200,00
3	79	Cefuroxime natri	Danaroxime		VN-15270-12	1,5g Cefuroxime	Bột pha dung dịch truyền		Truyền tĩnh mạch	Lọ	Panpharma	France	Hộp 10 lọ	35.000,00	3.285	114.975.000,00
TỔNG CỘNG															3	283.610.800
TỔNG CỘNG															3	283.610.800
21 CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI DƯỢC PHẨM THIÊN KIM																
NHÓM 1																
1	113	Diclofenac Natri	Elaria		VN-16829-13	75mg	Dung dịch tiêm		Tiêm	Ống	Medochemie Ltd - Ampoule Injectable Facility	Cyprus	Hộp 2 vỉ x 5 ống	8.900,00	20.800	185.120.000,00
TỔNG CỘNG															1	185.120.000
TỔNG CỘNG															1	185.120.000
22 CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM VIỆT HÀ																
NHÓM 1																

SỞ Y TẾ THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
BỆNH VIỆN CHẤN THƯƠNG CHỈNH HÌNH

KQ-5A1

STT	STT trong Hồ sơ mời thầu	Hoạt chất	Tên hàng hóa dự thầu	Tên hàng hóa dự thầu sau điều chỉnh	SDK hoặc số GPNK	Hàm lượng	Dạng bào chế	Dạng trình bày	Đường dùng	Đơn vị tính	Hãng sản xuất	Nước sản xuất	Quy cách đóng gói	Giá trúng thầu	Số lượng trúng thầu	Thành tiền
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)	(16)	(17)
1	59	Cefaclor	CECLOR		VN-17626-14	250mg	Viên nang cứng		Uống	Viên	ACS Dobfar S.P.A.	Italy	Hộp 1 vi x 12 viên	13.892,00	3.000	41.676.000,00
2	256	Promethazine hydrochloride	PIPOLPHEN		VN-19640-16	50mg/2ml	Dung dịch thuốc tiêm		Tiêm	Ống	Egis Pharmaceuticals Private Limited company	Hungary	Hộp 100 ống 2ml	15.000,00	110	1.650.000,00
3	294	Trolamine	BIAFINE		VN-9416-09	6,7mg/g	Nhũ tương bôi da	Tuýp 93g	Dùng ngoài	Tuýp	Janssen-Cilag	France	Hộp 1 ống 93g	90.000,00	232	20.880.000,00
TỔNG CỘNG															3	64.206.000
TỔNG CỘNG															3	64.206.000
23 CÔNG TY TNHH DƯỢC PHẨM CHÂU Á - THÁI BÌNH DƯƠNG																
NHÓM 1																
1	232	Paracetamol	Paracetamol G.E.S 10mg/ml		VN-22309-19	10mg/ml	Dung dịch tiêm truyền	Chai/lọ/túi i/gói 100ml	Tiêm truyền	Túi	Altan Pharmaceuticals, S.A.	Tây Ban Nha	Túi 100ml	37.000,00	46.926	1.736.262.000,00
TỔNG CỘNG															1	1.736.262.000
NHÓM 4																
2	234	Paracetamol	Paracetamol 10mg/ml		VD-33956-19	10mg/1ml	Dung dịch tiêm truyền tĩnh mạch	Chai/lọ/túi i/gói 100ml	Tiêm truyền	Túi	Công ty TNHH Dược phẩm Allomed	Việt Nam	Túi 100ml	13.000,00	31.284	406.692.000,00
TỔNG CỘNG															1	406.692.000
TỔNG CỘNG															2	2.142.954.000
24 CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM TENAMYD																
NHÓM 1																
1	242	Paracetamol + Tramadol hydroclorid	Ramlepsa		VN-22238-19	325mg; 37,5mg	Viên nén bao phim		Uống	Viên	KRKA, D.D., Novo Mesto	Slovenia	Hộp 3 vi x 10 viên	6.300,00	281.719	1.774.829.700,00
TỔNG CỘNG															1	1.774.829.700
NHÓM 2																
2	61	Cephalothin (dưới dạng Cephalothin natri)	Tenafathin 1000		VD-23661-15	1000mg	Thuốc bột pha tiêm		Tiêm	Lọ	Công ty Cổ phần Dược phẩm Tenamyd	Việt Nam	Hộp 10 lọ + 10 ống nước cất pha tiêm 10ml	76.020,00	4.000	304.080.000,00

SỞ Y TẾ THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
BỆNH VIỆN CHẤN THƯƠNG CHÍNH HÌNH

KQ-5A1

STT	STT trong Hồ sơ mời thầu	Hoạt chất	Tên hàng hóa dự thầu	Tên hàng hóa dự thầu sau điều chỉnh	SDK hoặc số GPNK	Hàm lượng	Dạng bào chế	Dạng trình bày	Đường dùng	Đơn vị tính	Hãng sản xuất	Nước sản xuất	Quy cách đóng gói	Giá trúng thầu	Số lượng trúng thầu	Thành tiền
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)	(16)	(17)
3	74	Ceftriaxon (dưới dạng Ceftriaxon natri)	Triaxobiotic 1000	Triaxobiotic 1000 (CSNQ: Labesfal Laboratorios Almiro S.A- đ/c: 3465-157 Santiago de Besteiros, Portugal)	VD-19010-13	1g	Thuốc bột pha tiêm		Tiêm	Lọ	Công ty Cổ phần Dược phẩm Tenamyd	Việt Nam	Hộp 10 lọ thuốc tiêm bột	10.521,00	6.332	66.618.972,00
TỔNG CỘNG															2	370.698.972
TỔNG CỘNG															3	2.145.528.672
25 CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC - TRANG THIẾT BỊ Y TẾ BÌNH ĐỊNH (BIDIPHAR)																
NHÓM 3																
1	191	Metformin HCl	Mefomid 850		VD-27263-17	850 mg	Viên nén bao phim		Uống	Viên	Công ty CP Dược-TTBYT Bình Định (Bidiphar)	Việt Nam	Hộp 3 vi x 10 viên	231,00	560	129.360,00
TỔNG CỘNG															1	129.360
NHÓM 4																
2	21	Alpha chymotrypsin	α - Chymotrypsin		VD-22580-15 (CV 10886/QLED-ĐK ngày 17/07/2020)	4200 IU	Viên nén		Uống	Viên	Công ty cổ phần Dược-TTBYT Bình Định (Bidiphar)	Việt Nam	Hộp 3 vi x 10 viên	210,00	263.776	55.392.960,00
3	30	Ampicillin (dưới dạng Ampicillin natri); Sulbactam (dưới dạng Sulbactam natri)	Bipisyn		VD-23775-15	1g + 500 mg	Thuốc bột pha tiêm		Tiêm	Lọ	Công ty cổ phần Dược-TTBYT Bình Định (Bidiphar)	Việt Nam	Hộp 1 lọ	27.629,00	41.570	1.148.537.530,00
4	65	Cefoperazon (dưới dạng Cefoperazon natri)	Bifopezon 1g		VD-28227-17	1g	Thuốc bột pha tiêm		Tiêm	Lọ	Công ty CP Dược-TTBYT Bình Định (Bidiphar)	Việt Nam	Hộp 10 lọ	9.093,00	4.340	39.463.620,00
5	70	Ceftazidim (dưới dạng Ceftazidim pentahydrat phối hợp với natri carbonat)	Bicefzidim 1g		VD-28222-17	1g	Thuốc bột pha tiêm		Tiêm	Lọ	Công ty CP Dược-TTBYT Bình Định (Bidiphar)	Việt Nam	Hộp 10 lọ	9.975,00	2.455	24.488.625,00
6	126	Eperison HCl	Waisan		VD-28243-17	50mg	Viên nén bao phim		Uống	Viên	Công ty CP Dược-TTBYT Bình Định (Bidiphar)	Việt Nam	Hộp 20 vi x 10 viên	262,00	179.250	46.963.500,00

SỞ Y TẾ THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
BỆNH VIỆN CHÂN THƯƠNG CHÍNH HÌNH

KQ-5A1

STT	STT trong Hồ sơ mời thầu	Hoạt chất	Tên hàng hóa dự thầu	Tên hàng hóa dự thầu sau điều chỉnh	SDK hoặc số GPNK	Hàm lượng	Dạng bào chế	Dạng trình bày	Đường dùng	Đơn vị tính	Hãng sản xuất	Nước sản xuất	Quy cách đóng gói	Giá trúng thầu	Số lượng trúng thầu	Thành tiền
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)	(16)	(17)
7	186	Mecobalamin	Galanmer		VD-28236-17	500mcg	Viên nang cứng		Uống	Viên	Công ty CP Dược-TTBYT Bình Định (Bidiphar)	Việt Nam	Hộp 10 vi x 10 viên	420,00	3.900	1.638.000,00
8	200	Mỗi gói 1g chứa: Acetylcystein	Bifacold		VD-25865-16	200 mg	Thuốc cốm		Uống	Gói	Công ty CP Dược-TTBYT Bình Định (Bidiphar)	Việt Nam	Hộp 30 gói x 1g	499,00	4.568	2.279.432,00
9	231	Paracetamol	Biragan 150		VD-21236-14 (CV gia hạn 10825/QLD ngày 01/07/2019)	150mg	Thuốc đạn		Đặt hậu môn	Viên	Công ty CP Dược-TTBYT Bình Định (Bidiphar)	Việt Nam	Hộp 2 vi x 5 viên	1.638,00	1.910	3.128.580,00
10	236	Paracetamol	Biragan 300		VD-23136-15	300mg	Thuốc đạn		Đặt hậu môn	Viên	Công ty CP Dược-TTBYT Bình Định (Bidiphar)	Việt Nam	Hộp 2 vi x 5 viên	1.890,00	1.892	3.575.880,00
11	283	Ticarcillin (dưới dạng Ticarcillin dinitrat) + Acid clavulanic (dưới dạng Kali clavulanat)	Bidicarin 1,6g	Bidicarin 1,6mg	VD-32999-19	1,5g + 0,1g	Bột pha tiêm		Tiêm	Lọ	Công ty CP Dược-TTBYT Bình Định (Bidiphar)	Việt Nam	Hộp 10 lọ	100.485,00	220	22.106.700,00
12	303	Acid Ascorbic	Bidicorbic 500		VD-19842-13 (CV gia hạn: 21031/QLD-ĐK ngày 17/12/2019)	500mg	Viên nang cứng		Uống	Viên	Công ty CP Dược-TTBYT Bình Định (Bidiphar)	Việt Nam	chai 100 viên	189,00	245.165	46.336.185,00
TỔNG CỘNG															11	1.393.911.012
TỔNG CỘNG															12	1.394.040.372
26 CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI DƯỢC PHẨM PHƯƠNG LINH																
NHÓM 1																
1	55	Calcitonin salmon	Rocalcic 50		VN-20345-17	50IU/ml	Dung dịch tiêm và pha tiêm truyền		Tiêm, tiêm truyền	Ống	Rotexmedica GmbH Arzneimittelwerk	Đức	Hộp 5 ống 1ml	69.000,00	420	28.980.000,00
2	189	Meropenem (dưới dạng Meropenem trihydrate)	Tiepanem 1g		VN-18440-14	1 g	Bột pha dung dịch tiêm truyền		Tiêm, tiêm truyền	Lọ	ACS Dobfar S.p.A	Italy	Lọ 1g, Hộp 10 lọ	169.000,00	354	59.826.000,00
TỔNG CỘNG															2	88.806.000

Mlu 9/37



SỞ Y TẾ THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
BỆNH VIỆN CHẨN THƯƠNG CHÍNH HÌNH

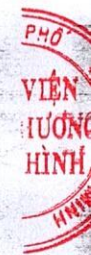
KQ-5A1

STT	STT trong Hồ sơ mời thầu	Hoạt chất	Tên hàng hóa dự thầu	Tên hàng hóa dự thầu sau điều chỉnh	SDK hoặc số GPNK	Hàm lượng	Dạng bào chế	Dạng trình bày	Đường dùng	Đơn vị tính	Hãng sản xuất	Nước sản xuất	Quy cách đóng gói	Giá trúng thầu	Số lượng trúng thầu	Thành tiền
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)	(16)	(17)
TỔNG CỘNG															2	88.806.000
27	CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN TÂY ÂU															
NHÓM 1																
1	28	Ampicilin (dưới dạng ampicilin natri); Sulbactam (dưới dạng sulbactam natri)	Ama Power		VN-19857-16	1000mg; 500mg	Bột pha tiêm		Tiêm	Lọ	S.C.Antibiotice S.A.	Romani	Hộp 50 lọ	62.000,00	62.360	3.866.320.000,00
TỔNG CỘNG															1	3.866.320.000
28	CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI DƯỢC PHẨM PVN															
NHÓM 4																
1	13	Acid tiaprofenic	Sunigam 100		VD-28968-18	100mg	Viên nén		Uống	Viên	Công ty cổ phần dược phẩm Imexpharm	Việt Nam	Hộp 3 vỉ x 10 viên	5.000,00	1.000	5.000.000,00
TỔNG CỘNG															1	5.000.000
32	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM THIÊN THẢO SÀI GÒN															
NHÓM 1																
1	142	Fosfomycin sodium	Fosmicin for I.V.Use 1g		VN-13784-11	1g	Bột pha tiêm		Tiêm	Lọ	Meiji Seika Pharma, Co, Ltd	Nhật Bản	Hộp 10 lọ	101.000,00	300	30.300.000,00
TỔNG CỘNG															1	30.300.000
33	CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN DƯỢC SÀI GÒN															
NHÓM 1																
1	141	Fentanil (dưới dạng fentanil citrate)	FENTANYL - HAMELN 50MCG/ML		VN-17326-13	50mcg/ml	Dung dịch tiêm	Lọ/ống/chai/túi 2ml	Tiêm	Ống	Siegfried Hameln GmbH	Đức	Hộp 10 ống x 2 ml	12.600,00	15.080	190.008.000,00
2	196	Midazolam (dưới dạng Midazolam HCl)	MIDAZOLAM - HAMELN 5MG/ML		VN-16993-13	5mg/ml	Dung dịch tiêm		Tiêm	Ống	Siegfried Hameln GmbH	Đức	Hộp 10 ống x 1 ml	18.900,00	11.483	217.028.700,00
TỔNG CỘNG															2	407.036.700
NHÓM 4																

SỞ Y TẾ THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
BỆNH VIỆN CHÂN THƯƠNG CHÍNH HÌNH

KQ-5A1

STT	STT trong Hồ sơ mời thầu	Hoạt chất	Tên hàng hóa dự thầu	Tên hàng hóa dự thầu sau điều chỉnh	SDK hoặc số GPNK	Hàm lượng	Dạng bào chế	Dạng trình bày	Đường dùng	Đơn vị tính	Hãng sản xuất	Nước sản xuất	Quy cách đóng gói	Giá trúng thầu	Số lượng trúng thầu	Thành tiền	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)	(16)	(17)	
	3	297	Vancomycin (dưới dạng Vancomycin HCl)	VALBIVI 0.5G	VALBIVI 0.5G	VD-18365-13	500mg	Bột pha tiêm		Tiêm	Lọ	Công ty cổ phần Dược phẩm Trung Ương 1 - Pharbaco	Việt Nam	Hộp 10 lọ	16.800,00	4.015	67.452.000,00
TỔNG CỘNG															1	67.452.000	
TỔNG CỘNG															3	474.488.700	
3.4 CÔNG TY TNHH DƯỢC PHẨM TUỆ HẢI																	
NHÓM 1																	
1	4	Isoleucine; Leucine; Lysine (dưới dạng lysine HCl); Methionine; Phenylalanine; Threonine; Tryptophan; Valine; Arginine; Histidine; Alanine; Glycine; Aspartic acid; Glutamic acid; Proline; Serine; Tyrosine; Sodium acetate trihydrate; Sodium hydroxide; Potassium acetate; Magnesium chloride hexahydrate; Disodium phosphate dodecahydrate	Aminoplasmal B.Braun 10% E		VN-18160-14	Mỗi 250ml chứa: 1,25g; 2,225g; 1,7125g; 1,10g; 1,175g; 1,05g; 0,40g; 1,55g; 2,875g; 0,75g; 2,625g; 3,00g; 1,4g; 1,8g; 1,375g; 0,575g; 0,10g; 0,7145g; 0,09g; 0,61325g; 0,127g; 0,89525g	Dung dịch truyền tĩnh mạch			Tiêm truyền	Chai	B.Braun Melsungen AG	Germany	Hộp 10 chai 500ml	150.700,00	290	43.703.000,00



Handwritten signature

SỞ Y TẾ THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
BỆNH VIỆN CHẤN THƯƠNG CHÍNH HÌNH

KQ-5A1

STT	STT trong Hồ sơ mời thầu	Hoạt chất	Tên hàng hóa dự thầu	Tên hàng hóa dự thầu sau điều chỉnh	SDK hoặc số GPNK	Hàm lượng	Dạng bào chế	Dạng trình bày	Đường dùng	Đơn vị tính	Hãng sản xuất	Nước sản xuất	Quy cách đóng gói	Giá trúng thầu	Số lượng trúng thầu	Thành tiền
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)	(16)	(17)
2	6	Isoleucine; Leucine; Lysine (dưới dạng lysine HCl); Methionine; Phenylalanine; Threonine; Tryptophan; Valine; Arginine; Histidine; Alanine; Glycine; Aspartic acid; Glutamic acid; Proline; Serine; Tyrosine; Sodium acetate trihydrate; Sodium hydroxide; Potassium acetate; Sodium chloride; Magnesium chloride hexahydrate; Disodium phosphate dodecahydrate	Aminoplasmal B.Braun 5% E		VN-18161-14	Mỗi 250ml chứa: 0,625g; 1,1125g; 0,8575g; 0,55g; 0,5875g; 0,525g; 0,20g; 0,775g; 1,4375g; 0,375g; 1,3125g; 1,50g; 0,70g; 0,90g; 0,6875g; 0,2875g; 0,10g; 0,34025g; 0,035g; 0,61325g; 0,241g; 0,127g; 0,89525g	Dung dịch truyền tĩnh mạch	Chai/lọ/túi i/ống 250ml	Tiêm truyền	Chai	B.Braun Melsungen AG	Đức	Hộp 10 chai 250ml	67.723,00	390	26.411.970,00
3	7	Isoleucine; Leucine; Lysine (dưới dạng lysine HCl); Methionine; Phenylalanine; Threonine; Tryptophan; Valine; Arginine; Histidine; Alanine; Glycine; Aspartic acid; Glutamic acid; Proline; Serine; Tyrosine; Sodium acetate trihydrate; Sodium hydroxide; Potassium acetate; Sodium chloride; Magnesium chloride hexahydrate; Disodium phosphate dodecahydrate	Aminoplasmal B.Braun 5% E		VN-18161-14	Mỗi 250ml chứa: 0,625g; 1,1125g; 0,8575g; 0,55g; 0,5875g; 0,525g; 0,20g; 0,775g; 1,4375g; 0,375g; 1,3125g; 1,50g; 0,70g; 0,90g; 0,6875g; 0,2875g; 0,10g; 0,34025g; 0,035g; 0,61325g; 0,241g; 0,127g; 0,89525g	Dung dịch truyền tĩnh mạch	Chai/lọ/túi i/ống 500ml	Tiêm truyền	Chai	B.Braun Melsungen AG	Đức	Hộp 10 chai 500ml	117.000,00	2.200	257.400.000,00

SỞ Y TẾ THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
BỆNH VIỆN CHẤN THƯƠNG CHỈNH HÌNH

KQ-5A1

STT	STT trong Hồ sơ mời thầu	Hoạt chất	Tên hàng hóa dự thầu	Tên hàng hóa dự thầu sau điều chỉnh	SDK hoặc số GPNK	Hàm lượng	Dạng bào chế	Dạng trình bày	Đường dùng	Đơn vị tính	Hãng sản xuất	Nước sản xuất	Quy cách đóng gói	Giá trúng thầu	Số lượng trúng thầu	Thành tiền
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)	(16)	(17)
4	10	Isoleucine, Leucine, Lysine Hydrochloride, Methionine, Phenylalanine, threonine, Tryptophan, Valine, Arginine glutamate, Histidine hydrochloride monohydrate, Alanine, Aspartic Acid, Glutamic Acid, Glycine, Proline, Serine, Magnesium acetate tetrahydrate, Sodium acetate trihydrate, Sodium chloride, Sodium hydroxide, Potassium hydroxide, Potassium Dihydrogen Phosphate, Glucose monohydrate, Calcium Chloride Dihydrate	Nutriflex Peri		VN-18157-14	40g; 80g	Dung dịch truyền tĩnh mạch	Túi 2 ngăn 1000ml	Tiêm truyền	Túi	B.Braun Medical AG	Switzerland	Hộp 5 túi 1000ml	404.000,00	2.240	904.960.000,00
5	212	Natri chloride + Kali chloride + Calci clorid dihydrate + Natri acetate trihydrate +Magnesi chloride hexahydrate + L -Malic acid	Ringerfundin		VN-18747-15	(3,4g + 0,15g + 0,19g + 1,64g + 0,1g + 0,34g)/500 ml	Dung dịch tiêm truyền	Chai/1q/túi i/ống 500ml	Tiêm truyền	Chai	B.Braun Melsungen AG	Germany	Hộp 10 chai 500ml	19.950,00	2.000	39.900.000,00
6	257	Propofol	Propofol-Lipuro 0.5% (5mg/ml)		VN-22232-19	5mg/ml	Nhũ tương tiêm hoặc tiêm truyền	Lọ/ống/chai/túi 20ml	Tiêm truyền	Ống	B.Braun Melsungen AG	Đức	Hộp 5 ống thủy tinh 20ml	98.175,00	490	48.105.750,00
TỔNG CỘNG															6	1.320.480.720
TỔNG CỘNG															6	1.320.480.720
35 CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM CỬU LONG																
NHÓM 4																
1	46	Mỗi viên chứa 500mg calci dưới dạng: Calci carbonat + Calci lactat gluconat	Calcium VPC 500		VD-26778-17	300mg; 2.940mg	Viên nén sủi bột		Uống	Viên	Công Ty Cổ Phần Dược Phẩm Cửu Long	Việt Nam	Hộp 1 tuýp 20 viên	2.335,00	228.430	533.384.050,00
2	90	Celecoxib	Vicoxib 200		VD-19336-13	200mg	Viên nang cứng		Uống	Viên	Công Ty Cổ Phần Dược Phẩm Cửu Long	Việt Nam	Hộp 3 vỉ x 10 viên	400,00	66.185	26.474.000,00

SỞ Y TẾ THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
BỆNH VIỆN CHÂN THƯƠNG CHÍNH HÌNH

KQ-5A1

STT	STT trong Hồ sơ mời thầu	Hoạt chất	Tên hàng hóa dự thầu	Tên hàng hóa dự thầu sau điều chỉnh	SDK hoặc số GPNK	Hàm lượng	Dạng bao chế	Dạng trình bày	Đường dùng	Đơn vị tính	Hãng sản xuất	Nước sản xuất	Quy cách đóng gói	Giá trúng thầu	Số lượng trúng thầu	Thành tiền
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)	(16)	(17)
3	244	Paracetamol + Tramadol HCl	DinalvicVPC		VD-18713-13	325mg; 37,5mg	Viên nang cứng		Uống	Viên	Công Ty Cổ Phần Dược Phẩm Cửu Long	Việt Nam	Hộp 2 vỉ x 10 viên	525,00	112.687	59.160.675,00
TỔNG CỘNG															3	619.018.725
TỔNG CỘNG															3	619.018.725
37 CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM MINH DẪN																
NHÓM 4																
1	51	Calci clorid dihydrat	Calci clorid 500mg/ 5ml		VD-22935-15	500mg/5ml	Dung dịch tiêm	Lọ/ống/chai/túi 5ml	Tiêm	Ống	Công ty CPDP Minh Dẫn	Việt Nam	Hộp 50 ống x 5ml	897,00	4.220	3.785.340,00
2	62	Cefđinir	Midaxin 150		VD-12308-10	150mg	Viên nang		Uống	Viên	Công ty CPDP Minh Dẫn	Việt Nam	Hộp 1 túi x 2 vỉ x 10 viên	7.200,00	12.000	86.400.000,00
3	66	Cefoperazon (dưới dạng Cefoperazon natri); Sulbactam (dưới dạng Sulbactam natri)	Midapezon		VD-25725-16	0,5g; 0,5g	Thuốc bột pha tiêm		Uống	Lọ	Công ty CPDP Minh Dẫn	Việt Nam	Hộp 10 lọ loại dung tích 15ml	8.841,00	3.966	35.063.406,00
4	181	Loxoprofen natri	Loxoprofen 60mg		VD-30436-18	60mg	Viên nén		Uống	Viên	Công ty CPDP Minh Dẫn	Việt Nam	Hộp 10 vỉ x 10 viên	514,00	29.302	15.061.228,00
5	247	Phytomenadion	Vitamin K1 10mg/1ml		VD-25217-16	10mg/1ml	Dung dịch tiêm	Lọ/ống/chai/túi 1ml	Tiêm	Ống	Công ty CPDP Minh Dẫn	Việt Nam	Hộp 10 ống x 1ml	1.587,00	3.770	5.982.990,00
6	276	Sulfamethoxazol + Trimethoprim	Cotrimoxazol 480mg		VD-24799-16	400mg; 80mg	Viên nén		Uống	Viên	Công ty CPDP Minh Dẫn	Việt Nam	Hộp 20 vỉ x 20 viên	219,00	1.450	317.550,00
7	278	Sultamicillin (dưới dạng Sultamicillin tosilat dihydrate)	Midactam 375		VD-26900-17	375mg	Viên nén bao phim		Uống	Viên	Công ty CPDP Minh Dẫn	Việt Nam	Hộp 1 túi x 1 vỉ x 10 viên	3.898,00	25.240	98.385.520,00
TỔNG CỘNG															7	244.996.034
TỔNG CỘNG															7	244.996.034
38 CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC LIỆU TRUNG ƯƠNG 2																
NHÓM 1																
1	43	Budesonid	Pulmicort Respules 500mcg/ 2ml 20's	Pulmicort Respules	VN-19559-16	500mcg/2ml	Hỗn dịch khí dung dùng để hít	Chai/lọ/ống/nang 2ml	Hít	Ống	AstraZeneca AB	Thụy Điển	Hộp 4 gói x 5 ống đơn liều 2ml	13.834,00	1.320	18.260.880,00
2	84	Cefuroxim (dưới dạng Cefuroxim axetil)	Xorimax 500mg Tab 10's	Xorimax 500mg	VN-20624-17	500mg	Viên nén bao phim		Uống	Viên	Sandoz GmbH	Áo	Hộp 1 vỉ x 10 viên	8.506,00	31.382	266.935.292,00

SỞ Y TẾ THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
BỆNH VIỆN CHÂN THƯƠNG CHÍNH HÌNH

KQ-5A1

STT	STT trong Hồ sơ mời thầu	Họet chất	Tên hàng hóa dự thầu	Tên hàng hóa dự thầu sau điều chỉnh	SDK hoặc số GPNK	Hàm lượng	Dạng bào chế	Dạng trình bày	Đường dùng	Đơn vị tính	Hãng sản xuất	Nước sản xuất	Quy cách đóng gói	Giá trúng thầu	Số lượng trúng thầu	Thành tiền
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)	(16)	(17)
3	88	Celecoxib	Celebrex Cap 200mg 30's	Celebrex (đóng gói: R-Pharm Germany GmbH; địa chỉ: Heinrich-Mack-Str.35, 89257 Illertissen, Đức)	VN-20332-17	200mg	Viên nang cứng		Uống	Viên	Pfizer Pharmaceuticals LLC; đóng gói: R-Pharm Germany GmbH	Mỹ; đóng gói: Đức	Hộp 3 vi x 10 viên	11.913,00	99.270	1.182.603.510,00
4	94	Cisplatin	Cisplatin "Ebewe" 10mg/20ml 1's	Cisplatin "Ebewe"	VN-17424-13	0,5mg/ml	Dung dịch đậm đặc để pha dung dịch tiêm truyền		Tiêm truyền	Lọ	Ebewe Pharma Ges.m.b.H. Nfg.KG	Áo	Hộp 1 lọ 20ml	100.530,00	3.287	330.442.110,00
5	104	Dexketoprofen (dưới dạng Dexketoprofen trometamol)	Sympal Inj 50mg 5x2ml	Sympal	VN2-404-15	50mg/2ml	Dung dịch tiêm bắp chậm, tiêm tĩnh mạch chậm, truyền tĩnh mạch sau khi pha		Tiêm	Ống	A. Menarini Manufacturing Logistics and Services S.r.l	Ý	Hộp 5 ống x 2ml	21.210,00	700	14.847.000,00
6	119	Purified, micronized flavonoid fraction (diosmin; Flavonoid expressed as hesperidin)	Daflon (L) Tab 500mg 60's	Daflon	VN-15519-12	Purified, micronized flavonoid fraction 500mg (450mg diosmin; 50mg Flavonoid expressed as hesperidin)	Viên nén bao phim		Uống	Viên	Les Laboratoires Servier Industrie	Pháp	Hộp 4 vi x 15 viên	3.258,00	8.150	26.552.700,00
7	143	Gabapentin	Neurontin Cap 300mg 100's	Neurontin (Nhà đóng gói và xuất xưởng: Pfizer Manufacturing Deutschland GmbH, địa chỉ: Betriebsstatte Freiburg, Mooswaldallee 1, 79090 Freiburg, Federal Republic of Germany)	VN-16857-13	300mg	Viên nang cứng		Uống	Viên	Pfizer Pharmaceuticals LLC; đóng gói và xuất xưởng: Pfizer Manufacturing Deutschland GmbH	CSSX: Mỹ; đóng gói và xuất xưởng: Đức	Hộp 10 vi x 10 viên	11.316,00	137.160	1.552.102.560,00



Handwritten signature

SỞ Y TẾ THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
BỆNH VIỆN CHÂN THƯƠNG CHÍNH HÌNH

KQ-5A1

STT	STT trong Hồ sơ mời thầu	Hoạt chất	Tên hàng hóa dự thầu	Tên hàng hóa dự thầu sau điều chỉnh	SDK hoặc số GPNK	Hàm lượng	Dạng bào chế	Dạng trình bày	Đường dùng	Đơn vị tính	Hãng sản xuất	Nước sản xuất	Quy cách đóng gói	Giá trúng thầu	Số lượng trúng thầu	Thành tiền
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)	(16)	(17)
8	147	Gelatin khan (dưới dạng gelatin biến tính); NaCl; Magnesi clorid hexahydrat; KCl; Natri lactat (dưới dạng dung dịch Natri (S)-lactat)	Geloplasma Inj 500ml Bag 20's	Geloplasma	VN-19838-16	Mỗi túi 500ml chứa: Gelatin khan (dưới dạng gelatin biến tính) 15g; NaCl 2,691g; Magnesi clorid hexahydrat 0,1525g; KCl 0,1865g; Natri lactat (dưới dạng dung dịch Natri (S)-lactat) 1,6800g	Dung dịch tiêm truyền	Túi/chai 500ml	Tiêm truyền	Túi	Fresenius Kabi France	Pháp	Thùng 20 túi Polyolefine (freeflex) 500ml	110.000,00	370	40.700.000,00
9	176	Lidocain hydroclorid khan (dưới dạng Lidocain hydroclorid monohydrat)	Xylocaine Jelly Oin 2% 30g 10's	Xylocaine Jelly	VN-19788-16	2%	Gel	Tuýp 30g	Dùng ngoài	Tuýp	Recipharm Karlskoga AB	Thụy Điển	Hộp 10 tuýp x 30g	55.600,00	1.020	56.712.000,00
10	193	Methylprednisolone hemisuccinat	Solu-Medrol Inj 125mg 25's	Solu-Medrol	VN-15107-12	125mg Methylprednisolon	Bột vô khuẩn pha tiêm		Tiêm tĩnh mạch, tiêm bắp (IV, IM)	Lọ	Pharmacia & Upjohn Company	Mỹ	Hộp 25 lọ Act-O-vial 2ml	75.710,00	420	31.798.200,00
11	220	Dầu đậu nành tinh chế; Triglycerid mạch trung bình; Dầu Oliu tinh chế; Dầu cá tinh chế	Smoflipid 20% Inf 100ml 10's	Smoflipid 20%	VN-19955-16	100ml nhũ tương chứa: dầu đậu nành tinh chế 6g; triglycerid mạch trung bình 6g; dầu oliu tinh chế 5g; dầu cá tinh chế 3g	Nhũ tương truyền tĩnh mạch	Chai/lọ/túi i/ống 100ml	Truyền tĩnh mạch ngoại vi hoặc tĩnh mạch trung tâm	Chai	Fresenius Kabi Austria GmbH	Áo	Thùng 10 chai 100 ml	98.000,00	200	19.600.000,00

SỞ Y TẾ THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
BỆNH VIỆN CHÂN THƯƠNG CHÍNH HÌNH

KQ-5A1

STT	STT trong Hồ sơ mời thầu	Họat chất	Tên hàng hóa dự thầu	Tên hàng hóa dự thầu sau điều chỉnh	SDK hoặc số GPNK	Hàm lượng	Dạng bao chế	Dạng trình bày	Đường dùng	Đơn vị tính	Hãng sản xuất	Nước sản xuất	Quy cách đóng gói	Giá trúng thầu	Số lượng trúng thầu	Thành tiền
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)	(16)	(17)
12	221	Dầu đậu nành tinh chế; Triglycerid mạch trung bình; Dầu Oliu tinh chế; Dầu cá tinh chế	Smoflipid 20% inf 250ml 10's	Smoflipid 20%	VN-19955-16	100ml nhũ tương chứa: dầu đậu nành tinh chế 6g; triglycerid mạch trung bình 6g; dầu oliu tinh chế 5g; dầu cá tinh chế 3g	Nhũ tương truyền tĩnh mạch	Chai/lọ/túi i/ống 250ml	Truyền tĩnh mạch ngoại vi hoặc tĩnh mạch trung tâm	Chai	Fresenius Kabi Austria GmbH	Áo	Thùng 10 chai 250 ml	155.000,00	1.900	294.500.000,00
13	245	Perindopril Arginine	Coversyl Tab 5mg 30's	Coversyl 5mg	VN-17087-13	5mg	Viên nén bao phim		Uống	Viên	Les Laboratoires Servier Industrie	Pháp	Hộp 1 lọ 30 viên	5.650,00	1.320	7.458.000,00
14	258	Propofol	Fresofol 1% Mct/Lct Inj 20ml 5's	Fresofol 1% MCT/LCT	VN-17438-13	1% (10mg/ml)	Nhũ tương để tiêm hoặc truyền tĩnh mạch	Lọ/ống/chai/túi 20ml	Tiêm hoặc truyền tĩnh mạch (IV)	Ống	Fresenius Kabi Austria GmbH	Áo	Hộp 5 ống 20ml	27.000,00	4.950	133.650.000,00
15	268	Rocuronium bromide	Rocuronium Kabi 10mg/ml Inj 10x5ml	Rocuronium Kabi 10mg/ml	VN-18303-14	10mg/ml	Dung dịch tiêm, truyền tĩnh mạch	Lọ/ống/chai/túi 5ml	Truyền tĩnh mạch	Lọ	Fresenius Kabi Austria GmbH	Áo	Hộp 10 lọ 5ml	47.500,00	1.170	55.575.000,00
16	270	Salbutamol (dưới dạng Salbutamol sulfat)	Ventolin Nebules 2.5mg/ 2.5ml 6x5's	Ventolin Nebules	VN-20765-17	Mỗi 2,5ml chứa: Salbutamol (dưới dạng Salbutamol sulfat) 2,5mg	Dung dịch khí dung	Chai/lọ/ống 2,5ml	Dùng cho máy khí dung	Ống	GlaxoSmith Kline Australia Pty., Ltd.	Úc	Hộp 6 vỉ x 5 ống 2,5ml	4.575,00	1.575	7.205.625,00
17	272	Secukinumab	Fraizeron 150mg	Fraizeron	QLSP-H02-983-16	150mg	Bột pha dung dịch tiêm		Tiêm	Lọ	Novartis Pharma Stein AG	Thụy Sĩ	Hộp 01 lọ	7.820.000,00	30	234.600.000,00
18	277	Sultamicillin Tosilat	Unasyn Tab 375mg 8's	Unasyn	VN-14306-11	375mg	Viên nén bao phim		Uống	Viên	Haupt Pharma Latina S.r.l	Ý	Hộp 2 vỉ x 4 viên	14.790,00	63.100	933.249.000,00
19	288	Tocilizumab	Actemra 200mg 10ml Vial B/1	Actemra (Đóng gói: F. Hoffmann La Roche Ltd., địa chỉ: Kaiseraugst, Switzerland)	VN-16257-13	200mg	Dung dịch đậm đặc để pha dung dịch tiêm truyền	Chai/lọ/túi i/ống 10ml	Tiêm truyền	Lọ	Chugai Pharma Manufacturing Co., Ltd; đóng gói: F. Hoffmann La Roche Ltd.	Nhật; đóng gói: Thụy Sĩ	Hộp 1 lọ 10ml	6.748.140,00	152	1.025.717.280,00

SỞ Y TẾ THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
BỆNH VIỆN CHẤN THƯƠNG CHÍNH HÌNH

KQ-5A1

STT	STT trong Hồ sơ mời thầu	Hoạt chất	Tên hàng hóa dự thầu	Tên hàng hóa dự thầu sau điều chỉnh	SDK hoặc số GPNK	Hàm lượng	Dạng bào chế	Dạng trình bày	Đường dùng	Đơn vị tính	Hãng sản xuất	Nước sản xuất	Quy cách đóng gói	Giá trúng thầu	Số lượng trúng thầu	Thành tiền
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)	(16)	(17)
20	304	Acid Zoledronic khan (tương ứng 5,33 acid zoledronic monohydrate)	Aclasta 5mg/100ml Inf 100ml 1's	Aclasta (CSDG thứ cấp và xuất xưởng: Novartis Pharma Stein AG, địa chỉ: Schaffhauserstrasse, 4332 Stein, Thụy Sĩ)	VN-21917-19	Mỗi 100ml chứa: Acid Zoledronic khan (tương ứng 5,33 acid zoledronic monohydrate) 5mg	Dung dịch truyền tĩnh mạch	Chai/lọ/túi i/ống 100ml	Tiêm truyền	Chai	CSSX và đóng gói sơ cấp: Fresenius Kabi Austria GmbH; CSDG thứ cấp và xuất xưởng: Novartis Pharma Stein AG	CSSX và đóng gói sơ cấp: Áo; CSDG thứ cấp và xuất xưởng: Thụy Sĩ	Hộp 1 chai 100ml	6.761.489,00	47	317.789.983,00
TỔNG CỘNG															20	6.550.299.140
NHÓM 2																
21	269	Rocuronium Bromide	Rocuronium Kabi 10mg/ml Inj 10x5ml	Rocuronium Kabi 10mg/ml	VN-18303-14	10mg/ml	Dung dịch tiêm, truyền tĩnh mạch	Lọ/ống/chai/túi 5ml	Truyền tĩnh mạch	Lọ	Fresenius Kabi Austria GmbH	Áo	Hộp 10 lọ 5ml	47.500,00	590	28.025.000,00
TỔNG CỘNG															1	28.025.000
TỔNG CỘNG															21	6.578.324.140
40 CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM AN THIÊN																
NHÓM 4																
1	53	Calci glycerophosphat; Magnesi gluconat	A.T Calmax		VD-26104-17	Mỗi 10ml chứa: Calci glycerophosphat 456mg; Magnesi gluconat 426mg	Dung dịch uống		Uống	Ông	Công ty Cổ phần Dược phẩm An Thiên	Việt Nam	Hộp 30 ống x 10 ml	1.281,00	93.550	119.837.550,00
2	156	Ibuprofen	A.T Ibuprofen syrup		VD-25631-16	100mg/5ml	Hỗn dịch uống	Chai/lọ 60ml	Uống	Chai	Công ty Cổ phần Dược phẩm An Thiên	Việt Nam	Hộp 1 chai x 60 ml	18.354,00	1.050	19.271.700,00
3	167	Kẽm (dưới dạng Kẽm gluconat)	A.T Zinc	Atizinc	VD-24740-16	10mg	Viên nén phân tán		Uống	Viên	Công ty Cổ phần Dược phẩm An Thiên	Việt Nam	Hộp 10 vỉ x 10 viên	180,00	3.600	648.000,00
4	255	Pregabalin	Antivic 75		VD-26751-17	75mg	Viên nang cứng		Uống	Viên	Công ty Cổ phần Dược phẩm An Thiên	Việt Nam	Hộp 10 vỉ x 10 viên	935,00	8.360	7.816.600,00

SỞ Y TẾ THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
BỆNH VIỆN CHẤN THƯƠNG CHÍNH HÌNH

KQ-5A1

STT	STT trong Hồ sơ mời thầu	Hoạt chất	Tên hàng hóa dự thầu	Tên hàng hóa dự thầu sau điều chỉnh	SDK hoặc số GPNK	Hàm lượng	Dạng bào chế	Dạng trình bày	Đường dùng	Đơn vị tính	Hãng sản xuất	Nước sản xuất	Quy cách đóng gói	Giá trúng thầu	Số lượng trúng thầu	Thành tiền
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)	(16)	(17)
5	282	Thiocolchicosid	Aticolcide 4		VD-30301-18	4mg	Viên nén		Uống	Viên	Công ty Cổ phần Dược phẩm An Thiên	Việt Nam	Hộp 2 vi x 10 viên	1.050,00	7.100	7.455.000,00
TỔNG CỘNG															5	155.028.850
TỔNG CỘNG															5	155.028.850
41 CÔNG TY TNHH DƯỢC PHẨM NGUYỄN ANH KHOA																
NHÓM 4																
1	103	Dexibuprofen	Meyerdefen		VD-30777-18	300mg	Viên nén bao phim		Uống	Viên	Công ty Liên doanh Meyer - BPC	Việt Nam	Hộp 10 vi x 10 viên	1.806,00	53.600	96.801.600,00
2	204	Naproxen	Meyerproxen 500		VD-31368-18	500mg	Viên nén bao phim		Uống	Viên	Công ty Liên doanh Meyer - BPC	Việt Nam	Hộp 10 vi x 10 viên	2.100,00	1.500	3.150.000,00
TỔNG CỘNG															2	99.951.600
TỔNG CỘNG															2	99.951.600
42 CÔNG TY CỔ PHẦN GONSA																
NHÓM 1																
1	249	Piperacilin + Tazobactam	PIPERACILLIN/TAZOBACTAM KABI 4G/0,5G		VN-13544-11	4g + 0,5g	Bột đông khô pha tiêm hoặc tiêm truyền		Tiêm hoặc truyền tĩnh mạch	Lọ	Labesfal - Laboratorios Almiro, S.A	Portugal	Hộp 10 lọ	76.650,00	500	38.325.000,00
TỔNG CỘNG															1	38.325.000
NHÓM 2																
2	45	Calci (dưới dạng Calci lactat gluconat; Calci carbonat)	CALCIUM STELLA 500MG		VD-27518-17	2.940mg; 300mg	Viên nén sủi bọt		Uống	Viên	Công ty TNHH Liên doanh Stellapharm - Chi nhánh 1	Việt Nam	Hộp 1 tuýp x 20 viên	3.500,00	228.430	799.505.000,00
3	301	Vitamin C	VITAMIN C STADA 1G	Vitamin C Stella 1g	VD-25486-16	1g	Viên nén sủi bọt		Uống	Viên	Công ty TNHH Liên doanh Stellapharm - Chi nhánh 1	Việt Nam	Hộp 4 vi x 4 viên	1.900,00	2.000	3.800.000,00
TỔNG CỘNG															2	803.305.000

SỞ Y TẾ THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
BỆNH VIỆN CHÂN THƯƠNG CHÍNH HÌNH

KQ-5A1

STT	STT trong Hồ sơ mời thầu	Họet chất	Tên hàng hóa dự thầu	Tên hàng hóa dự thầu sau điều chỉnh	SDK hoặc số GPNK	Hàm lượng	Dạng bào chế	Dạng trình bày	Đường dùng	Đơn vị tính	Hãng sản xuất	Nước sản xuất	Quy cách đóng gói	Giá trúng thầu	Số lượng trúng thầu	Thành tiền
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)	(16)	(17)
NHÓM 4																
4	9	Mỗi 250 ml chứa: L-Isoleucin 0,6375g; L-Leucin 1,1125g; L-Lysin.HCl 0,875g; L-Methionin 0,475g; L-Phenylalanin 0,6375g; L-Theonin 0,5125g; L-Tryptophan 0,225g; L-Valin 0,6g; L-Arginin HCl 1,15g; L-Histidin HCl 0,65g; Glycin 0,9875g; L-Alanin 1,7125g; L-Prolin 1,1125g; L-Aspartic acid 0,1625g; L-Asparagin.H2O 0,465g; L-Glutamic acid 0,575g; L-Ornithin HCl 0,4g; L-Serin 0,3g; L-Tyrosin 0,075g	AMINOACID KABI 5%		VD-25361-16	0,6375g; 1,1125g; 0,875g; 0,475g; 0,6375g; 0,5125g; 0,225g; 0,6g; 1,15g; 0,65g; 0,9875g; 1,7125g; 1,1125g; 0,1625g; 0,465g; 0,575g; 0,4g; 0,3g; 0,075g	Dung dịch tiêm truyền	Chai/lọ/túi i/ống 500ml	Tiêm truyền tĩnh mạch	Chai	Công ty Cổ phần Fresenius Kabi Việt Nam	Việt Nam	Hộp 1 chai x 500ml	65.100,00	1.460	95.046.000,00
5	44	Calci carbonat + Calci gluconolactat	GONCAL		VD-20946-14	0,15g + 1,47g	Viên nén		Uống	Viên	Công ty cổ phần dược phẩm Đạt Vi Phú	Việt Nam	Hộp/6 vỉ x 10 viên	1.950,00	130.630	254.728.500,00
6	54	Calci lactat (dưới dạng Calci lactat pentahydrat)	A.T CALCIUM 300		VD-29682-18	300mg	Viên nén		Uống	Viên	Công ty cổ phần dược phẩm An Thiên	Việt Nam	Hộp 10 vỉ x 10 viên	1.100,00	258.720	284.592.000,00
7	93	Ciprofloxacin (dưới dạng ciprofloxacin lactat)	CIPROFLOXACIN KABI		VD-20943 - 14	200mg/10 0ml	Dung dịch tiêm truyền	Chai/lọ/túi i/ống 100ml	Tiêm truyền tĩnh mạch	Chai	Công ty Cổ phần Fresenius Kabi Việt Nam	Việt Nam	Chai 100ml, hộp 48 chai 100ml	17.575,00	215	3.778.625,00
8	152	Glucose khan (dưới dạng Glucose monohydrat)	GLUCOSE 10%		VD-25876-16	Mỗi 100ml chứa 10g	Dung dịch tiêm truyền	Chai/lọ/túi i/ống 500ml	Tiêm truyền tĩnh mạch	Chai	Công ty Cổ phần Fresenius Kabi Việt Nam	Việt Nam	Thùng 20 chai 500ml	9.345,00	40	373.800,00
9	153	Glucose khan	GLUCOSE 30%		VD-23167-15	30g/100ml	Dung dịch tiêm truyền	Chai/lọ/túi i/ống 500ml	Tiêm truyền tĩnh mạch	Chai	Công ty Cổ phần Fresenius Kabi Việt Nam	Việt Nam	Thùng 20 chai 500ml	15.750,00	50	787.500,00

SỞ Y TẾ THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
BỆNH VIỆN CHÂN THƯƠNG CHÍNH HÌNH

KQ-5A1

STT	STT trong Hồ sơ mời thầu	Hoạt chất	Tên hàng hóa dự thầu	Tên hàng hóa dự thầu sau điều chỉnh	SDK hoặc số GPNK	Hàm lượng	Dạng bào chế	Dạng trình bày	Đường dùng	Đơn vị tính	Hãng sản xuất	Nước sản xuất	Quy cách đóng gói	Giá trúng thầu	Số lượng trúng thầu	Thành tiền
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)	(16)	(17)
10	165	Kali clorid	KALI CLORID KABI 10%		VD-19566-13	1g/10ml	Dung dịch tiêm	Chai/lọ/túi i/ống 10ml	Tiêm tĩnh mạch	Ống	Công ty Cổ phần Fresenius Kabi Việt Nam	Việt Nam	Hộp 50 ống x 10ml	1.449,00	1.850	2.680.650,00
11	171	Ketorolac tromethamin	KOZERAL		VD-18511-13	10mg	Viên nén bao phim		Uống	Viên	Công ty cổ phần dược phẩm Đạt Vi Phú	Việt Nam	Hộp 6 vỉ x 10 viên	1.500,00	63.800	95.700.000,00
12	177	Lidocain HCl	LIDOCAIN KABI 2%		VD-18804-13	400mg/20ml	Dung dịch tiêm	Lọ/ống/chai/túi 20ml	Tiêm bắp - tiêm tĩnh mạch - Tiêm dưới da	Lọ	Công Ty CP Dược Trang Thiết Bị Y Tế Bình Định	Việt Nam	Hộp 10 lọ x 20ml	13.860,00	24.250	336.105.000,00
13	182	Magnesi sulfat	MAGNESI SULFAT KABI 15%		VD-19567-13	1,5g/10ml	Dung dịch tiêm	Chai/lọ/túi i/ống 10ml	Tiêm hoặc truyền tĩnh mạch	Ống	Công ty Cổ phần Fresenius Kabi Việt Nam	Việt Nam	Hộp 50 ống x 10ml	2.900,00	200	580.000,00
14	207	Natri clorid	NATRI CLORID 0,9%		VD-21954-14	0,9g/100ml	Dung dịch tiêm truyền	Chai/lọ 100ml	Tiêm truyền tĩnh mạch	Chai	Công ty Cổ phần Fresenius Kabi Việt Nam	Việt Nam	Thùng 80 chai nhựa 100ml	6.920,00	13.240	91.620.800,00
15	209	Natri clorid	NATRI CLORID 0,9%		VD-21954-14	0,9g/100ml	Dung dịch tiêm truyền	Chai/lọ/túi i/ống 500ml	Tiêm truyền tĩnh mạch	Chai	Công ty Cổ phần Fresenius Kabi Việt Nam	Việt Nam	Thùng 20 chai nhựa 500ml	7.350,00	190.250	1.398.337.500,00
16	210	Natri clorid	NATRI CLORID 3%		VD-23170-15	3g/100ml	Dung dịch tiêm truyền	Chai/lọ/túi i/ống 100ml	Tiêm truyền tĩnh mạch	Chai	Công ty Cổ phần Fresenius Kabi Việt Nam	Việt Nam	Thùng 80 chai 100ml	8.190,00	300	2.457.000,00
17	216	Natri bicarbonat	NATRI BICARBONAT 1,4%		VD-25877-16	Mỗi 100ml chứa: Natri bicarbonat 1,4g	Dung dịch tiêm truyền	Chai/lọ/túi i/ống 250ml	Tiêm truyền tĩnh mạch	Chai	Công ty Cổ phần Fresenius Kabi Việt Nam	Việt Nam	Thùng 20 chai 250ml	32.000,00	30	960.000,00
18	224	Nước cất pha tiêm	NƯỚC CÁT PHA TIÊM		VD-23172-15	500ml	Dung môi pha tiêm	Chai/lọ/túi i/ống 500ml	Dung môi pha tiêm	Chai	Công ty Cổ phần Fresenius Kabi Việt Nam	Việt Nam	Thùng 20 chai 500ml	8.820,00	1.660	14.641.200,00



SỞ Y TẾ THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
BỆNH VIỆN CHÂN THƯƠNG CHÍNH HÌNH

KQ-5A1

STT	STT trong Hồ sơ mời thầu	Hoạt chất	Tên hàng hóa dự thầu	Tên hàng hóa dự thầu sau điều chỉnh	SDK hoặc số GPNK	Hàm lượng	Dạng bào chế	Dạng trình bày	Đường dùng	Đơn vị tính	Hãng sản xuất	Nước sản xuất	Quy cách đóng gói	Giá trúng thầu	Số lượng trúng thầu	Thành tiền
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)	(16)	(17)
19	264	Natri clorid; Kali clorid; Natri lactat; Calciclorid.2H2O.	RINGER LACTATE		VD-22591-15	Mỗi 500ml chứa: Natri clorid 3g; Kali clorid 0,2g; Natri lactat 1,6g; Calciclorid .2H2O 0,135g	Dung dịch tiêm truyền	Chai/lo/tút i/ống 500ml	Tiêm truyền tĩnh mạch	Chai	Công ty Cổ phần Fresenius Kabi Việt Nam	Việt Nam	Thùng 20 chai nhựa 500ml	8.033,00	51.120	410.646.960,00
20	265	Dextrose khan; Natri clorid; Kali clorid; Natri lactat; Calci clorid 2H2O.	LACTATED RINGER'S AND DEXTROSE		VD-21953-14	(11,365g; 1,5g; 75mg; 750mg; 50mg) 500ml	Dung dịch tiêm truyền	Chai/lo/tút i/ống 500ml	Tiêm truyền tĩnh mạch	Chai	Công ty Cổ phần Fresenius Kabi Việt Nam	Việt Nam	Thùng 20 chai 500ml	10.500,00	18.800	197.400.000,00
21	302	Acid ascorbic	VITAMIN C KABI 500MG/5ML		VD-32121-19	500mg/5ml	Dung dịch tiêm		Tiêm tĩnh mạch - Tiêm bắp - tiêm dưới da	Ống	Công ty Cổ phần Fresenius Kabi Việt Nam	Việt Nam	Hộp 6 ống x 5ml	1.229,00	16.885	20.751.665,00
TỔNG CỘNG															18	3.211.187.200
TỔNG CỘNG															21	4.052.817.200
44 CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC HẬU GIANG																
NHÓM 3																
1	26	Amoxicilin (dưới dạng Amoxicillin trihydrat); Acid clavulanic (dưới dạng Clavulanat kali)	Klamentin 875/125		VD-24618-16	875mg; 125mg	Viên nén bao phim		Uống	viên	CTCP Dược Hậu Giang - CN nhà máy dược phẩm DHG tại Hậu Giang	Việt Nam	Hộp 2 vỉ x 7 viên	3.800,00	12.183	46.295.400,00
TỔNG CỘNG															1	46.295.400
NHÓM 4																
2	47	Calci (dưới dạng Calci carbonat); Vitamin D3 (dưới dạng Dry Vitamin D3 100 GFP)	Davita bone sugar free		VD-21556-14	600mg; 400IU	Viên nén sủi bọt		Uống	viên	CTCP Dược Hậu Giang - CN nhà máy dược phẩm DHG tại Hậu Giang	Việt Nam	Hộp 1 tuýp 10 viên	1.750,00	40.000	70.000.000,00

SỞ Y TẾ THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
BỆNH VIỆN CHÂN THƯƠNG CHÍNH HÌNH

KQ-5A1

STT	STT trong Hồ sơ mới	Họet chất	Tên hàng hóa dự thầu	Tên hàng hóa dự thầu sau điều chỉnh	SDK hoặc số GPNK	Hàm lượng	Dạng bào chế	Dạng trình bày	Đường dùng	Đơn vị tính	Hãng sản xuất	Nước sản xuất	Quy cách đóng gói	Giá trúng thầu	Số lượng trúng thầu	Thành tiền
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)	(16)	(17)
3	135	Etoricoxib	Atocib 120		VD-29518-18	120mg	Viên nén bao phim		Uống	viên	CTCP Dược Hậu Giang - CN nhà máy dược phẩm DHG tại Hậu Giang	Việt Nam	Hộp 3 vi x 10 viên	1.550,00	11.750	18.212.500,00
TỔNG CỘNG															2	88.212.500
TỔNG CỘNG															3	134.507.900
46	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM AGIMEXPHARM															
NHÓM 4																
1	2	Acid acetylsalicylic	ASPIRIN 81		VD-29659-18	81mg	Viên nén bao phim tan trong ruột		Uống	Viên	CN Cty CPDP Agimexpharm - Nhà máy SX DP Agimexpharm	Việt Nam	Hộp 20 vi x 10 viên	73,00	5.520	402.960,00
2	18	Acid Alendronic (dưới dạng Alendronat natri trihydrat); Cholecalciferol (dưới dạng dung dịch Cholecalciferol 1M.IU/g)	OSTAGI - D3		VD-28831-18	70mg + 2800IU	Viên nén		Uống	Viên	CN Cty CPDP Agimexpharm - Nhà máy SX DP Agimexpharm	Việt Nam	Hộp 1 vi x 4 viên	9.890,00	1.500	14.835.000,00
3	87	Celecoxib	AGILECOX 100		VD-29651-18	100mg	Viên nang cứng		Uống	Viên	Chi nhánh công ty CPDP Agimexpharm - Nhà máy SX DP Agimexpharm	Việt Nam	Hộp 2 vi x 10 viên	1.850,00	75.725	140.091.250,00
4	144	Gabapentin	GAPTINEW		VD-27758-17	300mg	Viên nang cứng		Uống	Viên	Chi nhánh công ty CPDP Agimexpharm - Nhà máy SX DP Agimexpharm	Việt Nam	Hộp 3 vi x 10 viên	479,00	54.860	26.277.940,00

PHỞ
VIỆN
CHÂN
THƯƠNG
CHÍNH
HÌNH

SỞ Y TẾ THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
BỆNH VIỆN CHẤN THƯƠNG CHÍNH HÌNH

KQ-5A1

STT	STT trong Hồ sơ mời thầu	Hoạt chất	Tên hàng hóa dự thầu	Tên hàng hóa dự thầu sau điều chỉnh	SDK hoặc số GPNK	Hàm lượng	Dạng bào chế	Dạng trình bày	Đường dùng	Đơn vị tính	Hãng sản xuất	Nước sản xuất	Quy cách đóng gói	Giá trúng thầu	Số lượng trúng thầu	Thành tiền
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)	(16)	(17)
5	157	Ibuprofen	AGIROFEN 200		VD-32777-19	200mg	Viên nang cứng		Uống	Viên	Chi nhánh công ty CPDP Agimexpharm - Nhà máy SX DP Agimexpharm	Việt Nam	Hộp 10 vi x 10 viên	480,00	6.820	3.273.600,00
6	178	Linezolid	IDOMAGI		VD-30280-18	600mg	Viên nén bao phim		Uống	Viên	Chi nhánh công ty CPDP Agimexpharm - Nhà máy SX DP Agimexpharm	Việt Nam	Hộp 3 vi x 10 viên	10.500,00	1.830	19.215.000,00
7	199	Nabumeton	BUTOCOX 750		VD-32779-19	750mg	Viên nén bao phim		Uống	Viên	Chi nhánh công ty CPDP Agimexpharm - Nhà máy SX DP Agimexpharm	Việt Nam	Hộp 03 vi x 10 viên	5.950,00	8.600	51.170.000,00
8	251	Povidone Iodine	POVIDONE		VD-17882-12	10%	Dung dịch dung ngoài	Chai/Lọ 90ml	Dùng ngoài	Chai	Cty CPDP Agimexpharm	Việt Nam	Chai nhựa HD chứa 90ml	7.640,00	2.530	19.329.200,00
TỔNG CỘNG															8	274.594.950
TỔNG CỘNG															8	274.594.950
47 CÔNG TY TNHH DƯỢC PHẨM SONG VIỆT																
NHÓM 4																
1	50	Calci carbonat + Cholecalciferol	Calsid 1250		VD-9759-09	750mg + 100IU	Viên nang mềm		Uống	Viên	Công ty liên doanh dược phẩm Mebiphar - Austrapharm	Việt Nam	Hộp 20 vi x 5 viên	900,00	79.020	71.118.000,00
TỔNG CỘNG															1	71.118.000
TỔNG CỘNG															1	71.118.000
49 CÔNG TY CỔ PHẦN PYMEPHARCO																
NHÓM 2																

SỞ Y TẾ THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
BỆNH VIỆN CHẤN THƯƠNG CHÍNH HÌNH

KQ-5A1

STT	STT trong Hồ sơ mời thầu	Hoạt chất	Tên hàng hóa dự thầu	Tên hàng hóa dự thầu sau điều chỉnh	SDK hoặc số GPNK	Hàm lượng	Dạng bào chế	Dạng trình bày	Đường dùng	Đơn vị tính	Hãng sản xuất	Nước sản xuất	Quy cách đóng gói	Giá trúng thầu	Số lượng trúng thầu	Thành tiền	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)	(16)	(17)	
	1	60	Cefaclor (dưới dạng Cefaclor monohydrat)	SCD Cefaclor 250mg	VD-26433-17	250mg	Viên nang cứng		Uống	Viên	Công ty cổ phần Pymepharc o	Việt Nam	Hộp 2 vỉ x 10 viên	3.440,00	1.200	4.128.000,00	
	2	69	Ceftazidim (dưới dạng Ceftazidim pentahydrat)	Ceftazidime EG 1g	Ceftazidime EG 1g (CSNQ: EG LABO-Laboratoires EuroGenerics, địa chỉ: "Le Quintet" Bat A, 12 rue Danjou 92517 Boulegne Billancourt cedex France)	VD-25383-16	1g	Thuốc bột pha tiêm		Tiêm	Lọ	Công ty Cổ phần Pymepharc o	Việt Nam	Hộp 1 lọ	15.400,00	2.455	37.807.000,00
	3	77	Cefuroxim (dưới dạng Cefuroxim natri)	Negacef 750mg	VD-20039-13	750mg	Thuốc bột pha tiêm		Tiêm	Lọ	Công ty Cổ phần Pymepharc o	Việt Nam	Hộp 10 lọ	11.550,00	5.419	62.589.450,00	
	4	82	Cefuroxim (dưới dạng Cefuroxim axetil)	Negacef 250	VD-24965-16	250mg	Viên nén bao phim		Uống	Viên	Công ty Cổ phần Pymepharc o	Việt Nam	Hộp 2 vỉ x 5 viên	3.400,00	14.196	48.266.400,00	
	5	85	Cefuroxim (dưới dạng Cefuroxim axetil)	Negacef 500	VD-24966-16	500mg	Viên nén bao phim		Uống	Viên	Công ty Cổ phần Pymepharc o	Việt Nam	Hộp 2 vỉ x 5 viên	7.690,00	20.922	160.890.180,00	
TỔNG CỘNG															5	313.681.030	
NHÓM 3																	
	6	293	Trimetazidin HCl	Vaspycar MR	VD-24455-16	35mg	Viên nén bao phim phóng thích có kiểm soát		Uống	Viên	Công ty Cổ phần Pymepharc o	Việt Nam	Hộp 2 vỉ x 30 viên	356,00	130	46.280,00	
TỔNG CỘNG															1	46.280	
NHÓM 4																	
	7	140	Febuxostat	Friburine 80mg	QLĐB-686-18	80mg	Viên nén bao phim		Uống	Viên	Công ty Cổ phần Pymepharc o	Việt Nam	Hộp 3 vỉ x 10 viên	8.800,00	1.000	8.800.000,00	
TỔNG CỘNG															1	8.800.000	
TỔNG CỘNG															7	322.527.310	
50	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM SAVI																
NHÓM 2																	

SỞ Y TẾ THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
BỆNH VIỆN CHẤN THƯƠNG CHỈNH HÌNH

KQ-5A1

STT	STT trong Hồ sơ mời thầu	Họet chất	Tên hàng hóa dự thầu	Tên hàng hóa dự thầu sau điều chỉnh	SDK hoặc số GPNK	Hàm lượng	Dạng bào chế	Dạng trình bày	Đường dùng	Đơn vị tính	Hãng sản xuất	Nước sản xuất	Quy cách đóng gói	Giá trúng thầu	Số lượng trúng thầu	Thành tiền
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)	(16)	(17)
1	125	Eperison hydrochlorid	Savi Eperisone 50		VD-21351-14	50mg	viên nén bao phim		Uống	viên	Công ty Cổ phần dược phẩm SaVi	Việt Nam	Hộp 5 vi x 10 viên	910,00	179.250	163.117.500,00
2	243	Paracetamol + Tramadol HCl	SaViPamol Plus		VD-21894-14	325mg; 37,5mg	viên nén bao phim		Uống	viên	Công ty Cổ phần dược phẩm SaVi	Việt Nam	Hộp 3 vi x 10 viên	2.645,00	169.031	447.086.995,00
3	267	Risedronat natri (dưới dạng Risedronat natri hemipentahydrat)	SaViRisone 5		VD-23013-15	5mg	viên nén bao phim		Uống	viên	Công ty Cổ phần dược phẩm SaVi	Việt Nam	Hộp 3 vi x 10 viên	6.300,00	500	3.150.000,00
TỔNG CỘNG															3	613.354.495
NHÓM 4																
4	131	Esomeprazol (dưới dạng Esomeprazol magnesi trihydrat)	SaVi Esomeprazole 40		VD-28032-17	40mg	viên nén bao phim tan trong ruột		Uống	viên	Công ty Cổ phần dược phẩm SaVi	Việt Nam	Hộp 2 vi x 7 viên	1.650,00	130	214.500,00
TỔNG CỘNG															1	214.500
TỔNG CỘNG															4	613.568.995
52 CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN VIMEDIMEX BÌNH DƯƠNG																
NHÓM 1																
1	12	L-Isoleucine + L-Leucine + L-Lysine acetat + L-Methionine + L-Phenylalanine + L-Threonine + L-Tryptophan + L-Valine + L-Alanine + L-Arginine + L-Aspartic acid + L-Glutamic acid + L-Histidine + L-Proline ...	Neoamiyu		VN-16106-13	6,1%	Dung dịch truyền tĩnh mạch	Túi/chai 200ml	Truyền tĩnh mạch	Túi	Ay Pharmaceuticals Co., Ltd	Nhật	Túi 200ml	116.258,00	90	10.463.220,00
2	40	Betamethasone (Betamethasone dipropionate); Betamethasone (dưới dạng Betamethasone disodium phosphate)	Diprospan		VN-22026-19	5mg/ml; 2mg/ml	Hỗn dịch để tiêm	Lọ/ống/chai/túi 1ml	Tiêm	Ống	Schering - Plough Labo N.V.	Bỉ	Hộp 1 ống 1ml	63.738,00	50	3.186.900,00
3	52	Magnesium gluconat; Calcium glycerophosphat	Fatig		VN-20359-17	Mỗi 10ml chứa: Magnesium gluconat 0,426g; Calcium glycerophosphat 0,456g	Dung dịch uống		Uống	Ống	Pharmatis	Pháp	Hộp 2 vi x 10 ống	5.318,00	93.550	497.498.900,00

SỞ Y TẾ THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
BỆNH VIỆN CHẤN THƯƠNG CHÍNH HÌNH

KQ-5A1

STT	STT trong Hồ sơ mời thầu	Hoạt chất	Tên hàng hóa dự thầu	Tên hàng hóa dự thầu sau điều chỉnh	SDK hoặc số GPNK	Hàm lượng	Dạng bào chế	Dạng trình bày	Đường dùng	Đơn vị tính	Hãng sản xuất	Nước sản xuất	Quy cách đóng gói	Giá trúng thầu	Số lượng trúng thầu	Thành tiền
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)	(16)	(17)
4	58	Cao Ginkgo biloba; Troxerutin; Heptaminol hydrochloride	Ginkor Fort		VN-16802-13	14mg; 300mg; 300mg	Viên nang cứng		Uống	Viên	Beaufour Ipsen Industrie	Pháp	Hộp 3 vỉ x 10 viên	3.238,00	270	874.260,00
5	76	Cefuroxim (dưới dạng Cefuroxim natri)	Biofumoksym 750mg	Biofumoksym	VN-19304-15	750mg	Bột pha dung dịch hoặc hỗn dịch tiêm		Tiêm	Lọ	Pharmaceutical Works Polpharma S.A	Ba Lan	Hộp 1 lọ	17.199,00	8.129	139.810.671,00
6	98	Cyclophosphamide	Endoxan 500mg	Endoxan	VN-16582-13	500mg/lọ	Bột pha tiêm		Tiêm	Lọ	Baxter Oncology GmbH	Đức	Hộp 1 lọ	124.376,00	200	24.875.200,00
7	102	Desflurane	Suprane		VN-17261-13	100%	Thuốc mê bay hơi (chất lỏng dùng để hít)	Chai/lọ 240ml	Dạng hít	Chai	Baxter Healthcare Corporation	Mỹ	Chai 240ml	2.700.000,00	20	54.000.000,00
8	115	Natri diclofenac	Voltaren		VN-11972-11	75mg	Viên nén phóng thích chậm		Uống	Viên	Novartis Farma S.p.A	Ý	Hộp 10 vỉ x 10 viên	6.185,00	133.770	827.367.450,00
9	123	Enoxaparin natri	Gemapaxanc		VN-16312-13	4000IU/0,4ml	Dung dịch tiêm	Bơm tiêm 0,4ml	Tiêm	Bơm tiêm	Italfarmaco, S.p.A.	Ý	Hộp 6 bơm tiêm	70.000,00	3.500	245.000.000,00
10	124	Enoxaparin natri	Gemapaxanc		VN-16313-13	6000IU/0,6ml	Dung dịch tiêm	Bơm tiêm 0,6ml	Tiêm	Bơm tiêm	Italfarmaco, S.p.A.	Ý	Hộp 6 bơm tiêm	95.000,00	3.800	361.000.000,00
11	158	Ifosfamide	Holoxan		VN-9945-10	1g	Bột pha tiêm		Tiêm	Lọ	Baxter Oncology GmbH	Đức	Hộp 1 lọ	401.000,00	2.000	802.000.000,00
12	159	Insulin người rDNA (30% insulin hòa tan và 70% insulin isophane)	Mixtard 30 FlexPen		QLSP-1056-17	300IU/3ml	Hỗn dịch tiêm	Bút tiêm 3ml	Tiêm	Bút tiêm	Novo Nordisk Production S.A.S	Pháp	Hộp chứa 5 bút tiêm bơm sẵn thuốc x 3ml	103.000,00	545	56.135.000,00
13	160	Insulin glargine	Lantus Solostar		QLSP-857-15	300IU/3ml	Dung dịch tiêm trong bút tiêm nạp sẵn	Bút tiêm 3ml	Tiêm dưới da	Bút tiêm	Sanofi-Aventis Deutschland GmbH	Đức	Hộp 5 bút tiêm x 3ml dung dịch tiêm	277.000,00	200	55.400.000,00
14	161	Insulin Human	Actrapid		QLSP-1029-17	1000IU/10ml	Dung dịch tiêm	Chai/lọ/túi i/ống 10ml	Tiêm	Lọ	Novo Nordisk Production S.A.S	Pháp	Hộp chứa 1 lọ x 10ml	72.000,00	76	5.472.000,00
15	162	Isoflurane	Aerranc 250ml	Aerranc	VN-19793-16	100%	Chất lỏng dễ bay hơi dùng gây mê đường hô hấp	Chai/lọ 250ml	Dạng hít	Chai	Baxter Healthcare Corporation	Mỹ	Hộp 6 chai 250ml	530.000,00	180	95.400.000,00
16	190	Mesna	Uromitexan		VN-20658-17	400mg/4ml	Dung dịch tiêm truyền		Tiêm	Ống	Baxter Oncology GmbH	Đức	Hộp 15 ống x 4ml	36.243,00	3.000	108.729.000,00



SỞ Y TẾ THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
BỆNH VIỆN CHÂN THƯƠNG CHÍNH HÌNH

KQ-5A1

STT	STT trong Hồ sơ một thầu	Họet chất	Tên hàng hóa dự thầu	Tên hàng hóa dự thầu sau điều chỉnh	SDK hoặc số GPNK	Hàm lượng	Dạng bào chế	Dạng trình bày	Đường dùng	Đơn vị tính	Hãng sản xuất	Nước sản xuất	Quy cách đóng gói	Giá trúng thầu	Số lượng trúng thầu	Thành tiền
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)	(16)	(17)
17	217	Nefopam hydroclorid	Acupan	Acupan (Xuất xưởng: Biocodex, địa chỉ: 1, Avenue Blaise Pascal-60000 Beauvais-France)	VN-18589-15	20mg	Dung dịch tiêm		Tiêm	Ống	Delpharm Tours; xuất xưởng: Biocodex	Pháp	Hộp 5 ống x 2ml	33.000,00	8.440	278.520.000,00
18	222	Nicardipin hydrochlorid	Nicardipine Aguettant 10mg/10ml		VN-19999-16	10mg/10ml	Dung dịch tiêm truyền tĩnh mạch		Tiêm truyền	Ống	Laboratoire Aguettant	Pháp	Hộp 10 ống x 10ml	124.999,00	130	16.249.870,00
19	246	Phenylephrin (dưới dạng phenylephrin hydroclorid)	Phenylephrine Aguettant 50 Microgrammes/ml		VN-21311-18	Mỗi 1ml dung dịch chứa: Phenylephrin (dưới dạng phenylephrin hydroclorid) 50 mcg		Bom tiêm/lo/ống 10ml	Tiêm	Bom tiêm	Laboratoire Aguettant	Pháp	Hộp 10 bom tiêm đóng sẵn x 10ml	194.500,00	50	9.725.000,00
20	253	Pregabalin	Brieka 75mg		VN-21655-19	75mg	Viên nang cứng		Uống	Viên	Balkanpharma Dupnitsa AD	Bulgaria	Hộp 3 vỉ x 10 viên	5.519,00	8.360	46.138.840,00
21	285	Poly(O-2 hydroxyethyl) starch (HES); Natri clorid; Kali clorid; Calci clorid dihydrat; Magnesi clorid hexahydrat; Natri acetat trihydrat; Acid L-malic	Tetraspan 6% solution for infusion		VN-18497-14	Mỗi 250ml chứa: Poly (O-2 hydroxyethyl) starch (HES) 15g; Natri clorid 1,5625g; Kali clorid 0,075g; Calci clorid dihydrat 0,0925g; Magnesi clorid hexahydrat 0,05g; Natri acetat trihydrat 0,8175g, Acid L-malic 0,1675g	Dung dịch tiêm truyền tĩnh mạch	Chai/lo/túi i/ống 500ml	Tiêm truyền	Chai	B.Braun Medical AG	Thụy Sĩ	Hộp 10 chai 500ml	85.400,00	160	13.664.000,00

SỞ Y TẾ THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
BỆNH VIỆN CHÂN THƯƠNG CHÍNH HÌNH

KQ-5A1

STT	STT trong Hồ sơ mời thầu	Hoạt chất	Tên hàng hóa dự thầu	Tên hàng hóa dự thầu sau điều chỉnh	SDK hoặc số GPNK	Hàm lượng	Dạng bào chế	Dạng trình bày	Đường dùng	Đơn vị tính	Hãng sản xuất	Nước sản xuất	Quy cách đóng gói	Giá trúng thầu	Số lượng trúng thầu	Thành tiền
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)	(16)	(17)
TỔNG CỘNG															21	3.651.510.311
NHÓM 2																
22	286	Poly(O-2 hydroxyethyl) starch (HES); Natri clorid; Kali clorid; Calci clorid dihydrat; Magnesi clorid hexahydrat; Natri acetat trihydrat; Acid L-malic	Tetraspan 6% solution for infusion		VN-18497-14	Mỗi 250ml chứa: Poly (O-2 hydroxyet hyl) starch (HES) 15g; Natri clorid 1,5625g; Kali clorid 0,075g; Calci clorid dihydrat 0,0925g; Magnesi clorid hexahydrat 0,05g; Natri acetat trihydrat 0,8175g, L-malic 0,1675g	Dung dịch tiêm truyền tĩnh mạch	Chai/lọ/túi i/ống 500ml	Tiêm truyền	Chai	B. Braun Medical AG	Thụy Sĩ	Hộp 10 chai 500ml	85.400,00	60	5.124.000,00
23	291	Acid tranexamic	Haemostop 250mg/5ml	Haemostop	VN-21943-19	250mg/5ml	Dung dịch tiêm		Tiêm	Ống	PT. Novell Pharmaceut ical Laboratorie s	Indonesia	Hộp 5 ống x 5ml	7.200,00	9.400	67.680.000,00
TỔNG CỘNG															2	72.804.000
NHÓM 4																
24	137	Etoricoxib	Flexidron 60		VD-21270-14	60mg	Viên nén bao phim		Uống	Viên	Công ty TNHH Dược phẩm Glomed	Việt Nam	Hộp 3 vỉ x 10 viên	715,00	58.678	41.954.770,00
25	208	Natri clorid	Natri clorid 0.9% 1000ml	Dịch truyền tĩnh mạch Natri clorid 0,9%	VD-32723-19	Mỗi 100ml chứa: Natri clorid 0,9g	Dung dịch truyền tĩnh mạch	Chai/lọ/túi i/ống 1000ml	Tiêm truyền	Chai	Công ty TNHH B.Braun Việt Nam	Việt Nam	Chai 1000ml	15.435,00	21.000	324.135.000,00

PHÒNG
H VIỆN
THƯƠNG
CHÍNH HÌNH
★

MMU

SỞ Y TẾ THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
BỆNH VIỆN CHẤN THƯƠNG CHỈNH HÌNH

KQ-5A1

STT	STT trong Hồ sơ mời thầu	Hoạt chất	Tên hàng hóa dự thầu	Tên hàng hóa dự thầu sau điều chỉnh	SDK hoặc số GPNK	Hàm lượng	Dạng bào chế	Dạng trình bày	Đường dùng	Đơn vị tính	Hãng sản xuất	Nước sản xuất	Quy cách đóng gói	Giá trúng thầu	Số lượng trúng thầu	Thành tiền
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)	(16)	(17)
26	211	Natri clorid + Glucose (dưới dạng Glucose monohydrat)	Natri clorid 0.9% & G5% 500ml	Dịch truyền tĩnh mạch Natri clorid 0,9% & Glucose 5%	VD-29434-18	Mỗi 500ml dung dịch chứa: Natri clorid 4,5g; Glucose (dưới dạng Glucose monohydrat 27,5g) 25g	Dung dịch truyền tĩnh mạch	Chai/lọ/túi/ống 500ml	Tiêm truyền	Chai	Công ty TNHH B.Braun Việt Nam	Việt Nam	Chai 500ml	12.500,00	17.700	221.250.000,00
TỔNG CỘNG															3	587.339.770
TỔNG CỘNG															26	4.311.654.081
53 CÔNG TY TNHH DƯỢC PHẨM TPVN																
NHÓM 1																
1	91	Mỗi 1ml dung dịch chứa Ciprofloxacin (dưới dạng ciprofloxacin lactat) 2mg	Nafloxin solution for infusion 200mg/100ml		VN-20713-17	200mg/100ml	Dung dịch tiêm truyền tĩnh mạch	Chai/lọ/túi/ống 100ml	Tiêm truyền tĩnh mạch	Chai/lọ/túi/ống	Cooper S.A. Pharmaceuticals	Hy Lạp	Chai 100ml, hộp 1 chai 100ml	47.000,00	323	15.181.000,00
2	175	Mỗi 1ml dung dịch chứa: Levofloxacin (dưới dạng Levofloxacin hemihydrat) 5mg	Levofloxacin/cooper solution for infusion 500mg/100ml		VN-21230-18	500mg	Dung dịch tiêm truyền tĩnh mạch		Tiêm truyền tĩnh mạch	Chai/lọ/ống/gói	Cooper S.A. Pharmaceuticals	Hy Lạp	Chai 100ml, hộp 1 chai 100ml	78.500,00	671	52.673.500,00
TỔNG CỘNG															2	67.854.500
TỔNG CỘNG															2	67.854.500
54 CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM VINH PHÚC																
NHÓM 4																
1	33	Atropin sulfat	Atropin Sulfat		VD-24897-16	0,25mg/1ml	Dung dịch tiêm	Lọ/ống/chai/túi 1ml	Tiêm	Ống	Công ty cổ phần dược phẩm Vinh Phúc	Việt Nam	Hộp 100 ống x 1ml	525,00	2.600	1.365.000,00
2	114	Diclofenac Natri	Diclofenac		VD-25829-16	75mg/3ml	Dung dịch tiêm		Tiêm	Ống	Công ty cổ phần dược phẩm Vinh Phúc	Việt Nam	Hộp 1 vỉ x 10 ống x 3ml, Hộp 5 vỉ x 10 ống x 3ml	980,00	8.320	8.153.600,00
3	128	Mỗi 1ml chứa: Adrenalin 1mg	Adrenalin		VD-27151-17	1mg/1ml	Dung dịch tiêm	Lọ/ống/chai/túi 1ml	Tiêm	Ống	Công ty cổ phần dược phẩm Vinh Phúc	Việt Nam	Hộp 5 vỉ x 10 ống x 1ml	1.386,00	3.260	4.518.360,00
4	130	Esomeprazol (dưới dạngesomeprazol natri)	Vinxium		VD-22552-15	40mg	Thuốc tiêm bột đông khô		Tiêm truyền tĩnh mạch	Lọ	Công ty cổ phần dược phẩm Vinh Phúc	Việt Nam	Hộp 5 lọ + 5 ống dung môi NaCl 0,9% 5ml	9.420,00	80	753.600,00

SỞ Y TẾ THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
BỆNH VIỆN CHÂN THƯƠNG CHÍNH HÌNH

KQ-5A1

STT	STT trong Hồ sơ mời thầu	Hoạt chất	Tên hàng hóa dự thầu	Tên hàng hóa dự thầu sau điều chỉnh	SDK hoặc số GPNK	Hàm lượng	Dạng bào chế	Dạng trình bày	Đường dùng	Đơn vị tính	Hãng sản xuất	Nước sản xuất	Quy cách đóng gói	Giá trúng thầu	Số lượng trúng thầu	Thành tiền
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)	(16)	(17)
5	194	Methylprednisolon (Dưới dạng Methylprednisolon natri succinat)	Vinsolon 125		VD-24345-16	125mg	Thuốc tiêm bột đông khô		Tiêm	Lọ	Công ty cổ phần dược phẩm Vinh Phúc	Việt Nam	Hộp 5 lọ + 5 ống dung môi 2ml, Hộp 10 lọ + 10 ống dung môi 2ml	23.000,00	170	3.910.000,00
6	195	Metoclopramid HCl	Vincomid		VD-21919-14	10mg/2ml	Dung dịch tiêm		Tiêm	Ống	Công ty cổ phần dược phẩm Vinh Phúc	Việt Nam	Hộp 10 ống 2ml	1.210,00	12.220	14.786.200,00
7	227	Papaverin hydroclorid	Paparin		VD-20485-14	40mg/2ml	Dung dịch tiêm		Tiêm	Ống	Công ty cổ phần dược phẩm Vinh Phúc	Việt Nam	Hộp 5 vi x 10 ống	3.140,00	4.620	14.506.800,00
8	261	Ranitidin (dưới dạng Ranitidin HCL)	Vintex		VD-18782-13	50mg	Dung dịch tiêm		Tiêm	Ống	Công ty cổ phần dược phẩm Vinh Phúc	Việt Nam	Hộp 2 vi x 5 ống x 2ml, hộp 5 vi x 10 ống x 2ml	2.499,00	13.671	34.163.829,00
9	287	Tobramycin (dưới dạng Tobramycin sulfat)	Vinbrex 80		VD-33653-19	80mg/2ml	Dung dịch tiêm	Lọ/ống/chai/túi 2ml	Tiêm	Ống	Công ty cổ phần dược phẩm Vinh Phúc	Việt Nam	Hộp 5 vi x 10 ống x 2ml	4.780,00	1.000	4.780.000,00
10	292	Acid Tranexamic	Cammic		VD-28697-18	250mg/5ml	Dung dịch tiêm		Tiêm	Ống	Công ty cổ phần dược phẩm Vinh Phúc	Việt Nam	Hộp 10 vi x 5 ống x 5ml	2.184,00	9.400	20.529.600,00
TỔNG CỘNG															10	107.466.989
TỔNG CỘNG															10	107.466.989
55 CÔNG TY TNHH DƯỢC TÂM ĐẠN																
NHÓM 1																
1	173	Mỗi 15 ml chứa: Lactulose 10g	Laevolac		VN-19613-16	10g/15ml	Dung dịch uống		Uống	gói	Fresenius Kabi Austria GmbH.	Austria	Hộp 20 gói 15ml	2.688,00	2.220	5.967.360,00
2	174	Leflunomide	Osbinfin 20mg	Osbinfin 20mg (Cơ sở xuất xứ: Delorbis Pharmaceuticals Ltd.; địa chỉ: 17 Athinon Street, Ergates Industrial Area, 2643 Ergates, P.O Box 28629, 2081 Lefkosia, Cyprus)	VN-19078-15	20mg	Viên nén bao phim		Uống	Viên	CSSX: Haupt Pharma Munster GmbH, CSXX: Delorbis Pharmaceuticals Ltd	Germany	Hộp 1 lọ 30 viên	22.500,00	350	7.875.000,00
TỔNG CỘNG															2	13.842.360
TỔNG CỘNG															2	13.842.360



31/37

SỞ Y TẾ THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
BỆNH VIỆN CHẤN THƯƠNG CHÍNH HÌNH

KQ-5A1

STT	STT trong Hồ sơ mời thầu	Hoạt chất	Tên hàng hóa dự thầu	Tên hàng hóa dự thầu sau điều chỉnh	SDK hoặc số GPNK	Hàm lượng	Dạng bao chế	Dạng trình bày	Đường dùng	Đơn vị tính	Hãng sản xuất	Nước sản xuất	Quy cách đóng gói	Giá trúng thầu	Số lượng trúng thầu	Thành tiền
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)	(16)	(17)
56 CÔNG TY TNHH DƯỢC PHẨM B.H.C																
NHÓM 1																
1	48	Calci carbonat + vitamin D3	BRIOZCAL		VN-22339-19	Calci (dưới dạng Calci carbonat 1,25g) 500mg; Vitamin D3 125IU	Viên nén bao phim		Uống	Viên	Lipa Pharmaceuticals Ltd	Úc	Hộp 3 vi x 10 viên	2.700,00	157.040	424.008.000,00
TỔNG CỘNG															1	424.008.000
58 CÔNG TY TNHH DƯỢC PHẨM VẠN CƯỜNG PHÁT																
NHÓM 1																
1	42	Bisoprolol fumarat	Zentobiso 5.0mg		VN-17389-13	5mg	Viên nén		Uống	Viên	Niche Generics Ltd.	Ireland	Hộp 2 vi x 14 viên	3.600,00	860	3.096.000,00
2	280	Tenoxicam	Bart		VN-21793-19	20mg	Viên nén bao phim		Uống	Viên	Special Products line S.P.A	Italia	Hộp 3 vi x 10 viên	7.840,00	8.400	65.856.000,00
TỔNG CỘNG															2	68.952.000
NHÓM 4																
3	27	Amoxicilin (dưới dạng Amoxicilin natri) + sulbactam (dưới dạng sulbactam natri)	Viciamox 0,75g		VD-23728-15	0,5g; 0,25g	Thuốc bột pha tiêm		Tiêm bắp, tiêm tĩnh mạch, truyền tĩnh mạch	Lọ	Công ty có phân dược phẩm VCP	Việt Nam	Hộp 10 lọ	35.000,00	2.000	70.000.000,00
TỔNG CỘNG															1	70.000.000
59 CÔNG TY TNHH DƯỢC PHẨM VẮC XIN THUẬN ĐỨC																
NHÓM 4																
1	155	Globulin kháng độc tố uốn ván	Huyết thanh kháng độc tố uốn ván tinh chế (SAT)		QLSP-1037-17	1500 đvqt	Dung dịch tiêm	Lọ/ống/chi ai/túi 1ml	Tiêm	Ống	Viện Vắc xin và sinh phẩm y tế (IVAC)	Việt Nam	Hộp 20 ống	25.263,00	11.820	298.608.660,00
TỔNG CỘNG															1	298.608.660
TỔNG CỘNG															1	298.608.660

SỞ Y TẾ THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
BỆNH VIỆN CHÂN THƯƠNG CHÍNH HÌNH

KQ-5A1

STT	STT trong Hồ sơ mới thầu	Hoạt chất	Tên hàng hóa dự thầu	Tên hàng hóa dự thầu sau điều chỉnh	SDK hoặc số GPNK	Hàm lượng	Dạng bào chế	Dạng trình bày	Đường dùng	Đơn vị tính	Hãng sản xuất	Nước sản xuất	Quy cách đóng gói	Giá trúng thầu	Số lượng trúng thầu	Thành tiền
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)	(16)	(17)
60 CÔNG TY TNHH DƯỢC PHẨM VÀ TTBYT USS PHARMA																
NHÓM 2																
1	240	Paracetamol + Codein phosphat	Partamol Codein eff		VD-14577-11	500mg + 30mg	Viên nén sủi bọt		Uống	Viên	Công ty TNHH Liên Doanh Stellapharm - chi nhánh 1	Việt Nam	Hộp 4 vi x 04 viên	2.630,00	18.080	47.550.400,00
TỔNG CỘNG															1	47.550.400
TỔNG CỘNG															1	47.550.400
61 CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM THIẾT BỊ Y TẾ HÀ NỘI																
NHÓM 1																
1	17	Albumin	ALBUMINAR 25		VN-13414-11	25%	Dung dịch truyền tĩnh mạch	Chai/lọ/túi i/ống 50ml	Tiêm truyền	Chai	CSL Behring LLC	USA	Hộp 1 chai 50 ml	865.000,00	150	129.750.000,00
2	41	Bisoprolol fumarate	DIOPOLOL 2.5		VN-19499-15	2,5mg	Viên nén		Uống	Viên	Chanelle Medical	Ireland	Hộp 2 vi x 14 viên	1.350,00	2.400	3.240.000,00
3	122	Dopamin Hydrochloride	DOPAMINE HYDROCHLORIDE 4%		VN-18479-14	200mg/5ml	Dung dịch tiêm truyền tĩnh mạch		Tiêm truyền	Ống	Warsaw Pharmaceutical Works Polfa S.A.	Poland	Hộp 10 ống 5ml	19.950,00	120	2.394.000,00
TỔNG CỘNG															3	135.384.000
TỔNG CỘNG															3	135.384.000
62 CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM TRUNG ƯƠNG CODUPHA																
NHÓM 1																
1	108	Diazepam	Diazepam-Hameln 5mg/ml Injection		VN-19414-15	5mg/ml	Dung dịch tiêm		Tiêm	Ống	Siegfried Hameln GmbH	Germany	Hộp 10 ống 2ml	7.720,00	1.890	14.590.800,00
2	121	Dobutamine (dưới dạng Dobutamine Hydrochloride)	Dobutamine-hameln 12,5mg/ml		VN-22334-19	12.5mg/ml	Dung dịch đậm đặc để pha tiêm truyền	Chai/lọ/túi i/ống 20ml	Tiêm truyền	Ống	Siegfried Hameln GmbH	Germany	Hộp 5 ống x 20ml	67.200,00	20	1.344.000,00



SỞ Y TẾ THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
BỆNH VIỆN CHẤN THƯƠNG CHÍNH HÌNH

KQ-5A1

STT	STT trong Hồ sơ mời thầu	Hoạt chất	Tên hàng hóa dự thầu	Tên hàng hóa dự thầu sau điều chỉnh	SDK hoặc số GPNK	Hàm lượng	Dạng bao chế	Dạng trình bày	Đường dùng	Đơn vị tính	Hãng sản xuất	Nước sản xuất	Quy cách đóng gói	Giá trúng thầu	Số lượng trúng thầu	Thành tiền
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)	(16)	(17)
3	197	Monobasic natri phosphat, Dibasic natri phosphat	Fleet Enema		VN-21175-18	Mỗi 118ml chứa: Monobasic natri phosphat 19g; Dibasic natri phosphat 7g	Dung dịch thực trực tràng	Chai/lo 133ml	Thực trực tràng	Chai	C.B Fleet Company Inc.	Mỹ	Hộp 1 chai 133ml.	57.500,00	1.000	57.500.000,00
4	203	Naloxon HCl (dưới dạng Naloxone hydroclorid dihydrat)	Naloxone-hameln 0.4mg/ml Injection		VN-17327-13	0,4mg/ml	Dung dịch tiêm		Tiêm	Ống	Siegfried Hameln GmbH	Germany	Hộp 10 ống 1ml	43.995,00	50	2.199.750,00
5	218	Neostigmin methylsulfat	Neostigmine-hameln		VN-22085-19	0,5mg/ml	Dung dịch tiêm	Lọ/ống/chai/túi 1ml	Tiêm	Ống	Siegfried Hameln GmbH	Germany	Hộp 10 ống 1ml	9.345,00	30	280.350,00
6	275	Sufentanil (dưới dạng Sufentanil citrate)	Sufentanil-hameln 50mcg/ml		VN-20250-17	50mcg/ml	Dung dịch tiêm	Lọ/ống/chai/túi 1ml	Tiêm	Ống	Siegfried Hameln GmbH	Germany	Hộp 10 ống 1ml	44.940,00	1.211	54.422.340,00
7	289	Tramadol HCl	Tramadol-hameln 50mg/ml		VN-19416-15	50mg/ml	Dung dịch tiêm	Lọ/ống/chai/túi 2ml	Tiêm	Ống	Siegfried Hameln GmbH	Germany	Hộp 10 ống 2ml	13.965,00	27.830	388.645.950,00
TỔNG CỘNG															7	518.983.190
NHÓM 4																
8	5	Các axit amin	Amiparen - 10	Amiparen - 10	VD-15932-11	Các axit amin	Dung dịch tiêm truyền tĩnh mạch	Chai/lo/túi i/ống 500ml	Tiêm truyền	Chai	Công ty cổ phần dược phẩm Otsuka Việt Nam	Việt Nam	Chai 500ml	79.000,00	115	9.085.000,00
9	11	Mỗi 200ml chứa: L-Arginin HCl; L-Histidin.HCl.H2O; L-Methionin; L-Phenylalanin; L-Threonin; L-Valin; Glycin; L-Lysin HCl; L-Tryptophan; L-Leucine; L-Isoleucin; L-Prolin; L-Serin; L-Alanin; L-Cystein.HCl.H2O	Aminoleban		VD-27298-17	1,46g, 0,64g, 0,2g, 0,2g, 0,9g, 1,68g, 1,8g, 1,52g, 0,14g, 2,2g, 1,8g, 1,6g, 1g, 1,5g, 0,08g	Dung dịch tiêm truyền tĩnh mạch	Chai/lo/túi i/ống 500ml	Tiêm truyền	Chai	Công ty cổ phần dược phẩm Otsuka Việt Nam	Việt Nam	Chai 500ml	154.000,00	260	40.040.000,00

SỞ Y TẾ THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
BỆNH VIỆN CHẤN THƯƠNG CHỈNH HÌNH

KQ-5A1

STT	STT trong Hồ sơ mời thầu	Hoạt chất	Tên hàng hóa dự thầu	Tên hàng hóa dự thầu sau điều chỉnh	SDK hoặc số GPNK	Hàm lượng	Dạng bào chế	Dạng trình bày	Đường dùng	Đơn vị tính	Hãng sản xuất	Nước sản xuất	Quy cách đóng gói	Giá trúng thầu	Số lượng trúng thầu	Thành tiền
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)	(16)	(17)
10	109	Diazepam	Diazepam 10mg/2ml		VD-25308-16	Mỗi ống 2ml chứa: Diazepam 10mg	Dung dịch tiêm		Tiêm	Ống	Chi nhánh Công ty cổ phần dược phẩm Trung ương Vidipha Bình Dương	Việt Nam	Hộp 10 ống x 2ml	4.473,00	810	3.623.130,00
11	110	Diazepam	Diazepam 5mg		VD-24311-16	5mg	Viên nén		Uống	Viên	Chi nhánh Công ty cổ phần dược phẩm trung ương Vidipha Bình Dương	Việt Nam	Hộp 10 vỉ x 10 viên	240,00	57.960	13.910.400,00
12	198	Morphin hydroclorid	Morphin (Morphin hydroclorid 10mg/ml)		VD-24315-16	10mg/ml	Dung dịch tiêm		Tiêm	Ống	Chi nhánh Công ty cổ phần dược phẩm trung ương Vidipha Bình Dương	Việt Nam	Hộp 25 ống x 1ml	4.620,00	2.900	13.398.000,00
13	213	Mỗi 500ml chứa: Natri clorid ; Kali clorid ; Monobasic kali phosphat ; Natri acetat.3H2O; Magne sulfat.7H2O; Kẽm sulfat.7H2O; Dextrose Anhydrous	Glucolyte -2	Glucolyte-2	VD-25376-16	1,955g; 0,375g; 0,68g; 0,68g; 0,316g; 5,76mg; 37,5g	Dung dịch tiêm truyền tĩnh mạch	Chai/lọ/túi i/ống 500ml	Tiêm truyền	Chai	Công ty cổ phần dược phẩm Otsuka Việt Nam	Việt Nam	Chai 500ml	17.000,00	3.675	62.475.000,00
TỔNG CỘNG															6	142.531.530
TỔNG CỘNG															13	661.514.720
63 CÔNG TY TNHH DƯỢC KIM ĐỎ																
NHÓM 1																
1	64	Cefoperazon (dưới dạng cefoperazon natri)	Medocel 1g		VN-22168-19	Mỗi lọ chứa: Cefoperazon (dưới dạng cefoperazon natri) 1g	Bột pha tiêm		Tiêm	Lọ	Medochemie Ltd. - Factory C	Cyprus	Hộp 50 lọ	54.000,00	10.860	586.440.000,00
TỔNG CỘNG															1	586.440.000
TỔNG CỘNG															1	586.440.000
64 CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM GOLDENLIFE																



SỞ Y TẾ THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
BỆNH VIỆN CHẤN THƯƠNG CHÍNH HÌNH

KQ-5A1

STT	STT trong Hồ sơ mời thầu	Hoạt chất	Tên hàng hóa dự thầu	Tên hàng hóa dự thầu sau điều chỉnh	SDK hoặc số GPNK	Hàm lượng	Dạng bào chế	Dạng trình bày	Đường dùng	Đơn vị tính	Hãng sản xuất	Nước sản xuất	Quy cách đóng gói	Giá trúng thầu	Số lượng trúng thầu	Thành tiền
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)	(16)	(17)
NHÓM 2																
1	72	Ceftizoxim (dưới dạng Ceftizoxim natri)	ZOXIMCEF 1 G		VD-29359-18	1g	Thuốc bột pha tiêm		Tiêm	Lọ	Công ty Cổ phần Pymepharc o	Việt Nam	Hộp 1 lọ	65.000,00	600	39.000.000,00
2	248	Hỗn hợp Piperacilin natri và Tazobactam natri tương đương: Piperacilin; Tazobactam	ZOBACTA 2,25G		VD-26853-17	2g; 0,25g	Thuốc bột pha tiêm		Tiêm	Lọ	Chi nhánh 3 - Công ty Cổ phần Dược phẩm Imexpharm tại Bình Dương	Việt Nam	Hộp 10 lọ	74.200,00	1.920	142.464.000,00
3	284	Hỗn hợp bột Ticarcilin dinatri và Clavulanat kali tương đương với: Ticarcilin; Acid clavulanic	TICARLINAT 3,2G		VD-28959-18	3g; 0,2g	Thuốc bột pha tiêm truyền		Truyền tĩnh mạch ngắt quãng, tiêm tĩnh mạch chậm	Lọ	Chi nhánh 3 - Công ty Cổ phần Dược phẩm Imexpharm tại Bình Dương	Việt Nam	Hộp 10 lọ	165.000,00	630	103.950.000,00
4	295	Acid Ursodeoxycholic	SAVI URSO 300		VD-23009-15	300mg	Viên nén bao phim		Uống	Viên	Công ty Cổ phần Dược phẩm Savi	Việt Nam	Hộp 3 vỉ x 10 viên	8.350,00	1.270	10.604.500,00
5	299	Vitamin B1 (Thiamin mononitrat); Vitamin B6 (Pyridoxin hydroclorid); Vitamin B12 (dưới dạng Vitamin B12 0,1% SD)	SAVI 3B		VD-30494-18	100mg; 100mg; 150mcg	Viên nén bao phim		Uống	Viên	Công ty Cổ phần Dược phẩm Savi	Việt Nam	Hộp 10 vỉ x 10 viên	1.540,00	293.920	452.636.800,00
TỔNG CỘNG															5	748.655.300
NHÓM 3																
6	107	Diacerein	GLASXINE		VD-17702-12	50mg	Viên nang cứng		Uống	Viên	Công ty Cổ phần SPM	Việt Nam	Hộp 3 vỉ x 10 viên	2.500,00	13.700	34.250.000,00
TỔNG CỘNG															1	34.250.000
NHÓM 4																
7	300	Magnesi lactat dihydrat + vitamin B6	DEBOMIN		VD-22507-15	940mg; 10mg	Viên nén sủi		Uống	Viên	Công ty Cổ phần Dược phẩm Phương Đông	Việt Nam	Hộp 1 tuýp 10 viên	2.600,00	29.910	77.766.000,00
TỔNG CỘNG															1	77.766.000
TỔNG CỘNG															7	860.671.300

SỞ Y TẾ THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
BỆNH VIỆN CHẤN THƯƠNG CHỈNH HÌNH

KQ-5A1

STT	STT trong Hồ sơ mời thầu	Họ chất	Tên hàng hóa dự thầu	Tên hàng hóa dự thầu sau điều chỉnh	SDK hoặc số GPNK	Hàm lượng	Dạng bào chế	Dạng trình bày	Đường dùng	Đơn vị tính	Hãng sản xuất	Nước sản xuất	Quy cách đóng gói	Giá trúng thầu	Số lượng trúng thầu	Thành tiền
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)	(16)	(17)
NHÓM 4																
1	205	Natri Clorid	NATRI CLORID 0,9%		VD-26717-17	Mỗi 100ml chứa: Natri clorid 0,9g	Dung dịch dùng ngoài	Chai/lọ 1000ml	Dùng ngoài	Chai	Công ty cổ phần dược phẩm 3/2	Việt Nam	Chai 1000ml	10.080,00	20.000	201.600.000,00
2	206	Natri Clorid	NATRI CLORID 0,9%		VD-26717-17	Mỗi 100ml chứa: Natri clorid 0,9g	Dung dịch dùng ngoài	Chai/lọ 500ml	Dùng ngoài	Chai	Công ty cổ phần dược phẩm 3/2	Việt Nam	Chai 500ml	7.140,00	82.700	590.478.000,00
TỔNG CỘNG														2	792.078.000	
TỔNG CỘNG														2	792.078.000	

Số lượng sản phẩm trúng thầu : 220

Tổng trị giá trúng thầu : 40.026.885.198,00

Ngày 15 Tháng 01 Năm 2021

GIÁM ĐỐC



Châu Văn Đỉnh